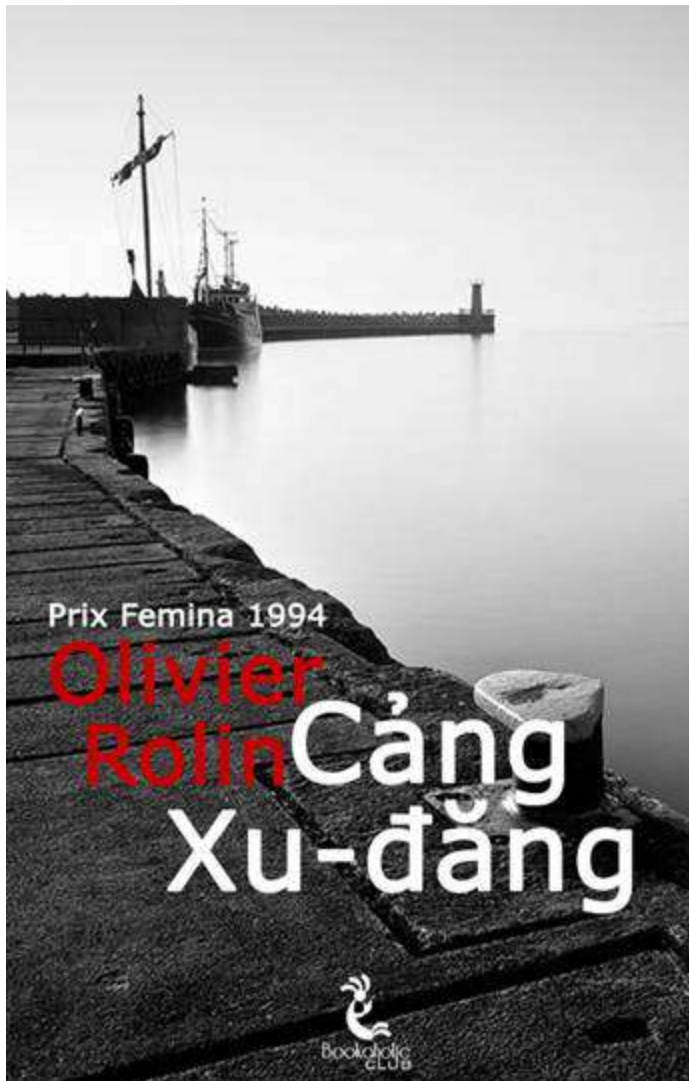




Prix Femina 1994

Olivier
Rolin

Cảng
Xu-đăng



CẢNG XU ĐĂNG

Olivier Rolin

Making Ebook Project
BOOKAHOLIC CLUB





Bookaholic
Making Ebook Project CLUB

Tên sách: **CẢNG XU ĐĂNG**

Tác giả: **Olivier Rolin**

Nguyên tác: *Port-Soudan*

Dịch giả: Nguyễn Văn Dân

Nhà xuất bản: Văn Học

Năm xuất bản: 1995

Số trang: 100

Khổ: 13 x 19 cm

Giá bìa: 6.000 đồng

Đánh máy: **Cầm Nhung, Ngọc Anh**

Kiểm tra: **Hồng Sơn**

Chế bản ebook: **Thảo Đoàn**

Ngày thực hiện: 08/02/2012

Making Ebook Project #226 – www.BookaholicClub.com

Bạn đang đọc ebook **CĂNG XU ĐĂNG** của tác giả **Olivier Rolin** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**.

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

Making Ebook Project của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến ấn phẩm sách.

Mục lục

[Giới thiệu tác giả](#)

[1](#)

[2](#)

[3](#)

[4](#)

[5](#)

[6](#)

[7](#)

[8](#)

[9](#)

[10](#)

[11](#)

[12](#)

[13](#)

Giới thiệu tác giả



Nhà văn Pháp **Olivier Rolin** sinh năm 1947, từng nghiên cứu Triết học và Ngôn ngữ. Ông cũng là một người say mê địa lý, tàu thuyền và ham thích du lịch. Năm 1994, ông đoạt giải Prix Fémina với tác phẩm *Cảng Xu đăng*.

*Edit  avec le concours de l’Ambassade de France en R publique
Socialiste du Vietnam*

Xuất bản với sự hợp tác của Đại sứ quán Pháp tại Cộng hòa XHCN Việt
Nam

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp:

“Port – Soudan”

Nhà xuất bản Seuil: 27 Rue Jacob

Paris VI – 1994

‘Cảng Xuđăng là hải cảng duy nhất của Xuđăng có khả năng tiếp nhận tàu lớn có độ dài tới 277 m và độ mớn nước là 11,3 m đối với tàu chở dầu, và 10,5 m đối với các tàu khác. [...] Từ tháng 7 tới tháng 9, các cơn gió mạnh và bất ngờ thổi từ giữa hướng đông nam và tây, có thể đạt tới cấp 8 Bôpho. Các cơn gió từ hướng tây nam, được gọi là bão cát, đem theo cát và bụi; khi ấy tầm nhìn xa bị giảm xuống dưới 100 m; nhiệt độ có thể lên tới 52°C. Trong thời gian này, những chiếc tàu nào chưa kịp cập bờ thì phải tìm một chỗ kín nào trong vịnh chứ không nên thả neo đứng chết vớt giữa trời’.

Chỉ dẫn hàng hải, bờ tây Biển Đỏ

Des Jaza'ir ở Ras Kasar

1

Chính ở cảng Xuđăng tôi đã biết được tin về cái chết của A. Những chuyện ngẫu nhiên của bưu điện ở đất nước này đã làm cho tin tức về bạn tôi đến khá chậm sau khi bạn tôi đã qua đời. Một viên chức ăn mặc rất rách rưới, bộ mặt bị biến dạng bởi bệnh hủi, mang một khẩu súng ổ quay lớn màu đen, bao súng buộc vào thắt lưng bằng một chiếc roi da trâu bện, đưa cho tôi bức thư vào lúc xế chiều. Bộ mặt sứt môi của ông ta, với đôi tai mào gà, làm cho ông ta lúc nào cũng như đang cười nhả nhổ. Người ta có thể tưởng như cơ thể ông ta được tạc bằng gỗ trong một vũ điệu của tử thần. Giống như hầu hết những người còn sống sót trong thành phố, nhiệm vụ chính của ông ta và chẳng là tổng tiền và ám sát. Tôi không biết làm thế nào mà ông ta kiếm được phong bì. Có thể là ông ta đã ăn cắp của chính tử thần.

Tôi run run ngồi viết những dòng này. Tôi viết trên tờ giấy xấu của một quyển vở mua ở Khartoum, vào một ngày mà một đội cảnh sát đã triệu tập tôi ra đồn vì một chuyện phiền nhiễu liên miên nào đó với những lời đe dọa làm cho nặng nề thêm, những dòng chữ thoát khỏi sự kiểm soát của bàn tay tôi, chúng chạy ngoằn ngoèo không theo đúng đường đi thường ngày của chúng. Mồ hôi trên trán tôi nhỏ xuống giấy thành những vệt trong suốt làm cho mực bị nhòe thành những đốm sao, lan ra như một dây thần kinh bị xé nát, sau đó làm thành những đám mây phớt xanh mỏng mảnh. Liệu tôi có đọc lại được điều mình viết không, tôi cũng không biết nữa. Theo một cách nào đó thì tôi viết ra những dòng này là để tiếp tục tồn tại. Tôi nghĩ là tôi chẳng có lý do nào khác để viết cả. Tôi nói, tôi viết điều đó, và tôi chẳng biết gì về điều đó cả: Liệu ta có thể biết được gì?

Mặt trời đỏ ối và cũng run rẩy như bàn tay tôi đang lặn xuống trên cái cơ thể to lớn cũng đang run rẩy của châu Phi. Một đám sương mù phản chiếu ánh nắng rạng rỡ đang che mờ những mái nhà bằng tôn và bằng gạch nén, với những bể nước dựng lên tua tủa, của hải cảng Xuđăng. Những ngọn tháp nhỏ này, nổi bật lên trong ánh hoàng hôn màu tím, làm cho thành phố trong buổi xế chiều trông giống như một doanh trại của quân La Mã mà

đế quốc La Mã suy tàn đã bỏ quên trên bờ Biển Đỏ, hoặc giống như một nhà trùng giời có các tháp canh bao quanh. Tôi uống một cốc rượu anizet mua lậu, rất độc được chở tới trên một trong những con tàu chở hàng hiếm hoi của Hi Lạp từ lâu đã chạy qua trước con đê chắn sóng phủ đầy cát bồi của hải cảng ngay dưới mái hiên nhà tôi: tôi đang bị nỗi buồn phiền vò xé. Tôi phải thú nhận rằng thoát đầu cái bức thư này – bức thư mà thông qua nó có một cái gì đó của đời tôi đã kết thúc – là một cách giải trí của tôi.

A. và tôi đã quen nhau khoảng hai mươi năm năm trước đây. Khi ấy chúng tôi đã chia sẻ với nhau những ước mơ lớn lao và mơ hồ. Ý nghĩ về một sự biến đổi thế giới hòa lẫn với lòng mong muốn một cuộc sống phiêu lưu. Tôi sẽ không bao giờ coi thường cái thời ấy, và tôi cũng không đồng tình với những ai chế nhạo nó. Cùng với nhiều sự việc nghiêm trọng và nhạy cảm mà sau đó chúng tôi đã được biết, thì chúng tôi lại không biết thế nào là sự sợ hãi, nỗi ghen tuông, sự hèn nhát.

Chúng tôi không tin vào Chúa, cũng không tin vào một con quỷ nào đó có những nỗi thăng trầm một cách nực cười theo kiểu tư sản. Chúng tôi là những kẻ cực kỳ táo bạo và hiền lành. Điều đó cũng quá đủ để chúng tôi không ruồng bỏ thời tuổi trẻ của chúng tôi. Rồi cái thời ấy cũng phải chấm dứt. Sự trì trệ của thế giới đã thắng, sức trai trẻ của chúng tôi đối lập lại nó đã bị cạn kiệt, và, như ở thời xa xưa, thuật thần bí lại biến thành chính trị, các khán giả vỗ tay hoan nghênh trước một kết cục đã trở nên rõ ràng của trận đấu. Tôi tin chắc rằng lần cuối cùng tôi gặp A. là một ngày mùa thu. Lúc đó chúng tôi cùng uống bia với nhau tại một quầy rượu bia ở cầu Cardinet. Giá thổi làm cho những chiếc lá khô ép sát xuống những vũng nước đen trông như những bàn tay vấy máu. Có lẽ là chúng tôi đã khóc. Về sau, anh ấy đã chọn nghề văn, còn tôi chọn nghề hàng hải. Tôi cho rằng đối với cả hai chúng tôi, có lẽ những nghề này không phản bội hoàn toàn những giấc mơ bay bổng mà từ lâu chúng tôi hằng ấp ủ. Đúng thế. Đây là một sự lựa chọn sai lầm, vì đó là những nghề không có tương lai. Người ta không thể tiến cao lên được bằng những nghề này.

Sau những năm tháng làm nghề vận chuyển những chuyến hàng thối thiu dọc theo bãi biển Châu Phi, mặt trái của sức khỏe đã quật ngã tôi. Thế là tôi nằm lại ở cảng Xuđăng, nơi đây, một loạt sự kiện ngẫu nhiên thoát

tiên đã trao cho tôi nhiệm vụ *harbour master*^[1]. Khi hải cảng này có thể nói là bị biến mất, như thể bị nhận chìm trong cơn bão biển chung của đất nước, thì từ nay trở đi nhiệm vụ của tôi chỉ còn mang ý nghĩa tượng trưng, và lại bọn cướp biển cũng không chịu công nhận chức vụ của tôi, đó là bọn sẵn sàng cướp bóc những tàu thuyền nào tình cờ qua đây, ngoài ra tôi còn phải kiêm nhiệm thêm chức vụ lãnh sự danh dự của nước cộng hòa Madagaxca, một chức vụ cũng không hề công kênh hơn khoản thu nhập ít ỏi của tôi có được không phải nhờ vào các khoản thuế mà thực ra tôi cũng chẳng thu, và cũng không dựa vào tiền lương mà từ lâu tôi cũng không còn nhớ tới nó nữa, mà dựa vào những chuyện buôn lậu vật vãnh mà lòng hám của của những kẻ tổng tiền đã để lại cho cái nghề khiêm tốn của tôi: một chút rượu ở một đất nước mà ở đó nó bị cấm, một vài người đói khát với đôi mắt thâm đen, với nước da tím tái, được tôi sai xuống những con thuyền chạy bằng dầu mazút để ra khơi chuyển mấy bó lá cây thuốc *khát*^[2] lên các tàu buôn quốc tế. Tóm lại chỉ là những việc lật vật, nhưng tôi chỉ cần có thế. Cái cuộc sống như cỏ cây mà càng ngày tôi càng thu mình vào ấy từ lâu đã tránh cho tôi khỏi mắc vào cảnh túng quẫn về nhu cầu cuộc sống. Tôi là một người dễ chịu đựng, người khác có lẽ họ đã đòi hỏi nhiều hơn.

Mặc dù đọc nhiều, nhưng tôi chẳng bao giờ hiểu được văn học là mấy: ít nhất đó là quan niệm của tôi. Các cuốn sách của A., tôi cũng có vài quyển của anh ấy, tỏ ra khó đọc và gây bất an. Tôi không biết nói tại sao, nhưng chúng gợi cho tôi hình ảnh về cảnh bầu trời giông bão nằm chắn ngang chân trời, ngược với chiều gió mùa, trông như những cánh rừng rậm bị cây xói bởi những tia phản xạ màu đồng, màu đỏ tía và màu xanh lam. Tôi tưởng như nhìn thấy ở đây vẻ chán ngán và nỗi buồn những cái mà chung quy lại cuộc sống xã hội đã không ngừng đánh thức dậy trong chúng ta, tôi nhìn thấy một sự bất lực nào đó trong việc làm cho chúng ta quen thuộc với những lễ nghi u mê của cuộc sống, cũng như thấy một sự luyến tiếc một thời có triển vọng về một tương lai rộng lớn. Trong khi luồng ánh nắng mặt trời, có khả năng nung chảy như một chiếc mỏ hàn những đông đồ nát của đêm tối, đang thiêu cháy những dụng cụ làm việc và làm nheo mắt người trực ban, thì thỉnh thoảng tôi nghĩ rằng cái vẫn tiếp tục gắn bó chúng tôi từ lâu và một cách bí ẩn chính là trạng thái hay sợ bóng sợ vía của chúng tôi, cái đã ngăn không để cho lứa tuổi chín chắn của chúng tôi hoàn toàn trở thành giai đoạn phủ nhận thời tuổi trẻ, bất chấp tất cả những hiện tượng bên

ngoài. Tôi không biết là liệu mình đã hiểu đúng sách của anh ấy chưa, không biết liệu anh ấy có thích mình hiểu như vậy không. Tôi không tin là sách vở, kể cả sách của anh ấy lẫn sách vở nói chung, lại có thể chứa đựng một chuyện gì đó đáng giá hơn sự phủ nhận bất an ấy.

Tác giả của bức thư cho tôi biết bà là người giúp việc, làm việc cho anh A. vài giờ mỗi tuần. Bà đã tìm thấy địa chỉ của tôi trên một chiếc phong bì nằm lẫn trong đồng giấy tờ lộn xộn. Vì thấy phong bì để mở nên bà nghĩ là mình được phép tìm hiểu xem bên trong có gì. Nhưng trong phong bì chẳng có gì ngoài một tờ giấy trắng vền vền chỉ có dòng chữ: *“Bạn thân mến”*. Bức thư bỏ dở này được viết từ hôm trước ngày mất của A.: lối diễn đạt ngắn gọn của nó đã làm cho nó mất sức nặng, theo một cách nào đó thì hoàn cảnh mà anh ấy rơi vào để rồi sau đó lại từ bỏ anh ấy là cái đã hoàn trả cho anh ấy lối diễn đạt như vậy. Người viết thư cho tôi nói rằng *“Bạn ông đã tạ thế vào một ngày thứ hai”*. Bà không nói *“chết”* mà nói *“tạ thế”*, như những người bình dân và những viên chức nhà tang lễ thường nói. Bà còn viết tắt chữ này là *“t.th.”* như người ta thường thấy ở một số bia mộ nông thôn. Bà nói thêm là gần đây mọi việc tỏ ra không ổn. Thái độ ân cần của bà tỏ ra tử tế và cảm động. Tôi đoán chắc là ít nhất bà cũng phải có thiện cảm với A. Bà để địa chỉ lại cho tôi, đó là phố Grange aux Belles. Tôi quyết định trở về Pháp để mong tái lập lại nội dung bức thư đã bị vĩnh viễn mất đi. Cuộc sống hàng ngày vô công rồi nghề làm cho tôi rồi rỗi, thêm vào đó tôi cũng còn có một nghĩa vụ tình bạn. Tình cờ có một con tàu đang chuẩn bị rời cảng Xudăng để đi Aléchxandơ, Tripôli và Mácxây, thế là tôi xách túi xuống tàu.

2

Đã mấy năm tôi quên mất thế nào là mùa đông. Cái nắng hùng hực của bầu trời không một gợn mây, rồi đến cái lò hấp làm sôi mặt biển, đôi khi lại có những guồng cát thổi tới từ hoang mạc Nubie làm cho da thịt khô đét như những xác ướp mômi: đó là tất cả những hiện tượng khí tượng mà tôi quen biết từ mấy năm nay. Bây giờ, khi nhìn qua cửa kính tàu hỏa đang chạy ngược dòng sông Rhône, tôi quan sát những cảnh tượng buồn bã của xứ lạnh giống như một kẻ xa lạ đang xem một vở kịch. Xen giữa những nếp gấp của dải đất đen là những vũng nước lấp lánh như những đồng tiền hiện ra trong ánh hoàng hôn. Những con đường nhão nhoét, được ghi dấu bởi bước chân của gia súc, chạy dài về phía xa với những nét vạch tô điểm màu hoa cà và màu nâu. Bầu trời bị rạch nát bởi những đám mây xám và với những đàn quạ bay lượn. Ở chỗ khác, người ta nhìn thấy những ngôi nhà có những bức tường ẩm thấp, những ngọn đèn nông run rẩy sau cửa kính nhòe hơi nước, những bãi đỗ xe hiện ra nhấp nhô dưới ánh điện màu da cam. Một cơn mưa tuyết làm cho vỉa hè lấp lánh nước như những vỉa than đá, vỡ ra thành những vòng hạt trai xung quanh các cột đèn.

Bà giúp việc là một người có khuôn mặt mơn mõi và nhợt nhạt như một bánh xà phòng. Bà nói chuyện chậm rãi, dài dòng, vì bà phải tìm câu chữ, không phải vì bà khó diễn đạt, mà có lẽ là vì bà muốn diễn đạt cho chính xác. Món tiêu khiển của bà là một chiếc máy thu hình và một con mèo. Khi tôi đến, bà tắt máy thu hình và đuổi con mèo ra hành lang: thái độ lịch sự này làm tôi rất biết ơn. Bà không tỏ ra ngạc nhiên khi gặp một người lạ từ cảng Xuđăng đến, điều này như thể cũng chẳng khác gì chuyện một người khách hàng xóm sang chơi. Bà hỏi han tôi đôi điều về những trò giải trí và về những chuyện lạ ở nơi tôi sống, bà hỏi vì phép lịch sự hơn là vì quan tâm thật sự. Và vì tôi trả lời là thực ra mà nói thì chẳng có gì lạ nên bà cũng không gắng hỏi thêm nữa. Bà có một nhận xét hơi kỳ lạ: “Điều đó cũng chẳng có gì ngạc nhiên”. Bà tiếp tôi một cốc rượu vang, sau đó bà bắt đầu nói mà không cần tôi phải hỏi. Hình như bà đã đợi từ lâu để được trao tặng món quà ngôn từ này.

Về nàng, bà giúp việc chẳng biết gì ngoài quần áo và đồ đạc của nàng. Tên nàng, khuôn mặt nàng, tuổi tác nàng, bà đều không biết. Nhiều nhất bà chỉ có thể căn cứ vào một số dấu hiệu mà suy ra rằng nàng là một người đàn bà rất trẻ. Chẳng hạn như đôi giày vải thể thao của nàng, có một đồng giày vải thể thao màu trắng để xếp hàng dưới tử sách: theo bà, một người đàn bà không trẻ thì không đi giày vải thể thao. Bà tưởng tượng nàng vừa đi dọc hè phố vừa chú ý không đặt chân vào khớp nối của phiến đá lát đường. Nhẹ nhàng, mơ mộng, nàng hoàn toàn bị cuốn hút bởi cái trò chơi con trẻ này. Hoặc là khi ấy, vào mùa hè, nàng chạy trên bãi cát mịn và cứng ngoài biển, nơi thủy triều xuống đã tạc trên nền cát những đợt sóng gọn im lìm, nàng nhảy tung tủy, tóc bay phấp phới, những lạch nước do thủy triều xuống để lại đang tỏa ánh lấp lánh. Nàng chú ý không để bị ướt. Sau đó nàng bỗng dừng lại, hai tay chấp sau lưng, mải mê nhìn trân trân xuống đất tìm kiếm vảy xà cừ đang lóng lánh ngũ sắc dưới ánh chiều tà, tìm kiếm những chiếc vỏ sò màu vàng chanh hoặc màu mơ mà cái miệng vỡ của chúng để lộ cho thấy một hình xoắn ốc hoàn hảo, giống như chiếc cầu thang của một ngọn tháp trong đó có các nàng tiên sinh sống. Hoặc bà còn hình dung thấy nàng đứng một chân làm trụ xoay người nghịch ngợm vẽ nên những vòng tròn hoàn hảo trên mặt cát. Khi ấy, chiếc váy của nàng, một chiếc váy rộng may bằng vải ca rô đen trắng, tung bay quanh hông nàng. Và, bà khẳng định với tôi rằng những chuyện đó chắc là diễn ra vào lúc ánh nắng quét sát đất đang làm cho những chiếc bóng dài ra vô tận – mặt trời gần như đang chạm sát vạch chân trời dưới vòm mây tía. Có thể có cả một đàn ngựa phi dọc theo dải đá ngầm chắn sóng: và khi đó ta có thể nghe thấy tiếng vó ngựa gõ dồn dập làm tung tóe bọt nước, nghe tiếng đàn ngựa khịt mũi, tiếng vỗ nước chậm chạp của thủy triều, và tiếng la hét của tập kỵ sĩ đang xa dần về phía vách đá dựng đứng in hình tối sẫm. Những lúc này, bà nghĩ (nếu như những chuyện đó thật sự xảy ra), có lẽ là A. vô cùng hạnh phúc. Sau đó họ dắt tay nhau đi ăn tối ở một khách sạn mà tại phòng ăn của nó ánh hoàng hôn từ sau mấy hòn đảo chiếu vào đang nhuộm màu hồng cho những chiếc khăn trải bàn.

Ở cảng Xudăng, hoàng hôn phải tuân theo một nghi thức không đổi. Trong chốc lát những mái nhà, những tán lá cây, những cành cọ uốn cong, như bị cái nóng tích tụ ban ngày thiêu cháy, chúng phát ra những đám hơi lửa tỏ màu sắc dữ dội của iốt và lưu huỳnh. Trạng thái kịch phát này chắc là

làm cho lũ kền kền phát điên lên đến nỗi bỗng nhiên chúng trở nên hoảng loạn lao cả vào nhau. Những đàn chim kêu âm ỉ bay xáo xác trên trời, những đám lông chim vấy máu xoay tròn rơi lả tả trên thành phố như một tấm khăn voan nhò nhôi. Một sự điên loạn tương tự cũng làm cho lũ súc vật trảng nhạc lao vào cắn xé nhau, chúng là một loại giống lai ghê người giữa loài chó và loài linh cẩu, chúng thường đi lang thang dọc theo bờ biển để tìm ruột cá – và đôi khi chúng tìm thấy cả những khúc ruột dài thối hoắc của một xác người chết đuối nằm vất trên bờ đá. Người ta nhìn thấy chúng nhe những chiếc răng nanh ngoạm vào cổ, vào mạng sườn kẻ thù và chúng chỉ nhả ra khi con vật kịp tắt thở hoặc bị liệt: hai con mắt lộn tròng trắng dã. Và ngay lập tức chúng xâu xé con mồi. Bỗng nhiên đêm tối đổ ập xuống giống như một con sóng khổng lồ ồ ạt kéo về từ khắp bờ biển của bán đảo Ả Rập, tất cả bỗng nhiên chìm vào vương quốc của bóng đêm, trong đó có những lò lửa bắt đầu bập bùng lửa đỏ và những chiếc đèn dầu bắt đầu phát ra những quang sáng lốm đốm xác muối.

Màu đen và màu trắng là những màu quần áo của nàng. Giày vải trắng, ủng màu đen, quần bò và áo ngắn màu đen, áo sơ mi nữ và may ô ngắn tay màu trắng: ngoài ra không còn thứ y phục nào khác nữa. À có, còn chiếc váy ca rô. Đó là một phụ nữ mãn tang. Theo bà giúp việc, nàng chắc là phải có nước da xanh tái, ít đánh phấn son. Theo bà, điều đó cho ta đoán trước một bản tính dè dặt và nghiêm nghị, thích mơ mộng hơn là chuyện trò. Bà tưởng tượng thấy nàng thường tự chìm đắm trong suy tư, bị trói buộc vào một nút thắt bí mật mà nàng không thể cởi được và thậm chí không thể mô tả được mỗi buộc phức tạp của nó. Nó giống như một cái mỏ neo ngoắc vào trong một cái bình nội tâm, và nó neo nàng lại trong bản thân nàng một cách đau đớn (tất nhiên bà không nói chính xác những câu chữ như vậy, mà gốc rễ Tây Ban Nha của bà đã khiến bà sử dụng cái từ dễ nghe là *ensmismada*, tức là một tính từ hóa của từ “*trong bản thân nàng*”). Đó chính là hình ảnh của nàng dưới con mắt của bà, một cô gái thần tượng có nước da vàng như sáp, ít lời và không thích giao du, luôn luôn bị dày vò vì những nỗi sợ hãi mà nàng không thể mô tả được, nhưng có lẽ là nàng đã biết cách thu xếp và thậm chí vun đắp chúng như thể chúng là một bộ phận hiển nhiên nhất của chính cuộc đời nàng. Nhưng cũng có thể bà nhầm, và nàng đúng là một người đàn bà gốc ghêch phù phiếm và nhẩn tâm. Điều đó cũng có thể xảy ra.

Dù thế nào đi nữa thì vào cái ngày mà A. bắt gặp cái nhìn của nàng thì anh đã nhìn thấy cái chết của mình trong mắt nàng. Có thể anh đã biết điều đó, và anh đã nghiệm thấy một niềm vui nghịch lý: nó giống như niềm vui của một anh lính kỵ binh ngày xưa trong khi xông lên tấn công vào trận tuyến của kẻ thù, hoặc giống như một người ra khỏi nhà vào buổi sáng sớm, hai khẩu súng ngắn nhét trong túi, anh ta bước đi trong đám sương mù tối đầu trường để tham dự một trận đấu tay đôi mà có thể anh sẽ chỉ trở về với tư cách là một cái xác nằm trên cang, mặt giấu trong áo khoác. “*Đó chắc chắn là một cái chết đẹp, thưa ông*”, bà bảo tôi. Cuối cùng thì tôi cũng mong điều đó cho anh. Và, sau một tiếng thở dài khẽ: tôi tin là anh đáng được như vậy: nhưng chúng tôi không hiểu liệu cái điều xứng đáng với anh có phải là do một kết cục tốt đẹp, hay do người đàn bà trẻ ấy, hoặc liệu có phải cả hai điều ấy đã trùng hợp nhau trong tinh thần của anh như có lẽ chúng đã trùng hợp nhau trong việc làm cho đời anh cạn kiệt.

Có một điều đáng ngạc nhiên nữa mà thoát đầu người ta có thể đã không để ý, và một người xa lạ với cuộc sống gia đình chắc là cũng không đề phòng, đó là những thứ đồ đạc của nàng có vẻ như luôn sẵn sàng sửa soạn để nàng ra đi; hoặc chúng được sắp xếp như thể nàng vừa mới đi xa về. Hầu như không có một ngăn kéo tủ nào được xếp đầy, mặc dù vẫn còn có những chỗ trống để dành cho nàng, quần áo của nàng được gấp để trên một cái bàn, hoặc được treo trên móc áo chỗ này chỗ kia, nói chung là móc vào tầng giá của tủ sách mà dưới đáy tủ nàng để xếp hàng những đôi giày vải và ủng bốt tin. Và lại, ngoài số ít chai lọ đựng đồ mỹ phẩm đặt trên bàn và trong buồng tắm ra, người ta chẳng thấy có một đồ vật gì có vẻ là của riêng nàng. Điều đó như thể việc nàng đến ở nhà A. là tuân theo một sự thôi thúc mà ngay sau đó nàng đã phải tự trách mình và không ngừng suy xét lại. Rõ ràng là thay vì trú ở đây, chưa nói rằng sống ở đây, nàng có vẻ như ấn định cho mình một sự cắm trại tạm thời – giống như một người du mục dừng chân bên một giếng nước mà ngay sau khi nó cạn kiệt là anh ta bỏ nó để ra đi không có ngày trở lại.

Và, theo ý kiến của bà giúp việc, trong tình trạng tạm thời này không có dấu hiệu của một tâm trạng hoạt động, của một sự mời chào vui vẻ: trái lại, nhiều lần bà ngạc nhiên nhận thấy rằng khi A. đi vắng – chuyện này được chứng thực bằng sự thiếu vắng một chiếc va li, quần áo, đồ dùng vệ sinh, v.v... thì quần áo của nàng vẫn để lại trong căn phòng trống trải, nhưng

nàng vẫn có cái vẻ dè dặt, xa cách, như nghi ngờ đối với những người xung quanh. Bà cho tôi biết là A. thường đi xa, nhất là để viết văn. Và khi ấy hơn lúc nào hết, có vẻ như nàng sợ sệt và kính cẩn phải sống trong ngôi nhà của một người đã chết: nàng không đụng chạm đến một thứ gì, không ngồi vào chỗ bỏ trống, như thể tất cả đều được bọc bằng thứ vải mà người ta thấy ở đồ đạc của những ngôi nhà bỏ không. Vâng, bà bảo tôi, sự việc như thế A. là một xác chết đối với nàng – một xác chết khủng khiếp, hay là một xác chết gây ấn tượng, hay là một xác chết được yêu thích, nếu không thì người ta đã không ở cùng anh: dù thế nào thì anh cũng là một sinh linh xa cách với nàng (bởi lẽ trong cái mối liên hệ kỳ lạ gắn bó họ với nhau có thể nàng chính là xác chết còn anh lại là người sống: và khi ấy, nàng sống ở đây như một bóng ma mà tình yêu đã làm sống lại một thời gian để rồi lại biến mất khi nghe thấy tiếng gà gáy sáng).

Theo bà, một sự điên rồ như thế là biểu hiện của sự chuẩn bị sẵn sàng cho một chuyến ra đi vĩnh viễn mà mỗi một bộ quần áo của nàng là một dấu hiệu báo trước. Nhưng cũng có thể là bà nhầm, có thể đó chỉ là một cô gái tiểu tư sản có tình yêu chốc lát đối với A. trong khi vẫn biết chính xác rằng nàng không bao giờ có thể chia sẻ cuộc sống với anh, rằng đây chỉ là một cuộc đàn dứ nhất thời, một thử nghiệm, rằng nàng cần phải kiếm được một cái gì đó đầy đủ tiện nghi hơn để nuôi dạy con cái, một tình nhân giống như một chiếc tràng kỷ có thể chuyển đổi được. Trong khi đó thì một nhà nghệ sĩ, ông thử nghĩ xem có thể làm được gì cho nàng! Người ta không biết được điều gì về chuyện đó, và người ta không thể biết hơn được nữa.

3

Con tàu nào mà cập bến cảng Xuđăng – tôi bảo với bà ấy là chuyện này càng ngày càng hiếm – đều phải vận hành như sau: sau khi tiến sang vị trí 243 cho đến khi xác định được ngọn hải đăng phía Nam bãi đá ngầm Wingate nằm ở phía Tây Bắc, khi ấy chúng sẽ rẽ sang phía Tây, tắt máy và chạy theo đà. Trước đây, vào thời hoàng tộc trước thời của tôi, và thậm chí ở cả thời kì khi tôi thực sự thực thi nhiệm vụ trưởng bến, người ta buông một chiếc thang bên sườn vỏ tàu để cho một hoa tiêu, được chở tới bằng thuyền, leo lên tàu hướng dẫn giai đoạn vận hành cập bến cuối cùng. Nói đúng ra, không hiếm khi anh ta bị say rượu, và rằng viên thuyền trưởng, sau khi nhiệt tình chào đón chúc tụng anh ta, đã cho nhốt anh ta vào một buồng cùng với một cốc rượu whisky đầy tràn, trong khi họ cho máy thông thả khởi động lại. Những người viên chức này không hề khó chịu cho rằng uy tín của họ như vậy là bị nhạo báng, nhất là nếu như có thêm vài đồng đô la ngoài cốc rượu mạnh. Người ta sẽ không than phiền hơn nếu phải nằm lại ở cảng Xuđăng so với ở những nơi khác, và ai ai cũng thấy hài lòng. Thời bấy giờ (dù sao cũng sẽ là quá phóng đại nếu nói là một thời kì tốt lành) đã qua từ lâu rồi. Từ nay trở đi, tàu bè phải thả neo ở bãi đá ngầm san hô, cách đường ranh giới một chút, nơi mà màu sắc của nước biển, từ màu thạch anh tím chuyển sang màu lá chuối già, chỉ ra một sự dốc ngược lên bất ngờ của đáy biển. Thay vì một chiếc thang, người ta hạ xuống một cửa tàu dọc theo thành tàu.

Không phải là các hoa tiêu trở nên bất lực (mặc dù là quả thực trong số họ có người mất một cánh tay hoặc một ống chân: nhưng điều đó không hề ngăn cản họ tỏ ra hoạt bát nếu có dịp): chỉ có điều họ đến để được trả công bằng hiện vật, đó là các cô gái cướp được hoặc mua được với giá rẻ mạt tại Sri Lanka, tại Philippin, tại Kalimantan và ở những nơi khác, họ bị quăng xuống hầm tàu, chân bị xiềng, và, sau khi phải phục vụ giải trí cho các thủy thủ trong suốt chặng đường, họ được trao cho các “nhà chức trách” độc địa như là món thuế nhập cảng. Họ được chuyển từ tàu xuống thuyền trong những chiếc bao đay có in nhãn “gạo” hoặc “cà phê”, còn các ông chủ mới

cũng chẳng buồn mở ra xem: họ chú ý tới chất lượng của những món hàng này ít hơn so với những người mua nô lệ xưa kia, những người mà, theo những câu chuyện cổ Ba Tư kể lại, đã vét hết cả kho gấm vóc châu báu vàng bạc chỉ để được sở hữu một ánh mắt to đụ hiên, hai hàm răng xà cừ lấp lánh trên một khuôn mặt trái xoan màu đất nung. Sự thực là những người con gái bất hạnh kia bị đem dâng hiến không phải chỉ để phục vụ chuyện tình dục, mà thông thường là để làm kiếp trâu ngựa, kể cả nguy cơ phải làm gái điếm. Gã Mặt Húi, người nhân viên bưu điện gớm ghiếc đã đem đến cho tôi bức thư thông báo về cái chết của A., là nằm trong số những tên ma cô dốt gái này.

Tất nhiên là tôi biết có chuyện buôn bán ấy. Trạng thái mệt mỏi của tôi, cũng như chủ nghĩa hoài nghi đã gặm nhấm tôi hơn cả bệnh sốt rét, đã không ngăn cản được tôi chỉ trích chuyện này. Tôi công nhận là bản thân tôi cũng đã làm nghề ma cô chút ít, nhưng đó chỉ là chuyện rất đúng theo phong tục truyền thống: các cô gái tự do xuống tàu, và họ cũng tự do lên bờ, tôi không làm chuyện buôn bán súc vật người. Cho nên tôi tin là mình đã làm đúng khi báo trước về những thói làm ăn này cho một anh bác sĩ trẻ mà ý thức bảo vệ, ít nhất tôi cũng tin như vậy, cho một lý do nhân đạo nào đó đã khiến anh ta phải đỗ lại ở cái bến bờ hiu quạnh này, sau đó là cho một viên chức cao cấp của một tổ chức quốc tế mà sự trục trặc không đúng lúc của máy bay đã buộc ông rơi vào cảnh cùng cực nơi đây. Một niềm kiêu hãnh ngây thơ choán hết tâm trí của chàng bác sĩ trẻ tuổi, anh ta mặc toàn đồ kaki như một người hoạt động ở rừng rú mà anh ta tưởng là mình như thế, với một suy nghĩ không ngừng rằng anh ta sai khiến được cả một đại đội xe cơ giới 4x4, và thậm chí cả một chiếc máy bay nhỏ một động cơ mà anh ta liên lạc với nó bằng radiô. Thái độ thỏa mãn làm rạng rỡ khuôn mặt anh ấy hoàn toàn chỉ là chuyện nực cười: trong những hoàn cảnh nhất định, có thể thái độ thỏa mãn này sẽ làm cho anh ta thiên về những hành động dũng cảm bất ngờ mà theo một cách nào đó thì chúng là một bộ phận của bộ sưu tập vũ khí của anh, giống như bộ râu để hai ngày, như chiếc khăn dài trắng quấn quanh cổ và như đôi kính râm, và cứ coi như với tư cách là thầy thuốc dạ dày-ruột, anh ta thậm chí đã không tưởng tượng ra những thứ đó.

Tuy nhiên cách làm của tôi đã khiến anh ta khó chịu: nó không phù hợp với những kế hoạch tiến hành chiến dịch của anh, những kế hoạch dường như cũng được quyết định một cách nghiêm chỉnh chẳng khác gì kế hoạch

sản xuất của một nhà máy liên hiệp của Liên Xô. Anh ta cho tôi biết rằng dư luận là điều chủ chốt trong mọi sự việc. Người ta chỉ hành động khi dư luận thể hiện ý chí của sự việc theo cách không thành lời nhưng kiên trì, theo cách của trẻ em mà tiếng khóc oe oe của chúng cho biết rằng chúng muốn ăn. Như vậy trước tiên ta phải làm cho dư luận nhạy cảm. Căn cứ vào tình hình của tôi, tôi để cho anh ta hiểu rằng việc đó phần nào tỏ ra nằm ngoài khả năng của tôi. Anh ta rất muốn để lại cho tôi số điện thoại của phóng viên AFP ở Cairô, người mà tôi vốn quen biết từ lâu, và chúng tôi chỉ thỏa thuận có thể. Còn đối với người viên chức quốc tế cao cấp, người mà danh tiếng ma cô nghiệp dư của tôi đã đưa ông ta đến gặp tôi, thì sự việc còn tồi tệ hơn: ông ta xằng giọng vạch cho tôi thấy rằng nhà chức trách của một đất nước có chủ quyền, và mặc cho người ta nghĩ thế nào về họ, thì được phép toàn quyền hành động, rằng, cho dù hơi hướng của chủ nghĩa thực dân mới có như thế nào thì đối với một cái mũi thành thạo như của ông ta, nó vẫn bị đánh hơi thấy trong những lời tố cáo của tôi, và rằng cuối cùng thì vị trí của tôi đáng ra phải buộc tôi thận trọng hơn về vấn đề này. Tôi buộc phải không cung cấp gái cho ông ta, và khuyên ông ta chịu giao nộp một hoặc hai hoặc ba cái bao, nếu ông có lòng hảo tâm, và cuối cùng chúng tôi tức giận chia tay nhau.

Dư luận... Chỉ riêng âm thanh của từ đó cũng đã gợi lên những cảm giác khó chịu, đó là cảm giác về thứ nước ấm, về mùi hành, về hạt thông trên đường phố... về cái gì đó nhạt nhẽo và mang tính tư sản. Cách đây khoảng hai mươi năm, khi tôi rời nước Pháp, thì khi ấy không có “dư luận” mà chỉ có sự phán xét – thường là gay gắt, nhưng tôi cảm thấy đó là những văn bản bó buộc tinh thần và thường là cả thể xác. Để giữ cái nợ và bỏ cái kia, người ta dựa vào một quan điểm triết học thay cho một truyền thống đang bị xói mòn. Người ta không tắm mình trong cái khối nhau của đa số đang nuôi dưỡng một đám đông mềm yếu, một đồng keo thai nhi trí thức khổng lồ. Mà người ta chọn lấy sức lực và niềm kiêu hãnh được làm người thiểu số, được đi theo lá cờ của những kẻ đại nhân bị ruồng bỏ. Sự cô đơn không phải là một điều hổ thẹn. Những từ ngữ như “táo bạo” hoặc “dũng cảm” tỏ ra dễ nghe đối với chúng ta, chúng ta liêu lĩnh lấy chúng làm của riêng, lấy chúng làm khẩu hiệu mà theo nó chúng ta không cần phải hy vọng mới hành động, không cần phải thành công mới kiên trì. Điều đó không phải lúc nào cũng tránh cho chúng ta khỏi bị chê cười, nhưng ít nhất nó cũng tránh cho chúng ta khỏi mắc phải chủ nghĩa xu thời. Và tôi không

chỉ nói đến thể hệ của chúng tôi, tức là của tôi và của A., mà còn nói tới cả thể hệ cha ông chúng tôi nữa, những con người được thần phục là đã sống như kẻ cô lập, những kẻ bị ruồng bỏ. Người ta biết không phải dư luận là cái đã tái lập danh dự cho đại úy Dreyfus^[3], và thể nào thì thể cũng không phải là cho nước Pháp năm 1940. Khi ấy đó cũng là chuyện chính trị, chuyện phê phán, chuyện luận chiến, chuyện văn chương: những chuyện mà được coi là có tranh đấu. Trong khi mà tai mắt của tôi, những cái mà một cuộc sống biệt xứ lâu ngày đã làm cho chúng trở nên ngây ngô, chỉ biết ngạc nhiên trước những điều nhạt nhẽo của tỷ lệ phần trăm và của sự quản lý – đó là những điều nhạt nhẽo của công việc làm ăn, của kinh tế, của nghề nghiệp, của văn bản, của tình cảm. Người ta đặt loại những vấn đề nghiêm trọng nhất; mang tính công dân nhất – đó là án tử hình, là sự sống còn hoặc sự diệt vong của một dân tộc – không phải với sự tùy tiện của tư tưởng, cũng không phải với uy tín của tài hùng biện, mà với sự biến động hình sin của máy móc. Trong cái đất nước mà từ nay trở đi người ta đòi hỏi nó phải giải quyết những vụ việc của con người bằng các số liệu thống kê trong mối quan hệ cái nọ sản sinh ra cái kia, trong đó cái sống và cái chết, cái thiện và cái ác, danh dự và sự ô nhục được tính toán theo thị trường, tôi không còn nhận ra được cái dân tộc mà trước đây có thể được coi là vĩ đại, và trong đó dù sao tinh thần cũng đã không cất giấu mọi thể lực của nó vào các kết đăng ký của các thương gia.

Sự phân xét mang trong mình nó một yếu tố quyết định kịch tính: và không có cái gì mà dư luận căm ghét bằng màn kịch. Trái lại, cái làm cho tính phù phiếm của màn kịch bị chỉ trích kịch liệt là sự dẫn trò. Từ nay trở đi người ta diễn trò không nghỉ, diễn diên cuồng ở mọi lĩnh vực. Không phải chỉ ở các cuộc đua, ở thị trường chứng khoán, ở xổ số thể thao, ở vô số những biến thể khác nhau của xổ số đang gieo vào đầu óc những con người bình dân những ước mơ trở nên giàu có bất ngờ, mà còn ở cả việc vờ vĩnh tình cảm, vờ vĩnh tình yêu, và thậm chí vờ vĩnh cả chiến tranh. Trẻ em trở nên động kinh vì bị mờ mắt bởi những trò tung hứng điện tử. Người lớn, được coi là những nô lệ trẻ con lớn tuổi và được ăn uống đầy đủ, thì diễn trò trước máy thu hình hoặc máy tính điện tử. Những trò hề này tìm thấy lý lẽ hợp pháp triết học của chúng, nếu như có thể gọi như vậy, ở niềm tin cho rằng thế giới chỉ là một trò chơi may rủi lớn, trong đó những kẻ nào gặp may, những kẻ nào bịp bợm và lừa đảo thì sẽ thắng. Tôi có cần phải thừa nhận điều đó không? Tất nhiên là tôi đã trở thành một người Châu Phi mà

không biết: tôi cho rằng những sự tàn bạo có môn bài ở cảng Xuđăng có lẽ còn có phần chân thực hơn so với những trò làm ăn bất chính của các cỗ máy tư tưởng yếu ớt đang hoạt động hồi hải cho đến lúc chết này.

Tôi không biết sự mệt mỏi chán ngán do tình trạng suy thoái không cưỡng nổi của tinh thần công chúng gây ra ấy đã góp phần như thế nào vào quyết định của A. Nhưng tôi không thể cho rằng anh ấy thờ ơ với những điều đó. Ngoài ra tôi cũng giả định rằng văn chương đã bị lôi cuốn vào sự suy sụp tinh thần chung này, và rằng chắc là anh ấy đã phải chịu đau khổ vì nó. Nhưng tôi cũng cảm thấy – hoặc là anh ấy có thể đã thay đổi – rằng mối quan tâm của anh có lẽ không chỉ giới hạn ở việc bảo vệ văn chương, rằng chẳng hạn như sự thỏa mãn của đất nước anh giành cho một tên bạo chúa nào đó mà bọn lính hung hãn vô kỷ luật say rượu của hắn có quyền tàn phá những thành phố thanh bình, hoặc cho một tên bạo chúa khác mà lũ cảnh sát của hắn kéo đến tận giữa Pari để ám sát những người đối lập sống lưu vong, sự thỏa mãn đó chắc là phải tháo gỡ liên tục trong anh cái tấm lưới lịch sử của cá nhân. Và cái điều tôi gọi là như vậy, chính là cái làm cho người ta cảm thấy mình thuộc về một thời đại, gắn bó với thời đại đó thông qua hàng nghìn mối ràng buộc tinh vi của trí tuệ và trí nhớ, làm cạn kiệt và triển khai sức mạnh của mình trong thời đại đó, hoặc trái lại sống xa lánh trong môi trường của mình giống như ở giữa bãi hoang mạc, một Don Quixotte thống thiết mà niềm tin vào những sự việc đã qua đã khuấy động chàng một cách vô ích.

Một điều nữa tôi cũng không biết là vai trò của nàng trong tình trạng võ mộng giả định này là như thế nào. Trong đề tài này tôi buộc phải xem xét các giả thiết của một nhà tiểu thuyết: nhưng, nói cho cùng thì, căn cứ vào bức thư để giấy trắng gửi cho tôi mà trên đó chỉ có dòng chữ “*Bạn thân mến*”, có vẻ như A. muốn mời tôi dừng lại, nếu có thể, một câu chuyện đã qua mà chung qui lại anh đã không có thời gian hoặc có can đảm truyền lại cho tôi – thậm chí nếu như sức khỏe đã cho phép anh nghĩ tới nó. Mức độ nghiêm trọng mà bà giúp việc, trong khi tiểu thuyết hóa câu chuyện xuất phát từ một vài dấu vết, dành cho người con gái đã từng là bạn tình của anh, cái khoảng cách mà bà tưởng tượng giữa nàng với thế giới xung quanh, việc bà cho rằng nàng giam mình sống tách biệt một cách bí ẩn, tất cả dường như biến nàng thành một đồng minh trong cảnh cô đơn xã hội – một bàn tay yếu ớt, quen dò dẫm trong nỗi sợ hãi hùng của đêm đen, và bàn tay ấy nắm

lấy tay anh khi bóng tối giăng kín đường đi. Nhưng nếu trường hợp đúng là như vậy, thì chính nàng cũng có khả năng đưa ra cú kết liễu: nếu như chẳng hạn giống như đa số những người khác, nàng mang trong lòng mình hai nhân vật trái ngược nhau (tôi nhớ lại rằng ở bạn tôi cũng có một khuynh hướng sa đọa không ngừng đấu tranh với một khát vọng sống khổ hạnh), thì bỗng nhiên chính một người đàn bà nhẹ dạ và muốn quên đi cái phần tăm tối của riêng mình, khát khao ánh sáng và tiếng ồn, có khuynh hướng xu thời hơn là phiêu lưu, thậm chí say mê cả một số điều tầm thường của kẻ hãnh tiến, đã là người như thể được thức dậy từ một giấc mơ, đi bên cạnh thân hình bi – hài cao lớn của A. trên con đường đêm tối không biết dẫn tới đâu: và đến khi ấy nàng đã bỏ chạy, để anh ở lại một mình trong nỗi tuyệt vọng hơn cả một thân cây khô héo.

Đối với những ai ngạc nhiên khi thấy tôi đi từ những động cơ cao cả tới những lý do nhỏ nhặt, từ bước đi của lịch sử đến những sự kiện của đời sống thuần túy, thì tôi sẽ trả lời rằng họ chưa hiểu rõ con người. Sự vận động của thế giới, chiến tranh, cách mạng, chúng tôi đều xem xét chúng thông qua cái lăng kính dục vọng của chúng ta, mà đến lượt chúng, dục vọng của chúng ta lại biến đổi do những hiện tượng kia. Và nếu như hạnh phúc lớn lao chỉ có được trong sự trùng hợp giữa tình yêu với một niềm hy vọng lớn của con người, thì có lẽ nỗi bất hạnh tồi tệ nhất chỉ xảy ra khi sự từ bỏ lấy đi mọi thứ của anh, kể từ những cái trước đó còn gần gũi nhất với anh về mặt xác thịt cho đến những chân trời bao la mà tư tưởng của anh tin là có thể bao quát được.

4

Bà giúp việc bảo tôi rằng từ cái ngày mà đồ đạc riêng của nàng biến mất, thì sự đồ vỡ bắt đầu xuất hiện trong căn nhà. Những thứ ấy không biến mất hẳn một lúc, nhưng chúng biến cũng khá nhanh, và theo thứ tự, giống như sự rút lui có sắp xếp của một đạo quân. Một hôm, những bộ quần áo treo trên giá tủ hoặc để trên bàn không còn nữa, rồi đến quần bò và áo ngắn đen, đến áo may ô ngắn tay trắng, đến giày vải thể thao dưới gầm tủ sách. Trong vòng một tháng, có thể là trên bề mặt đá trong buồng tắm vẫn còn để một chiếc hộp màu đen đựng đồ mỹ phẩm. Sau đó, đến một ngày kia người ta không còn nhìn thấy nó nữa, rồi gần như ngay sau đó người cũng không thấy mấy thứ đồ cá nhân rất quý hiếm của nàng để trong đó: một chiếc quạt lông công, chiếc hộp bằng xà cừ hoặc bằng đồi mồi, một chiếc vòng xuyên bằng gỗ mun nam bạc, một chiếc va li nhỏ bằng liễu: theo lời bà giúp việc, đây chắc là quà của A. đem về sau những chuyến đi xa hơn là những kỷ vật gắn bó nàng với một câu chuyện xảy ra trước khi họ gặp nhau. Đến một hôm, chẳng còn lại một cái gì nữa. Trại đã nhỏ.

Từ ngày đó, – bà giúp việc bảo tôi – sự đồ vỡ bắt đầu thâm nhập vào nhà. Sự việc diễn ra như thể mỗi việc đã bị đặt sai lệch một cách không nhận thấy khỏi địa điểm và phạm vi dành cho nó, như thể mỗi việc đã trở nên lệch lạc và biến dạng. Thậm chí một mùi thuốc lá cay ngạt đã xâm nhập vào những phòng mà trước đó nó không được vào, đó là phòng tắm và phòng ngủ. Giờ đây khắp nơi chỗ nào cũng có vỏ bao thuốc lá rỗng, bị bóp nát bằng nắm tay xiết chặt: những hình khối biến dạng, bị vò nhàu được bọc bằng giấy bóng. Biểu hiện của thần kinh bị giằng xé. Ở đây có tất cả các nhãn hiệu, trong khi đó bà giúp việc cho biết rằng từ nhiều năm nay A. chỉ quen hút thuốc Chesterfield loại nhẹ: và điều đó, theo lời bà, chứng tỏ một sự từ bỏ qui tắc một cách bất ngờ, là sự phát triển khủng khiếp của cái điều mà trước đây chỉ là một tật xấu mà tất nhiên là nàng chê bai nhưng nó vẫn có thể tha thứ được. Một dấu hiệu khác nữa về tình trạng thần kinh này là số lượng điều thuốc lá mới được hút dở một chút rồi nói chung là bị dập tắt dưới vòi nước: cái thứ đồ thải thuốc lá này tiết ra một chất nước màu nâu

nhặt đọng lại trên những chiếc đĩa cốc, những chiếc gạt tàn, hoặc trên miệng bồn rửa bát, vì A. chẳng thèm để tâm vứt chúng vào thùng rác mà bỏ mặc chúng ở đó, chứng tỏ rằng chắc là sự buồn nôn đã làm cho cổ họng anh co thắt lại vì có lẽ đã hút đến điều thứ năm mươi trong ngày. Những đám tro vấy vương vãi khắp nơi, và những mẫu giấy bạc bị đốt cháy dờ vãi tung khắp nhà đến nỗi người ta có thể nói là đã có một vụ cháy sách vở ở đây – trong khi chính A. mới là người đang tự thiêu cháy mình.

Đối với cái giường mà nàng bỏ trống, thì A., trong thời gian anh còn sống, – và thời gian đó kéo dài khoảng sáu tháng – đã không bao giờ thay vải trải giường nữa. Không biết sự vô tình này có phải là do một sự sùng bái quái dị muốn giữ lại dấu ấn của cái cơ thể yêu dấu từ lâu, hay đó chỉ là sự vô tâm đột xuất đối với mọi việc, chẳng hạn giống như đối với những bóng đèn bị cháy hết cái nọ đến cái kia anh cũng chẳng buồn thay, để mặc cho bóng tối dần dần tỏa lan khắp ngôi nhà. Cho đến khi chỉ còn ít ánh sáng yếu ớt trong cảnh mờ tối (cái cách bà giúp việc diễn đạt làm tôi nghĩ tới hiện tượng những ánh lửa của đất liền ngập chìm dần khi con tàu rời xa bờ biển vào ban đêm: đó là một màn kịch diễn ra rất thông thả và êm dịu mà tôi không bao giờ thấy chán, suốt trong những năm đi biển của tôi, và nó lưu lại trong đầu óc tôi trong sự liên tưởng với một tổ khúc viết cho đàn violôngxen của Bach). Dần dần, chất sợi bông của vải trải giường bắt đầu bị xỏ lông, màu vải bị phai nhạt, những sợi tóc – trong đó chắc chắn có một số sợi là của nàng – vướng chặt vào kẽ vải, như bị đan vào một tấm lưới, và cuối cùng, với cái mùi chua chua của nó bốc ra, người ta có thể nói, – theo lời bà giúp việc – đó là chiếc bao tải cũ: tôi nhớ đến ý nghĩa cũ của từ này (*serpillière*) có nghĩa là vải liệm.

Có lẽ từ nay ngay cả cái hành động vứt rác đơn giản cũng đã vượt quá sức lực của anh. Cụ thể là chỗ nào trong nhà anh cũng có vỏ bao thuốc tân dược với những mẫu giấy bạc bị xé rách nằm lóng lánh trong bóng tối cùng với những đồng vỏ bao thuốc lá bị bóp nát. Những tờ giấy bị vò nát, vo viên nằm lăn lóc đó đây. Bà giúp việc đỏ mặt thú nhận với tôi rằng đã hơn một lần bà đã không giữ được thái độ kín đáo, rằng, bà khẳng định với tôi là, bị xúc động bởi sự lo lắng và thông cảm chứ không phải vì tò mò, bà đã tìm cách vuốt phẳng những tờ giấy này và cố đọc những dòng chữ bị gạch xóa, với nét chữ thường là run rẩy (trong khi, mặc dù chưa bao giờ đọc sách của anh, nhưng có một trong những điều mà bà thần phục ở A., như thể đây là

một vị quan của nước Trung Hoa cổ đại, đó là nét chữ rắn rỏi, cứng cáp của anh): đây toàn là những bản nháp những bức thư của anh gửi cho nàng, trong đó anh van nài nàng suy nghĩ về những gì nàng sắp sửa thực hiện. Hình như anh chẳng bao giờ nhận được thư trả lời, bởi vì, với thời gian trôi qua, càng ngày anh càng ngạc nhiên về một sự im lặng khó hiểu làm cho nỗi đau buồn của anh được cộng thêm sự xúc phạm.

Nếu như anh không vứt bỏ một thứ gì, thì anh cũng chẳng mua thêm một thứ gì. Một thời gian trước đây anh vẫn còn có càphê trong tủ lạnh, nhưng sau đó thì hết. Xà phòng, nếu có, thì đó là những bánh nhỏ anh mang từ khách sạn về mỗi lần vắng nhà. Nhưng đáng ngạc nhiên nhất là sự vắng bóng hoàn toàn của báo chí, mà trước đây A. là một người đọc sách báo như điên, báo chí thường để chất đông trước cửa và luôn luôn được thay báo mới. Chuyện xảy ra như thể sự sôi động của thế giới không còn liên quan đến anh nữa, như thể nỗi đau quá mức này, nỗi đau mà các nhà sinh lý học gọi là “đau nhói”, đã giết chết trong anh mọi khả năng đau khổ và phần nộ khác (cái mà trước đây, theo lời khẳng định của bà giúp việc, được ban phát rất hậu hĩnh cho anh), thậm chí giết chết cả khả năng quan tâm đến bất cứ điều gì của anh. Một hôm, – bà bảo tôi – một trong số lần hiếm hoi mà bà bắt gặp A. trong thời gian này (nói chung là anh thường thu xếp sao cho mình vắng nhà khi bà đến, để tránh khỏi làm phiền bà cũng như để khỏi bị làm phiền), bà ngạc nhiên nhận thấy thói quen hàng ngày của anh đã bị đảo lộn. Anh tỏ ra là đã nhiều ngày không cạo râu, và phần nào có vẻ ngây dại. Anh nhìn bà với một vẻ lạ lùng và vừa đáp lại bà vừa gằn như mỉm cười, nhưng với một nụ cười hung dữ, méo xệch, bằng một câu nói mà bà nhớ là (vì chuyện đó đã làm bà ghê sợ) nó giống như chuyện bị gai đâm vào mắt. “Ai mà bị gai đâm vào mắt thì chẳng quan tâm đến cái gì cả, – tôi nói.” “Đúng như thế, thưa ông, – bà bảo tôi – vậy đó là một câu thông thường phải không ạ?” Câu hỏi của bà, nếu đúng là một câu hỏi, được phát biểu bằng một giọng quá ít nghi vấn nên tôi chỉ bằng lòng nhún vai một cách mơ hồ.

Tuy nhiên, thành thực mà nói thì vẫn có một việc mà A. vẫn đều đặn mua sắm cho mình, đó là những chai rượu whisky. Mỗi tuần hai, ba lần, thường là nhiều hơn, và những chiếc vỏ chai được xếp thành hàng dọc theo tấm lưới mắt cáo ngăn cách phòng bếp với lối vào, trông giống như một trường bắn của hội chợ phiến. Có thể nói rằng tất cả cái tính gàn dở của bạn

tôi – bởi vì anh đúng là một kẻ bị ám ảnh bởi sự ngăn nắp, điều này không làm tôi thực sự ngạc nhiên, vì có nhiều kẻ hay lo nghĩ cũng tỏ ra như vậy – là dựa vào sự sắp xếp ngăn nắp dãy vỏ chai này mà thông qua chúng sự mất trật tự không ngừng chảy trong máu anh, làm xáo tung tinh thần của anh và làm xói mòn cơ thể anh. Chuyện đó xảy ra, – bà bảo tôi – như thể anh đang xây dựng một cái gì đó, một ngôi nhà hoặc một nắm mồ bằng thủy tinh màu nâu vàng, trong khi cố trát vữa cho mọi cấu kiện. Khi mọi việc bị hỏng – như những bức thư chẳng hạn, trước đây chúng được xếp rất ngăn nắp, nhưng từ nay trở đi chúng vương vãi khắp nơi, thường là không được bóc ra xem – thì một cách nghịch lý, chỉ còn lại bức thành lũy thủy tinh này để ánh sáng có thể chiếu qua nó như chiếu qua cánh cửa kính màu để làm chứng cho một ý nghĩa đã mất về sự đúng đắn và mục thước.

Bà giúp việc còn bảo là bà còn thấy có những vết máu trên tường. Chắc là anh đã đâm tay vào tường làm cho chảy máu.

Bà giúp việc đã không quá đổi ngạc nhiên khi bà đến nhà A. để làm việc, như bà vẫn thường làm vào các ngày thứ tư từ mấy năm nay, thì thấy cửa bị niêm phong. Bà không hẳn ngạc nhiên, nhưng khổ tâm thì có. Về sau, vì căn phòng cần phải để cho thuê lại, nên người ta đã mời bà đến để dọn dẹp cho sạch, và đến khi ấy bà mới phát hiện ra bức thư gửi cho tôi, một bức thư chẳng có dấu hiệu gì ngoài dấu hiệu về một tình bạn lâu đời, nó đã khiến tôi rời bỏ bờ Biển Đỏ để trở về Paris, một thành phố đã trở nên xa lạ đối với tôi và lạnh lẽo trong những ngày cuối đông.

5

Hình như tôi đã nói rằng người ta không mắc cạn ở cảng Xuđăng hơn ở những nơi khác. Đó là một cách nói, và không chính xác lắm, bởi vì trên thực tế bãi đá ngầm san hô ở xung quanh đây rầy những xác tàu thuyền mắc cạn. Người ta đếm được không dưới hai xác tàu ở bãi đá ngầm phía bắc Towrtit mà người Pháp gọi là Silayet, ba xác tàu nằm xung quanh cây hải đăng ở lối vào cảng, một xác trên bãi đá ngầm Protector, xa một chút về phía nam, đó là chưa nói đến xác con tàu Umbria, với vỏ tàu đầy chất nổ lộ ra khỏi mặt nước, với cần kéo neo nằm sát mặt nước, nằm ở phía bắc – đông – bắc, cách cây hải đăng phía nam bãi đá Wingate một hải lý. Các công trình kỷ niệm này, bị gặm nhấm bởi han gỉ và được biển cả bao quanh bằng những màu sắc cầu vồng, dường như vẽ nên một chiến lũy cổ xưa có khả năng bảo vệ vùng biển sát bờ của một thành phố chết.

Tôi luôn yêu thích xác tàu mắc cạn, chúng là những ước mơ phù phiếm của tôi. Tôi cũng thường cố gắng lui tới những tàu làm nhiệm vụ đứng gác trước những tòa nhà, trước những tháp xilô, trước những máy trục, những cột tháp ăng ten điện thoại vô tuyến của cảng Xuđăng bị mờ nhạt đi trong cõi xa xăm, nơi không khí bốc lửa rực sáng. Những con sóng lừng trùn lên rồi lại rút khỏi những tòa lâu đài bằng tôn này, làm phát ra tiếng nhạc hoang dại và lạ tai, được tạo nên bởi những tiếng ran, tiếng rít, tiếng sôi bùng, những tiếng động hút nước được hòa nhịp bởi những cú va đập khô khan. Những con cá lịch bơi lội uyển chuyển dưới làn nước trong, trải dài lồm đồm những dốt vòng dính nhớt của chúng để nhanh chóng cuộn khúc trong hốc của một cỗ máy rồi chĩa lên mặt nước những chiếc mõm te tua tua hàm răng như những chiếc lưỡi dao cạo.

Một đêm tôi được chứng kiến một cảnh tượng ghê tởm: có một vài kẻ khốn nạn dã man mà tôi biết là thuộc lũ tay sai của Nimour, một trong những tên bất lương trong khu vực hải cảng, đã quăng cho lũ thủy quái này một con chó con: ngay khi con cá đầu tiên tấn công, khi máu bắt đầu chảy, thì chỉ thấy một đàn lúc nhúc những con rắn biển nổi vân đá này lao vào

xâu xé con mồi. Trong đời tôi, tôi đã thấy nhiều chuyện, và không phải là những chuyện tốt đẹp nhất: nhưng tôi sẽ không bao giờ quên được những tiếng kêu của con vật bị xé xác, những vòng xoáy nước dữ tợn, tiếng cười rúc rích của lũ người súc sinh, tiếng động vọng lại trong đồng sắt vụn của con tàu bị nổ búng, tôi sẽ không bao giờ quên được cái mớ động vật ăn thịt vầy vùng trong đám bọt đỏ ngầu, nổi lên đám thịt nhai xé với đám thịt bị nhai xé, bởi lẽ đó chính là bộ mặt tóc rắn của con quỷ la sát.

Tuy nhiên, thông thường thì tôi thấy có một vẻ bình yên trong đồng đỏ nát này, tôi thường ra đây chơi cùng với một người đàn bà dankali^[4] với một vẻ duyên dáng u buồn và uể oải. Chúng tôi chẳng nói chuyện gì với nhau, chẳng động chạm vào nhau, hoặc gần như thế. Một vài điều ít ỏi tôi biết được về đời cô, về tai họa do sắc đẹp của cô đem lại cho chính cô, đã làm cho tôi hiểu được sự im lặng của cô; trong sự im lặng của tôi, tôi hình dung thấy rằng cô tôn trọng một đặc quyền của giống người da trắng bí hiểm này. Chúng tôi dắt tay nhau đi từ mũi đến lái, dọc theo lối đi trống trải của xác tàu. Một làn gió nam thổi nhẹ làm cho chúng tôi quên đi trong chốc lát cái nóng hừng hực. Tôi ngồi xuống, cô cũng ngồi thụp xuống theo, hai bàn tay dài của cô đỡ lấy cằm, tôi rút trong túi ra chiếc kèn amonika và thổi một bài nhạc, đây là một dịp duy nhất tôi thấy một niềm vui trẻ thơ xuất hiện trên mặt cô (ngay cả trong lúc yêu, bởi vì chuyện xảy ra là dù sao chúng tôi vẫn cứ làm tình, cô vẫn giữ bộ mặt như một chiếc mặt nạ vô tình), chúng tôi nhìn đàn chim bay lượn trên bầu trời nóng bỏng, hoặc đậu trên những cánh buồm lóng lánh ngũ sắc của những con quỷ Mêđuada kia, những thứ mà người Anh gọi là những “con tàu chiến của Bò Đào Nha”, và những sợi dây xanh đỏ của chúng có thể làm chết người. Người ta có thể coi chúng tôi là những kẻ điên, hoặc là những bóng ma. Tôi nghĩ rằng chúng tôi vừa là người điên vừa là bóng ma, một cặp trai gái đang chìm xuống làn nước sâu u buồn, bởi lẽ bỗng dưng thế giới trở nên xa vời. Chúng tôi đang cùng nhau cặp đôi để sinh ra biển cả, nhưng chúng chẳng bao giờ được con người công nhận.

Anh ta gần như trở thành một cái xác chết trôi, – bà già gác cổng bảo với tôi như vậy, bà ta có cái vẻ cáu kỉnh làm tôi khó chịu ngay từ đầu. Tuy nhiên, vì ý thích được ngồi lê đôi mách của bà đã lấn át cả tính đa nghi mà bà thường biểu lộ với bất cứ người lạ nào đến tòa nhà này, nên bà sẵn lòng

trả lời các câu hỏi của tôi và thậm chí còn kể thêm nhiều chuyện nữa với một khuynh hướng không thể cưỡng lại dễ dàng khiến bà nói ra những điều bí mật thiếu tế nhị nhất, thậm chí tục tĩu, bà cho tôi biết rằng A. và cô bạn gái của anh thường hay làm “ồn vào ban đêm”. Rồi, như thấy tôi không có phản ứng gì, và chắc là sợ rằng tôi không hiểu, nên bà lại nói thêm: và không phải chỉ ban đêm, chuyện ấy xảy ra vào bất cứ lúc nào. Thậm chí vào cả giữa trưa, bà nhấn mạnh: dưới con mắt của bà, dường như đây là đỉnh cao của sự dâm dăng. Theo quan điểm này, bà chỉ lấy làm vui sướng bởi những thay đổi xảy ra trong đời bạn tôi: căn phòng của anh từ nay trở nên yên tĩnh. Rõ ràng là cái mà trật tự công cộng giành được thì trí tò mò của bà lại mất: người ta nhận thấy rằng, dưới cái vỏ thỏa mãn bề ngoài là một nỗi thất vọng mãnh liệt. Ngoài ra còn có những tiếng ồn khác, tất nhiên là ít vô đạo đức hơn, nhưng cũng phá rối sự yên tĩnh của ngôi nhà, chúng xuất hiện để thay phiên cho những tiếng ồn vô đạo đức kia: đó là bước chân của A. không ngớt làm ván sàn kêu cọt kẹt; anh cứ đi đi lại lại đến trăm lần không nghỉ, cho đến khi bà nổi cáu phải gõ vào trần nhà làm hiệu – vì A. ở gác lửng tầng trệt. Hoặc là tiếng nhạc – lúc nào cũng vẫn những bản nhạc ấy, – bà bảo tôi – những bản nhạc mà bà chỉ có thể gọi là nhạc “buồn” và thậm chí “tẻ ngắt”, được anh nghe tới khi bình minh chiếu sáng cửa kính. Cuối cùng thì giờ đây, – bà ta nói thêm với vẻ độc ác, – anh chàng tội nghiệp này sẽ chẳng còn bao giờ làm ồn được nữa.

Rèm cửa sổ phòng anh ta cứ để kín suốt ngày, – bà vừa bảo tôi vừa kéo tôi vào một cái sân con mà từ đó có thể trông thấy phòng anh. Theo bà đoán thì anh ta chỉ thức dậy vào khoảng ba, bốn giờ chiều. Dù sao thì vào khoảng lúc ấy bà mới gặp trước hòm thư ở cửa ra vào. Chẳng bao giờ thấy anh mới cạo râu, đôi mắt thì thâm quầng sâu trũng và thiếu máu: gần như trở thành một cái xác chết trôi. Không phải chỉ có câu nói thăm thương ấy làm tôi nhớ tới cái chiến lũy trong mơ đầy muối biển và sắt thép han gỉ, mà chính là vì tôi nhìn vào hai cánh tay thô đậm, mềm nhẽo và nổi gân xanh của bà lúc bà nói ra câu đó: chúng giống như những con cá lịch. Từ cái thân của con mụ ác mỗ này phóng ra những con cá lịch, hai bàn tay đỏ ối của bà ta là hai lưỡi kéo khát máu. Ngay khi thức dậy, – bà ta bảo tôi – vào đúng giờ quy định, và nói chung thường là rất muộn, A. luôn luôn đi ra mở hòm thư: có lẽ là mười lần một ngày, thậm chí cả chủ nhật, như thể anh ta không biết là từ xưa đến nay mỗi ngày chỉ có hai lần phát thư, và chỉ phát trong những ngày làm việc trong tuần. Theo ý kiến của con mụ ma lem này thì đó là anh đang

mong đợi một cách tuyệt vọng và phi lý một bức thư mà sẽ chẳng bao giờ được gửi tới cho anh. “Tôi để cho ông tự đoán xem là thư của ai”, bà ta nói với vẻ ranh mãnh thấp hèn nhất pha lẫn niềm vui.

Cho dù có huy động tất cả mọi khả năng của lòng ác tâm với tài ăn nói, mà những khả năng này dù sao cũng đáng kể, thì bà ta cũng chẳng tìm thấy được điều gì để nói thêm cả. Có một chi tiết mà bà ta không bao giờ có thể tha thứ cho A., đó là việc anh đã chọn đúng cái tuần bà vắng nhà để ra đi, tuần ấy bà đã phải đi thăm một cô em ở tỉnh lẻ, vì, theo lời bà, cô ấy phải vào bệnh viện để cắt bỏ một số “cơ quan”. Như vậy là do lỗi của cả bạn tôi lẫn của người bà con khốn nạn kia mà bà ta đã không được chứng kiến một sự việc được coi là điểm đỉnh của nghề nghiệp của bà – nó tương đương với một chiến thắng đối với một vị tướng quân La Mã. Tiếng súng nổ, sau đó là các vị ở sở cảnh sát kéo đến, rồi bác sĩ pháp y, thước dây, đường vạch phân trên đất, máy ảnh có đèn chớp, chiếc cáng khiêng xác người phủ kín bằng một chiếc chăn, tất cả những chuyện này bà ta đã được nhìn thấy nhiều lần trên vô tuyến truyền hình, đã đọc thấy ở mục chuyện nhiều kỳ trên báo, và cuối cùng chúng đã xảy ra “thực sự”, ngay tại lãnh thổ của bà, thuộc quyền xét xử của bà, vậy mà bà chỉ được nghe người ta nói lại. Và lại bà vẫn sẵn lòng kể cho tôi nghe những sự việc đó, tôi cảm thấy là trong một chừng mực nào đó, những câu chuyện thừa thãi của bà ta đã che đậy đi khiếm khuyết từng trải thực tế của chúng. Tôi không nghe ý kiến của bà, tôi không quan tâm đến việc cần biết xem liệu A. có mặc áo smoking và trải một tấm vải nhựa dưới mình để khỏi làm vấy máu ra giường không: đó là những chi tiết mà người ta chỉ lưu tâm khi người ta còn trẻ, sau đó người ta biết rằng cái chết nào cũng giống nhau cả, cho dù người ta có tô vẽ thêm cho nó một vẻ cầu kỳ ghê rợn nào. Đây không phải là điểm cuối cùng tôi quan tâm, mà chính là bức thư đã bị xóa trước đó.

Hắn là vào một ngày nào đó bà ta đã bắt gặp người bạn gái đã mất tích của A.: bà phải công nhận như vậy. Bà ta khổ tâm khi phải thú nhận điều đó, bởi vì bà chẳng khó khăn gì khi nói ra điều đó. Quả thực là nàng rất trẻ, và có nước da tái xanh: về điều này bà giúp việc đã không nhầm. Nàng có đẹp không? Theo bà gác cổng thì điều đó tùy thuộc vào thị hiếu của từng người, nhưng tóm lại, đối với những ai thích kiểu người này, tức là kiểu con gái mảnh mai, có cặp mắt u buồn, thì đúng, nàng là một người cực kì xinh đẹp. Về phần bà gác cổng, thì bà thấy nàng gầy như một cái que. Và lại bà

chỉ thoáng nhìn thấy nàng thôi, vì nàng bước nhẹ và nhanh, vì nàng đi rón rén, luôn luôn mặc đồ đen và đi giày vải trắng: như thể nàng lui tới một chỗ bí mật. Tuy nhiên, vào buổi sáng có nhiều lần khi bà đang chuẩn bị đi “dọn tầng” thì bà đã “bắt gặp cái cung cách của họ”, theo như cách nói của bà: A. tựa người bên khung cửa, còn nàng thì đã ra tới chỗ khúc ngoặt của cầu thang, họ đặt tay lên môi gửi cho nhau những cái hôn gió. Sau đó, chỉ khi nghe thấy tiếng cổng đóng báo hiệu rằng nàng đã ra khỏi nhà thì anh mới khẽ khàng đóng cửa trở vào phòng. Chuyện đó giống như một nghi thức, ngày lại ngày, cuộc chia tay buổi sáng của họ có vẻ như là sự lặp lại của một cuộc chia ly vĩnh viễn.

Cái chết tự sát của A. đã làm cho anh đáng chú ý. Người ta được biết tôi là bạn của anh, rằng tôi đã đi biển nhiều, rằng tôi trở về Pháp từ bờ biển Đỏ xa xôi: tôi cho rằng điều này đã làm cho tôi có phần nào giống Kimbaud pha lẫn Conrad. Người ta mời tôi đi ăn tối vài lần, và tôi lại không quen xuất hiện ở những chỗ này. Những người đàn bà đánh phấn tô son bước tới đón chào tôi; còn những người khác thì có nước da tái xanh của những bức tranh tiền Raphael. Tóm lại cũng chẳng có gì là hệ trọng. Bạn thân mến, – họ vừa bảo tôi vừa cầm lấy tay tôi và nhìn tôi bằng ánh mắt đẹp nhòa lệ, – thật là bất hạnh, thật là tổn thất! Các quý ông nhỏ nhắn, mà cách ăn mặc lôi thôi lếch thếch và màu mè cho thấy họ là những nghệ sĩ, nắm lấy tay tôi như nắm tay một người bạn cũ mà họ phải đỡ đàn trong cơn thử thách. Người ta không khó khăn hiểu ra rằng tôi ít quen với những tục lệ của thế giới này. Tôi không biết là cái thể lệ đóng kịch ấy phải diễn tới mức nào, và vai anh hề của tôi phải diễn ra sao. Tôi thực tâm tưởng rằng những người đàn ông và đàn bà tỏ ra thương tiếc A. như vậy là đã yêu quý anh: song, điều thoát tiên làm tôi ngạc nhiên là hình như chẳng có ai giữ một kỉ niệm cá nhân nào về anh cả, và lại càng không có kỉ niệm nào về người đàn bà trẻ mẫn tang. Chẳng bao lâu tôi hiểu rằng lúc anh còn sống hầu như họ cũng chẳng buồn chào hỏi anh. Anh là một người hoàn toàn xa lạ với họ, họ chỉ biết đến sự ra đi của anh, bởi vì sự ra đi ấy hàng ngày lại có tác dụng làm cho họ vui hơn và gần như làm cho họ kiêu hãnh hơn khi nhận thấy họ vẫn còn được sống, bất chấp những hiện tượng bề ngoài: đó là điều huyền diệu mà họ cảm nhận không biết chán bằng những lời lẽ hóm hỉnh, bằng những chuyện ngòi lê đôi mách và bằng cách sờ mó bằng tay.

Ít nhất tôi cũng nghĩ rằng đối với họ anh cũng có giá trị theo một cách nào đó thông qua những điều anh đã viết, và rằng họ đã giả vờ khen ngợi anh. Sau đó tôi nhanh chóng nhận ra rằng sự hiểu biết của họ về mặt này nói chung chỉ giới hạn ở việc tưởng nhớ mơ hồ về một số dư luận mà họ nghe được. Tôi cũng lập tức hiểu rằng sự hiểu biết của họ, cho dù khi nói đến những cuốn sách lớn mà niềm vinh quang đã công nhận chúng từ lâu,

thì nó cũng không hề sắc sảo và rộng lớn. Bản thân tôi là người quê kệch, vừa mới từ xứ sở hoang mạc về đây, tôi còn là người đọc nhiều hơn họ. Đúng là tôi đọc theo dòng suy nghĩ của tôi, theo sở thích của riêng tôi. Họ thì đọc những cái “cần phải đọc”, nghĩa là đọc cái mà, trong thời gian một tuần hoặc một tháng, một nửa thế giới rộng lớn, nhưng cũng khá tinh tế, phải say mê, trong đó họ chỉ là một bộ phận nhỏ: và những điều kì cục của thế giới thượng lưu có thể làm cho những cái “cần phải đọc” đó lúc thì là Seneca, lúc thì là chuyện một ngôi sao vô tuyến truyền hình mà bỗng nhiên họ nảy ra ý muốn đưa tên cô vào danh sách dài vô tận và không chút lầy lùng của các nhà văn.

Vả lại, thái độ kính trọng giả tạo mà họ dành cho A. ấy chỉ kéo dài ngang với thời gian mà sự có mặt của tôi đối với họ tỏ ra là một chuyện mới mẻ và là một sự tiêu khiển. Ngay từ khi sự quen thuộc làm cho tôi trở thành người dễ đoán tâm tính, giống như một bộ quần áo cũ đã dùng quá nhiều, thì người ta không còn ngưng ngừng khi nói ra mọi điều xấu xa họ nghĩ về một kẻ quấy rầy, cái kẻ mà lòng kiêu hãnh của anh đã ngăn cách anh ta khỏi xã hội và giọng văn day dứt của anh đã vi phạm những chuẩn mực của thị hiếu thượng lưu của người Pháp. Sự reo rắc ác tâm nhỏ nhất là một trong những công việc của loại người này. Sự độc ác giả định phải có một sức mạnh mới lạ của những tính khí bức dọc ấy, tuy nhiên, theo như tôi có thể phán đoán, nó không phải là căn nguyên của thói nói xấu của họ: mà đúng hơn đó là mối buồn phiền, là tính phù phiếm, là bản năng bày đàn, và chắc là cả nỗi ngưng ngừng mà họ nghiệm thấy để đo lường, trong tòa án lương tâm của họ cái mức độ sâu sắc của sự vô tình của họ và để tự thú nhận rằng, ngay cả khi vì tôn trọng lễ thói mà họ phô trương những niềm tin nghệ thuật theo chủ nghĩa hiện đại, thì cái thị hiếu tự phát của họ vẫn đưa họ về với tiểu thuyết tự nhiên chủ nghĩa, với thơ ca của phái thi sơn và với hội họa theo phong cách khoa trương.

Văn chương, như tôi đã nói, mặc dù rất chăm chỉ tiếp xúc với nó, nhưng tôi cũng không có tham vọng muốn biết nó là gì: ít nhất tôi cũng tự tin rằng nó không phải là cái thứ tiểu thương mà dựa vào đó đám người kia sống lay lắt. Đôi khi tôi cảm thấy rằng con người giống như những bức tượng lớn mà từ trong cái ruột rỗng tối tăm của chúng phát ra một tiếng ồn giận dữ, bị méo mó bởi vô số những tiếng vọng hỗn loạn: và khi ấy, viết văn chính là một mưu toan phối hợp cái tiếng ồn ào hỗn độn ấy. Dưới cái bầu trời hùng

vĩ cầm lặng này, chúng ta đang chứa chấp những tiếng vang vọng của những chiếc xe cứu hỏa, chứa chấp những tiếng gầm rú của đại dương trong các hang động, của những con vật bị cắt cổ dưới tầng hầm. Điều này có liên quan đến sự điên rồ và chết chóc, hoặc nếu muốn thì có thể nói là có liên quan đến lí trí và cuộc sống được coi như là cuộc đấu tranh mở hồ và bị thua ngay từ đầu mà chúng ta tiến hành chống lại các thế lực hư vô, chống lại sự chậm trễ mà các thế lực ấy đem đến để bắt chúng ta im lặng. Viết văn là công việc soạn nhạc đứng giữa sự ồn ào huyên náo với sự im lặng vĩnh hằng. Tôi phải công nhận là những quan niệm này là thiếu rõ ràng: nhưng về những vấn đề đó có đúng là như vậy không? Cũng với những ý nghĩ tương tự mà tôi đi đến chỗ tưởng tượng ra một mối quan hệ rõ ràng, gãy gọn và khó tả, giống như đường đi của một tia chớp, giữa một số mờ từ ngữ với độ cao chóng mặt của cơn giông.

Việc người ta giễu cợt tính kiêu ngạo của bạn tôi cho tôi thấy rằng anh chẳng thay đổi mấy kể từ một phần tư thế kỉ xa cách giữa chúng tôi tới nay. Tôi thấy vui về chuyện đó, mặc cho chuyện đó có thể đã gây cho anh nhiều điều phiền nhiễu, và ta có thể đo lường được những điều phiền nhiễu đó thông qua những lời châm chọc hầu như không giấu giếm mà giờ đây người ta dùng để tưởng nhớ anh. Những năm tháng đang chạy đua tới cuối thiên niên kỉ này đã trải qua từ thời trai trẻ của chúng tôi đến thời đứng tuổi, đồng thời chúng cũng là những năm tháng mà khi đó không chỉ có những đức tính cũ như lòng trung thực, danh dự, tinh thần cương nghị đã không còn được tôn trọng nữa, mà ngay cả những từ ngữ dùng để chỉ những đức tính đó cũng đã mất đi mọi ý nghĩa sinh động của chúng, khi mà sợi dây liên hệ lịch sử giữa hiện tại với thời cổ xưa đã bị cắt đứt, bởi lẽ ý nghĩa sâu sắc dễ hiểu của thời gian đã bị xóa bỏ bởi một thực tế vô định hình và rườm rà. Tôi hiểu rằng cái mà người ta ghét ở tính kiêu ngạo là nó khẳng định tính lập dị, thậm chí cả tính kén chọn, của người đòi hỏi nó, và nó không hề né tránh những điều rủi ro và những nghĩa vụ mà nó yêu cầu – trong khi mà thói kiêu căng ở dạng hiện đại và thoái hóa của nó không bó buộc điều gì ngoài một sự đua nhau nói khoác. Từ nay tính kiêu ngạo được coi như một căn bệnh của các giai cấp lãnh đạo Châu Âu, và cũng là căn bệnh đã lỗi thời như bệnh giang mai hoặc bệnh lao.

Trái lại, cái được kính trọng, và lại còn được kính trọng một cách thái quá, chính là tiền. Khi tôi rời nước Pháp, theo lẽ thói người ta vẫn chưa có

can đảm vãi tiền ra khắp nơi. Giờ đây tôi ngạc nhiên thấy rằng tỉ giá của thị trường chứng khoán, lãi suất và giá trị tiền tệ, tất cả đã thay thế, trên những trang đầu của báo chí và cho tới những cuộc chuyện trò của người bình dân, cho sự vận hành của các cuộc cách mạng, rằng những nhà kinh doanh lớn đang thổi miên những trí tưởng tượng mà trước đây các giả giải phóng thực sự hoặc giả định của nhân dân cầm giữ, và cuối cùng là điều tôi thấy rằng danh tiếng và địa vị của một người trước sự kính trọng của những người khác là tùy thuộc vào những dấu hiệu về sự giàu có mà anh ta có thể đưa ra một cách thừa thãi. Hơn nữa, chủ nghĩa xu thời nhạt nhẽo nhất đã đặt ra những qui tắc và giới hạn cho sự phô trương này: không phải sự lập dị là cái người ta ham muốn và khen ngợi, mà ngược lại chính là sự giống hệt với các mô hình hành vi, mô hình y phục, mô hình giải trí, mô hình văn hóa v.v... mà sự lặp lại không ngừng có tính chất quảng cáo đối với chúng đã làm cho tâm hồn con người ngây dại.

Về mọi mặt, người ta đang hấp tấp đồ xô một lúc từ mọi phía vào thời đại của cái dung tục. Những con người này, là những kẻ thừa kế không xứng đáng của một tinh thần khai sáng châu Âu, đã kiếm thú vui và mô hình bình thường từ cuộc chuyện trò của họ về buổi biểu diễn hàng ngày của các con rối bằng cao su và được xem như tượng trưng cho những bậc vĩ nhân của thế giới này, những buổi biểu diễn mà ở đó sự thô bỉ của những nét đặc sắc chỉ chịu thua cái điều vô nghĩa lí được nhắc lại rập khuôn trong các câu đối thoại: họ tưởng đây là kịch của Moliere. Người ta đã bỏ quên sự hài hước để đổi lấy trò đùa, bỏ sự ngạo mạn để đổi lấy tính vô lại. Người ta thán phục những kẻ bịp bợm, những kẻ đã ăn cắp của người khác nội dung và cả hình thức của những cuốn sách của họ, ngay khi mà món ăn cắp tỏ ra đủ mức vô liêm sỉ và con người của kẻ lừa đảo đã trở nên nổi tiếng để cung cấp đề tài cho những bài phát triển phong phú của nghề báo chí; bởi vì, một cách kì lạ, cái mà người ta không tha lỗi cho một thí sinh tú tài, thì người ta lại lượng thứ cho một kẻ mạnh, và người ta có thể luôn luôn tìm thấy có đủ những tâm hồn hèn hạ để gán cho lòng hào hiệp thái quá của thiên tài những điều thiếu tế nhị hiển nhiên nhất.

Sở dĩ tôi gọi ra những điều thấp hèn này (mà vả lại tôi phải công nhận là có thể sự ngây thơ của tôi đã làm cho tôi phóng đại điều mới lạ), đó là vì tôi giả định rằng đáng ra chúng đã có thể có mặt trong bức thư bỏ dờ của A. Tôi không thể tin tưởng dứt khoát rằng lí do của anh hoàn toàn là thuộc khía

cạnh tình cảm, mà đúng ra tôi không thể không nghĩ rằng, đối với con người mà tôi đang nhớ lại và rằng hình như anh là người gây thơ đàn độn, thì những nỗi thất vọng sâu kín chỉ có thể có được một sức mạnh khủng khiếp như vậy khi chúng gia tăng và làm sâu sắc một cách quá chừng những nỗi buồn bao la hơn và mang tính triết lí hơn. Như vậy tôi phải giả định là bỗng nhiên anh thấy rằng người con gái mất tích là thuộc về cái thế giới đó, rằng sự ra đi của nàng được cảm nhận như là một việc bỏ chạy sang hàng ngũ kẻ thù ngay giữa lúc đang diễn ra trận đánh (giữa lúc hỗn loạn). Thế là bức chân dung của nàng đã được hoàn thành và trở nên phức tạp hơn – theo cách hoàn toàn là giả định – một trong những dây kéo giữ cho nàng bị thất vọng từ bên trong đã được nối với một khát vọng lãng mạn hướng tới những nỗi cô đơn cao thượng hơn được nghệ thuật và dục vọng chia sẻ, một sự khô khan làm cho nàng khát khao những thứ tầm thường nhất của đời sống tư bản thời bấy giờ: một tâm hồn vừa cuồng nhiệt vừa trống rỗng, vừa kịch tính vừa phù phiếm, nàng vừa mơ ước một cách mơ hồ những sự việc quan trọng và bận tâm bởi những chuyện vụn vặt, vừa đau khổ vì thấy mình bị giằng xé bởi những biến động quá mâu thuẫn như thế. Sự mâu thuẫn giữa ý muốn phản bội với nỗi hổ thẹn vì phản bội đã làm cho miệng nàng câm lặng như miệng của Judas trong bữa tiệc chia li với Chúa. Nhưng có thể là tôi đã tự tưởng tượng ra những cơn bão tố mà đầu óc nàng chẳng hề bận tâm, có thể thực tế diễn ra tầm thường hơn nhiều và nàng đã bỏ A. bởi lẽ đơn giản chỉ là vì nàng không thể sống cùng anh được. Dù sao đó cũng là những điều mà những sự việc khác mà tôi biết được đã có thể làm cho tôi tin như thế, và tôi phải chấp nối chúng lại.

Sau khi được tôi trả công một trăm franc cho cái thói bép xép xấu xa của bà, bà gác công mới hở ra cho tôi biết rằng có một lúc A. “đã đi chữa bệnh” ở một nơi mà bà đã phải gửi thư tín đến cho anh và chắc chắn là bà đã giữ địa chỉ. Chỉ có điều bà không tìm thấy nó nữa: lại thêm một tờ một trăm franc mới làm cho bà moi được cái địa chỉ ấy từ đồng giấy tờ lưu trữ đầy mỡ của bà. Thế là tôi lần theo địa chỉ tìm đến một biệt thự có những cánh cửa sổ màu xanh lam nằm ở sâu trong một công viên thuộc ngoại ô phía tây. Giờ đây tôi nhớ lại rằng khi ấy con sông Seine mùa nước lên đang chảy cuộn qua những chiếc cầu làm thành những xoáy nước lớn màu đồng đỏ, tôi nhớ lại một ngày có gió, nhớ lại những đám mây màu xám trôi nhanh in hình những cành cây đen thẫm trông như bầu trời làm bằng thủy tinh rạn vỡ. Tất nhiên là các bác sĩ đã từ chối không tiết lộ cho tôi biết mọi điều, lấy cớ bí mật nghề nghiệp. Nhưng tôi đã biết thuyết phục một nữ y tá người Pháp lai Angiêri, có một khuôn mặt khá đẹp giống như vua Jugurtha^[5], khiến cô đến gặp tôi sau giờ làm việc tại một quán bia nằm ở một góc ngã tư có tên là Ôn Trời: cái tên gợi cho tôi một bài hát của Mac Orlan, và sự lạ thường của nó càng được nhân lên đối với tôi bởi một điều là cái on huệ ấy, hay chỉ là sự thương hại, đã bị khước từ đối với một người đã nằm chữa bệnh ở đây suốt sáu tuần.

Với một vẻ nghiêm trang khắc khổ, cô y tá bảo tôi rằng không phải vì thích vui chuyện mà cô chiều theo lời đề nghị của tôi: mà bởi vì cô có cảm tình với A., và cô còn khẳng định với tôi sau một chút do dự, rằng thậm chí cô còn có một cái gì đó giống như tình cảm luyến ái: cô nói với tôi bằng những lời lẽ như vậy và chắc là tôi vô tình tỏ ra ngạc nhiên, bởi vì cô liền nói thêm rằng cô đọc sách nhiều, rằng tình tiết này không phải là ít quan trọng trong sự cộng tác của cô đối với bạn tôi, người mà trên giường lúc nào cũng chất đầy sách, và rằng tôi không nên ngạc nhiên về chuyện cô đã sử dụng những lời lẽ kiểu cách khi nói chuyện chứ không dùng những từ ngữ chuyện trò bình thường của những người thuộc địa vị như cô. Câu nói có phần nào thô bạo này đã làm cho tôi đỏ mặt. Tôi cảm thấy trước mặt tôi

là một nghị lực mãnh liệt, được tôi luyện trong những cuộc tranh đấu từ thời ấu thơ chống lại một số phận đối nghịch và cô đã thắng hết trận này đến trận khác: tôi tỏ ra khâm phục cô, và cảm thấy rụt rè e sợ hơn so với trước thái độ nhả nhận kín đáo của các bác sĩ tâm thần kia. Cùng lúc đó, tôi có cảm tưởng rằng cô gái có lòng can đảm có thể nói là đàn ông này, người mà tự giới thiệu với tôi là Ouria, nghĩa là “tự do”, là mẫu người hoàn toàn đối lập với người bạn gái đã mất tích của A., người mà tôi hình dung rằng sự thiếu kinh nghiệm sống và thậm chí cả sự khước từ đầy lo âu không dám tìm hiểu cuộc đời và không dám đối đầu với những thử thách đã sai khiến hành vi của nàng: và có thể bằng cách đó mà tôi tìm hiểu được nhiều hơn về nàng hơn là những lời nói rõ ràng. Tôi phải thú nhận một lần nữa rằng chẳng có cái gì cho phép tôi lập luận như vậy: không có gì ngoài một chuỗi các giả thiết mà tôi không cho là quá mạo hiểm khi đặt ra chúng từ trước, và từ nay chúng liên kết các suy nghĩ của tôi lại với nhau.

Cô y tá bảo tôi rằng khi đến bệnh viện, A. là một người bị hủy hoại bởi rượu và thuốc chống suy nhược. Nước da tái xám, hai má xanh xao hốc hác, đôi mắt thâm quầng sâu hoắm, hai bàn tay run rẩy. Ouria vừa nói vừa nhìn thẳng vào mắt tôi, như thể cô muốn kiểm tra xem tôi có thể chịu được những điều phát giác nhãn tâm như thế này không và có hiểu được ý nghĩa của chúng không, cô bảo rằng A. không còn sai khiến được cơ thể mình nữa. Người anh ướt đầm vì những đợt toát mồ hôi bất ngờ, ngay cả khi trời lạnh. Có lúc anh đái dầm, thậm chí ỉa đùn cả ra quần. “Em hi vọng là sẽ không làm ông bị sốc khi kể cho ông nghe điều đó. Em kể ra điều đó là vì em tin rằng anh ấy là một người quan tâm đến vẻ ngoài của cơ thể mình, một người đàn bà có thể nhận ra những chuyện ấy: và em cảm thấy rằng anh chấp nhận sự suy thoái chắc là không chịu nổi này với một thái độ mỉa mai và đồng thời gần như với một niềm vui độc địa”. Và khi thấy tôi đáp là tôi không bị sốc, rằng tôi biết là nỗi đau không phải là một bữa dạ tiệc, cũng không phải là một bài thơ bi thương, rằng đó là máu, là mồ hôi và là cứt, thì cô hạ giọng nói thêm mấy lời sáo rỗng nhưng qua đó tôi vẫn thấy toát lên tất cả lòng thương cảm của thế giới: “Đó không phải là lỗi của anh ấy”.

Và không chỉ có những dấu hiệu ấy là những cái bộc lộ trạng thái tàn tạ của anh, mà còn có cả cái cách anh để mặc cho đôi mắt dờ dờ nhìn đờ đẫn vào cõi xa xăm, hoặc ngược lại là cái cách anh nhìn trân trân, giống như một người nào đó thỉnh thoảng mới chột tỉnh cơn mơ làm kiệt sức và hoài nghi

tính hiện thực của những điều anh phát hiện ra; và anh còn có một cách hơi cúi khom người như bị gục ngã bởi một cú đánh, anh ngồi như thế để khép mình quanh một nỗi đau không bao giờ từ bỏ anh, một nỗi đau mà sự đối xử độc quyền của nó đã chiếm đoạt anh tới mức làm cho anh quên mất mọi thứ còn lại, những thứ mà anh chỉ nhớ lại một cách ngẫu nhiên, rời rạc, và luôn luôn dưới dạng ghê sợ: một tiếng động, âm thanh của một giọng nói cũng làm cho anh bất ngờ giật mình kinh hãi, tiếng rụng của một chiếc lá khô trong công viên cũng làm cho anh suýt ngã ngựa.

Có phải sự lạm dụng rượu là nguyên nhân đầu tiên của trạng thái nốc-ao chưa ngã ngựa của bạn tôi, hay là do tác động của một nỗi bất hạnh nội tâm, đó là điều mà các bác sĩ tâm thần Diafoirus^[6] bàn luận một cách lơ đãng trong những cuộc hội ý buổi sáng của họ, tại đó tất nhiên Ouria không được dự, nhưng cô được nghe lại thông qua bà y tá trưởng. Về phần mình, cô “Tự do”, tôi cho rằng cô suy nghĩ khôn ngoan hơn nhiều khi cô bảo là mỗi một con người đều mang trong mình ngay từ lúc ra đời những nguyên nhân có khả năng làm cho nó tiêu vong cùng với những nguyên nhân làm cho nó có được đại hạnh phúc, những nguyên nhân đó nằm lộn xộn như những quân bài đập. Uống rượu quá nhiều là một bộ phận của cái mà người ta có thể gọi là chương trình bi kịch của A., cũng như niềm vui phóng túng nhất, bởi vì bản thân anh có hai dốc trượt, một dốc trượt dần xuống vực tối và một dốc trượt dẫn ra lối có ánh sáng: cũng giống như mỗi người trong chúng ta, nhưng ở anh cái chương trình ấy diễn ra một cách tàn bạo hơn và tuyệt đối hơn so với ở đa số những người khác. Để nói đến những việc khó lường và có thể khó hiểu này, Ouria đã sử dụng những từ ngữ, những phép ẩn dụ thuộc ngành sơn văn mà có lẽ là cô có được từ văn hóa miền núi Numidi ở Bắc Phi, quê hương gốc gác của dòng họ nhà cô. Cô bảo rằng mọi người ai cũng có hai sườn dốc: nhưng ở một số người những cái sườn dốc ấy tỏ ra ít rõ ràng đến nỗi các dòng nước, dù chảy ở phía nào, chúng cũng đều chảy bình yên, trong khi ở những người khác thì chỉ cần một cơn mưa nhỏ nhất cũng tạo ra trên sườn dốc của họ những dòng lũ có khả năng cuốn phăng mọi thứ trên đường chúng tràn qua.

Tôi không thể không so sánh những điều Ouria kể cho tôi biết với những lời ám chỉ bóng gió của bà già gác cổng, không phải chỉ những tiếng động làm tỉnh, như mục già nói xa xôi bóng gió, là những cái đã gây ra tiếng

ồn trong đêm, mà gần đây còn có cả những tiếng động do những cuộc cãi vã kịch liệt giữa họ gây ra, và vả lại cũng không phải là cãi nhau mà thực ra chỉ là những tiếng kêu khóc của mình anh, là những lời nguyên rủa, là tiếng đập vỡ đồ vật, thậm chí đôi khi còn có cả những cú đánh nhau. Đối với người con gái mất tích, và đối với cả A., tôi không thể phạm lỗi bất công là bỏ qua những gì mà những dấu hiệu chỉ dẫn kia dường như muốn gợi ý cho tôi rằng: bạn tôi đã bị ngập chìm trong một nỗi đau xoắn ốc để cuối cùng nó làm cho anh không thể chịu nổi. Tôi không được bỏ qua những lời làm chứng buộc tội anh, không phải chỉ vì quan tâm đến chân lý, mà còn vì sự tôn trọng chân lý này, là chân lý cao cả hơn mọi chân lý mà đối với anh nó chính là bình yên, qua đó anh giữ được nàng, và nó tuyệt đối ngăn cản tôi lên án nàng, cho dù tôi có bị cám dỗ bởi điều đó như thế nào. Chỉ có điều, cũng chính cái tình yêu không thể nghi ngờ này đã buộc tôi phải đi tìm những lý do của sự lầm lạc mà chắc là từng lúc nó đã đẩy anh xa cách nàng, thậm chí chống lại nàng (cũng có thể nói là làm cho anh xa cách chính mình, chống lại mình), trong những cơn đau đớn mà chắc là do nỗi cô đơn căm lạng của nàng đã gây cho anh, buộc tôi phải đi tìm một thực tế là rút cục, và bất chấp cái vỏ thể chất bên ngoài, nàng càng ngày càng không muốn phó mặc đời mình cho anh. Và có thể thậm chí ít nhiều anh đã đoán trước được cái gì cuối cùng cũng sẽ xảy ra, hoặc dù sao anh cũng đoán trước được rằng cái phần cay đắng mà nàng đã phải nuốt chỉ có tăng thêm lên, và anh đã hấp tấp đi đón nỗi bất hạnh này, nỗi bất hạnh mà anh cảm thấy nó đang đến gần. Hoặc có thể cả những sự cuồng nhiệt và phóng đảng này là phù hợp với những mưu toan cuối cùng và điên rồ nhằm lập lại bằng các phương tiện bấp bênh nhất vị trí vững chắc cho một tình yêu đã bị mất thăng bằng: như ai đó, vì làm mất khả năng kiên nhẫn, nên cuối cùng đã quẳng chiếc đồng hồ mà anh muốn chữa xuống đất làm cho những bộ phận máy móc tinh vi của nó bật tung ra không thể chữa được.

Ouria không được biết gì chính xác về thảm họa đã làm cho cuộc đời của A. suy sụp: anh không hề tâm sự với cô về chuyện riêng, còn cô thì cũng không yêu cầu anh. Cô chỉ biết rằng sau khi một người đàn bà bỏ anh thì anh thấy thế giới không còn tỏ ra biền minh được cho những nỗ lực mà anh đã phải bỏ ra để duy trì sự sống. Bởi vì, theo lời cô – lần này cô sử dụng một kiểu ẩn dụ khác – sống đối với anh cũng khó và mệt mỏi chẳng khác gì như đối với một con cá bị vớt ra khỏi nước, và rằng không khí mà chúng ta thở làm cho anh chết ngạt. Theo cô thì anh bắt đầu uống rượu bởi

vì có một cái gì đó, một vết nứt bí mật, ngay từ đầu đã làm rạn vỡ và huỷ hoại cái điều quý giá nhất của anh, đó là cuộc sống chung của anh với cô gái kia. Sau đó, có thể cái thoát tiên chỉ là tác động hiển nhiên của một loại tuyệt vọng ngấm ngấm có nguồn gốc ở nỗi luôn luôn lo sợ phải chia ly nó cũng có nguồn gốc tiềm tàng ở trong lời nói và thậm chí trong cả những cử chỉ yêu đương mà có vẻ như chúng muốn phủ nhận sự chia ly đó, cái tác động ấy đã trở thành cái cơ hoặc cái nguyên nhân cuối cùng của sự chia ly này. Cô rút ra được niềm tin ấy từ một trong những lần tâm sự hiếm hoi mà A. đã thổ lộ với cô vào một buổi sáng, khi mà, lúc đem bữa ăn sáng đến cho anh, cô thấy anh đứng tỳ trán vào kính cửa sổ nhìn ra bầu trời bên ngoài đang bắt đầu tái xanh – đó là lúc những đồng lá vàng khô trong công viên dường như đang tỏa ánh màu hoa cà, trong khi các bức mặt tiền của những tòa biệt thự ở xung quanh, với những cánh cửa sổ đóng kín và in hình các vệt sáng tối do đám cành cây tạo nên trong như da các con ngựa vằn, làm thành bức phong cảnh trang hoàng mà ở đó, theo như lời anh nói với cô, có một cái gì đó bị ruồng bỏ trong chút ánh sáng nhợt nhạt đã gọi cho anh một cảnh tượng chiến tranh. Hình như anh đã khóc. Anh đã hỏi cô: “Cô có hiểu không, liệu người ta có thể gây chiến với cái mà người ta yêu không?” và khi cô đáp là không thì anh bảo với cô rằng ấy thế mà người đàn bà đã bỏ anh, làm cho anh khốn nạn như thế này, trước đó đã không ngừng tìm cách thoát khỏi anh với một ý chí có lẽ cũng chẳng kém gì mức độ yêu đương mà nàng đã dành cho anh.

Nàng đã tự hành hạ mình và hành hạ anh như vậy ngay từ những ngày đầu, khi mà nàng có vẻ như muốn rút ra từ dự vọng mãnh liệt của họ một nguồn năng lượng dẫn xuất khoái đau để phủ nhận mọi tương lai của anh. Và sự đòi bại ái tình này diễn ra quá kỳ lạ và rút cục là quá bệnh hoạn để đến nỗi có lúc anh phải tự hỏi là khi bỏ anh ra đi, liệu nàng có nghĩ là nàng yêu anh hơn bao giờ hết không, nếu cho dù trên thực tế nàng không yêu anh, thì liệu nàng có nghĩ đến cái cách duy nhất mà nàng đã chứng minh sâu sắc cho tình yêu bằng cách tước bỏ khỏi đối tượng của nàng mọi thực tế và mọi sự tồn tại xác thật và ngẫu nhiên không? Anh bảo với cô rằng cái làm cho anh nghi ngờ điều đó, và nó có vẻ sai lệch đó là sự say mê của nàng muốn giữ gìn, bất chấp ý muốn của anh, mọi kỷ niệm tích lũy được về anh trong những năm tháng họ sống chung với nhau, ngay cả khi nàng cắt bỏ đứt khoát mối quan hệ sống gần bó họ với nhau, những kỷ niệm đó là những tấm ảnh, những bức thư, những bài thơ, những món quà của anh sau

những chuyến đi xa đem về, những bông hoa ép khô hái bên đường, những chiếc vỏ sò nhỏ xíu lóng lánh vẩy mi ca, một số chiếc có những vết đốm mờ khó nhận ra, trong đó chứa đựng kỷ niệm về những giờ phút yên bình bên nhau khi họ cầm tay nhau trên bãi cát thủy triều ánh bạc như gương (nàng mặc váy carô đen trắng), để lại hai hàng bước chân in trên cát không đều nhau: một hàng bước nhẹ và một hàng bước nặng in dấu chân rõ ràng hơn, chúng đã bị nước biển xóa sạch và người ta sẽ chẳng bao giờ thấy chúng bên nhau nữa: trong khi đó thì về phần anh lại chưa yên khi chưa quảng hết hoặc chưa đốt cháy hết mọi đồ vật mà một dấu vết nhỏ nhất của chúng cũng luôn luôn vò xé trái tim anh. Anh ghê sợ nghĩ rằng chuyện đó như thể nàng muốn xây dựng một lăng mộ riêng tư, một con thuyền tang tóc để cho sự vắng bóng của anh được giao du vĩnh hằng giữa đồng di vật của một cuộc đời đã tiêu tan.

Anh bảo rằng anh nghi ngờ những chuyện lạ lùng ấy, những chuyện mưu hại chống lại cuộc sống, nhưng anh buộc phải công nhận rằng anh không biết liệu sự lý giải của anh có đúng không, rằng có thể anh đã ưu đãi nàng bởi vì nàng đã giữ gìn ít nhất là cái kỷ niệm về câu chuyện tầm thường của họ rằng ở đây còn có nhiều chuyện khả dĩ khác nữa, và còn tầm thường hơn biết bao nhiêu, ví dụ như chuyện nàng có ý thức về việc không phải nàng khát khao dục vọng, mà là khát khao sự tiện nghi, và nàng đã giấu diếm điều phát hiện này đằng sau cái mặt nạ của chứng loạn thần kinh giả tạo. Trên thực tế, sự im lặng ngoan cố mà nàng nhanh chóng khép mình trong đó, và rằng giờ đây, do kiệt sức và chán chường, A. thậm chí không còn muốn phá vỡ sự im lặng đó nữa, sự im lặng ấy đã mãi mãi ngăn không cho anh biết liệu có phải anh đã bị phản bội bởi một tâm hồn quá phức tạp, bị giằng xé và vò nát theo những cách không thể hiểu nổi, hay trái lại đó chỉ là một tâm hồn tư sản quá tẻ nhạt. Và còn vì bất lực không làm dịu được những gì bị dày vò và bị thua thiệt quá nhiều trong tính cách của anh, và không gạt bỏ được những gì là lập dị và hách dịch của anh, và vì cũng quá tự tin – điều này cũng có những nét giống với thói ích kỷ và tính kiêu căng – vào cái vương quốc mà anh áp đặt cho nàng, nên có thể chính anh là người đã gây dựng nên nỗi bất hạnh của riêng mình. Có thể – và điều này là một nỗi đau nhỏ nằm trong nỗi đau lớn hơn nhiều – rằng anh là một người vô ý thức và rút cục là một người yếu đuối: bởi vì nếu việc không tự tin được coi là một sự yếu đuối thì còn có một sự yếu đuối khác nữa và còn nhục cười hơn nữa, đó là việc không bao giờ nghi ngờ chuyện ấy.

Sự trùng hợp giữa những điều tưởng tượng của tôi với những suy nghĩ mà trên thực tế quả đúng là suy nghĩ của bạn tôi, đã làm nảy sinh trong tôi ý muốn được tưởng tượng lại câu chuyện của anh. Tôi hỏi Ouria về việc những ngày cuối cùng trong đời anh đã diễn ra như thế nào, những ngày mà anh cảm thấy sự lôi kéo của hư vô đang tới gần. Tôi ngạc nhiên khi thấy cô kể lại rằng thời gian ấy diễn ra thật đơn điệu và gần như yên bình. Người ta đánh thức anh dậy vào lúc tám giờ như tất cả các bệnh nhân khác để ăn sáng. Anh ăn uống uể oải, sau đó vừa uống cà phê vừa hút thuốc lá, anh ngồi nhìn qua những cành cây đen thẫm ngấm bầu trời tái xanh bên trên những tòa biệt thự và những đồng lá khô, nghe nhạc mà trong những bản nhạc này, ít nhất cô cũng biết tên hai bản, bởi vì khi ra đi anh đã để lại tập đĩa hát cho cô, đó là bản *Così fan tutte* và bản *sonate* viết cho piano và violông của César Franck. Sau đó anh lên gác để tắm, đó là tầng gác kín, gọi là kín bởi vì người ta không thể vào đây được nếu không có chìa khóa đặc biệt, mà chìa khóa thì chỉ có các bác sĩ và y tá mới được giữ: thế là anh phải bấm chuông và đứng đợi ở đầu cầu thang, với khăn tắm và xà phòng trên tay. Đây là giờ phút tẩy trần dành cho nước, dòng nước chảy trên cơ thể mệt mỏi, hơi phị ra bởi trạng thái không hoạt động do tác dụng của thuốc, rửa sạch đi mồ hôi cùng những cơn ác mộng hồi đêm, đây là giờ phút dành cho nước và ánh sáng, ánh sáng đang dâng lên như một dòng nháng dọc theo những thân cây đen sẫm, nó có màu tím nhợt và thường là bị tuyết bao phủ, nhưng đôi khi nó cũng được chiếu rọi bởi những tia chớp màu xanh hoặc vàng. Ourie bảo với tôi rằng đó là lúc A. cảm thấy gần như là hạnh phúc, gần như được tái sinh giống như dòng nước vẫn chảy mãi không ngừng, như những thân cây đang chuẩn bị nảy lộc, như một ngày không ngừng chiếu sáng: anh hạnh phúc bởi niềm vui đầu tiên được gắn liền với các vì tinh tú, không phụ thuộc vào bất cứ cái gì là của con người, niềm vui mà chỉ cần cứ để cho nó đến chứ không phải nghĩ ngợi điều gì, không phải đón nhận bất cứ điều gì ngoài cái trạng thái lâng lâng bao la và êm ái này. Đó cũng là lúc anh cho chim sẻ ăn những mẩu bơ cắt nhỏ đặt trên thành ban công. Và sự thân quen mà dần dần anh có được với những sinh linh nhẹ bồng ấy, những sinh linh gần như không có trọng lượng, trông giống những

mũi tên có cánh lẹ làng bay vút đi không để lại dấu tích để lao vào cỏi hiện tại vĩnh hằng, sự thân quen đó đã làm cho anh quên đi trong chốc lát nỗi kinh hoàng về cái biến cả vật chất bao la và trì trệ mà anh có cảm tưởng là mình đang bị ngập chìm và mất hút vào trong đó.

Thời gian còn lại của buổi sáng là dành cho việc truyền dịch: anh nằm dài trên giường nhìn ngắm những sự thay đổi không thể nhận ra đang tác động vào bức tranh được giới hạn trong khung cửa sổ màu xanh: ví dụ như một chiếc lá vàng tách ra khỏi thân cây lượn lơ rơi xuống đất, một con chim nhỏ bay dích dắc giữa những cành cây, một sự biến sắc từ từ vào liên tục của ánh sáng. Anh vừa nhìn ngắm những sự vật nhỏ mọn kia với một thái độ chăm chú kiên trì và chính xác nhất, vừa quan sát cả những giọt dung dịch Anafranil đang làm sủi bọt trong chiếc chai treo ngược trên đầu anh. Có lúc anh ghi chép điều gì đó vào một quyển sổ đặt trên đầu gối và khi ấy, nếu như mũi kim truyền dịch đang cắm vào mu bàn tay phải của anh, bởi bề các mạch ven ở cánh tay đã trở nên quá đen và quá cứng, thì người ta có thể nói rằng cái chất lỏng suy nhược kia đang chảy trực tiếp qua ngòi bút của anh để hiện lên thành những dòng chữ viết trên trang giấy. Nhưng thường là những lúc ấy anh đọc sách, anh đọc cho đến khi ngủ thiếp đi.

Buổi chiều thì bạn bè đến thăm anh. Tôi sung sướng được biết rằng A. hoàn toàn không hề là người bị bỏ rơi mà còn là người được thăm viếng nhiều nhất trong số tất cả các bệnh nhân. Anh đi bách bộ trên những lối đi dạo trong công viên cùng với những vị khách là đàn ông hoặc đàn bà, những lúc ấy anh vẫn mặc đồ đen, lưng hơi gù, hai tay đút túi, vẫn giữ cho điều thuốc lá cháy màu đỏ nhạt, đôi khi anh dừng lại ghi chép vào một cuốn sổ nhỏ những điều gì đó về vỏ cây hoặc về sự thối rữa của lá khô hay là về những đám mây và đàn chim đang bay trên trời, theo những gì Ouria kể lại. Đôi khi tuyết rơi hoặc mưa bụi, hoặc có một đám sương mù đóng băng làm cho những mảng nước đọng lại giữa những cành cây trông như những chiếc khăn trải bàn màu sữa, những điều đó không ngăn cản anh đi dạo. Đến chiều tối, anh tiễn khách ra cổng và đứng lại đó khá lâu nhìn theo khách đang xa dần trên con đường dẫn ra ga, những lúc khách ngoái lại nhìn thì anh giơ tay làm hiệu chào từ biệt, như ngày nào anh vẫn gửi những chiếc hôn gió cho người bạn gái lúc chia tay, những khi ấy anh cố chạy trên sân ga theo nhịp tàu chạy đang đưa nàng ra đi, hoặc dõi ánh mắt theo nàng xuống cầu thang vào buổi sáng, cho đến khi nàng khuất hẳn. Trong lúc đợi

Ouria, tôi đã ngắm nhìn tòa biệt thự được dùng làm bệnh viện này và biết rằng, cùng với tất cả những ô cửa sổ màu lam đang rực sáng sau hàng rào màu đen của những thân cây trang trí pha lê, tòa biệt thự trông giống như một cung điện nhỏ ở thành Petersbourg mà bạn tôi đang bước tới trước cửa trong cảnh ban đêm lấp lánh ánh đèn, và tôi không biết cái gì đã làm tôi tưởng tượng như vậy, nếu không phải là thói quen mà tôi đã nhiễm phải từ những ngày đầu từ Châu Phi trở về, đó là thói quen hòa mình vào những suy nghĩ giả định của anh, cũng như cả sự quen thân của tôi đối với anh, nhưng tôi tin chắc rằng khi những bước chân của anh bước xào xạo trên những bậc cầu thang chạy vòng hai bên được chiếu sáng bằng hai bức tượng cầm đuốc, thì đầu óc mơ mộng của anh vẽ ra trước mắt anh đôi mắt xám của một nàng Anna Karênina đang đứng đợi ở tiền sảnh, dưới dãy đèn nông từ lâu đã thay cho chiếc đèn chùm lung linh ánh nến, ngay trước cửa phòng của bác sĩ trưởng tâm thần.

Thế là khi ấy, sau bữa ăn tối đạm bạc được dọn trong những chiếc gamen bằng thiếc, được rưới thêm nước ở vòi, bắt đầu giờ khủng khiếp của đêm đen mà trong thời gian đó, trước khi người ta đến quấy rầy anh bằng những viên thuốc ngủ vào lúc mười một giờ, A. cố gắng tìm lại tình thân quen mà trước kia anh đã có với các ngôn từ. Nhưng, anh bảo Ouria, chính bản thân ngôn từ đã từ bỏ anh. Từ thời niên thiếu đến giờ anh đã quen sống với chúng, quen vật lộn với chúng, lần lượt nắm tóc chúng và bắt chúng phải tuân theo cái hình thức mà anh chọn, hoặc là anh bị chúng quật ngã và khuất phục; nhưng giờ đây hai bàn tay anh, những cơ bắp của anh, thân thể anh, tất cả không còn gặp phải cái gì để đương đầu nữa, anh bị vương vীu với sức khỏe của chính mình làm anh ngã lăn ra đất mà chỉ ôm ghì được không khí. Ở đây tôi cố ý sử dụng lối so sánh với thuật quyền anh, bởi vì tôi tin rằng từ ngữ cũng là công việc của thể xác: chính là bằng trọng lượng của ngực, của vai, của hông, chính là với sự nhanh chân nhanh tay, với sự mềm mại thần kinh của cổ chân, của cổ tay, của cổ, chính là với điều nghiêm trọng và vô cùng vui sướng do tình dục bổ sung thêm cho toàn bộ cỗ máy kia, chính là bằng tất cả những cái đó mà người ta thử thách các từ ngữ bằng cách vật lộn với chúng. Như vậy là: những kẻ yếu sẽ phải nhường nhịn. Nhưng từ ngữ không còn đáp lại tiếng gọi của anh nữa, chúng không còn lao vào trận đánh nữa, không còn đáp lại sự thách thức nữa, bỏ mặc anh trong trạng thái cô đơn hoàn toàn hiu quạnh. Viết một câu tối thiểu mà không phải chỉ là sự ghi nhận đơn giản đã trở thành một cực hình đối với

anh, và rồi thế là anh cứ ngồi hàng giờ ngơ ngác trước tờ giấy trắng, bàn tay run rẩy, bị chặn lại tại một điểm mà đáng ra dòng ngôn từ của anh đã phải vượt qua, trước đây nó đã vượt qua được: giống như một dòng nước óng ánh – Ouria bảo với tôi như vậy, cô lại sử dụng lối ẩn dụ đồng quê – mà trong luồng ánh sáng của nó anh đã chỉ cần thò tay xuống để bắt lên, tay bóp vào mang, những con cá đẹp có màu ban đêm hoặc màu ánh trắng hay màu cầu vồng: nhưng từ nay trở đi, nơi đây chỉ là vũng nước tù và những ngón tay lo âu của anh chỉ còn vớt được những vật phế thải đã bị phân hủy.

Tóc anh rụng nhiều lắm, Ouria vẫn kể với tôi trong cái quán bia mà bên ngoài cửa sổ tuyết đã bắt đầu rơi trên ngã tư. Ôn trời và tại một nơi khác nữa, những bông tuyết phản chiếu ánh sáng nhọt nhọt chậm rãi xoay tròn rơi xuống che mờ bề mặt của những mặt tiền của các tòa nhà, làm giảm bớt những góc cạnh của cảnh cây, bao phủ lên các vỉa hè mà tại đó có những con chó bông đang đứng đái, đó là những con chó của cái quý bà mặc áo lông thú.

Và theo cô, anh buồn rầu nói đùa rằng chuyện đó như thể mỗi lần lại có hàng trăm sợi dây, vài trăm phích điện và vài trăm dây nối bị giật ra khỏi bộ não anh, chúng là một bó các mối liên kết mà thông qua chúng những kỉ niệm và những mối xúc động được chuyên chở cùng với từ ngữ, đó là những kỉ niệm về một cái nốt ruồi, về cái dáng hơi quá nhọn của đôi vai, về màu sắc của con mắt, về đôi hông hẹp, núm vú tròn, chiếc răng khểnh và đầu lưỡi nhọn nhú ra giữa đôi môi, về những tiếng thở dài và những tiếng kêu la, về đám lông xoắn của bộ phận sinh dục, về một cách cởi quần áo, về cơn mệt mỏi hạnh phúc sau cuộc làm tình, hai cơ thể xoắn vào nhau, tiếng nói bị vỡ ra, và còn nhiều chuyện khác nữa mà bất chấp tất cả chúng vẫn còn là chuyện bí mật nghèo nàn của họ, tất cả những cái có khả năng làm cho chuyện lạ thường trở thành tuyệt đẹp, tất cả những cái có thể đào sâu thêm sự sâu sắc rạn rở của cuộc sống.

Tôi cho là mình đã hiểu được những nỗi đau đớn mà bạn tôi đã phải trải qua, chỉ có điều tôi đã trải qua chúng khi còn trẻ hơn, đó chính là vận may của tôi: người ta có thể chịu được gần như mọi điều khi nhựa sống của người ta còn dồi dào, khi bỏ chạy khỏi một đất nước mà ở đó có biết bao nhiêu địa điểm được gắn bó với những kỉ niệm vui sướng mà từ nay trở đi chúng biến thành những biểu hiện bất hạnh, tôi đã cam lòng xuống tàu tới vùng Biển Đỏ và Ấn Độ Dương: không có nỗi buồn nào của chàng Olympio [7] được coi là đáng sợ trên bờ biển này. Tôi nhớ lại nỗi đau mà tôi đã trải qua khi ấy, hình như không còn có thể có nỗi đau nào lớn hơn thế nữa: và, cho dù là không hiểu biết cuộc đời, nhưng tôi đã không nhầm khi phát biểu như vậy, quả thực không bao giờ tôi còn có thể bị đau xé hơn thế nữa.

Thậm chí cái chết của bạn bè hoặc của người thân cũng không để lại sự hủy hoại như sự phản bội. Cái chết vẫn giữ nguyên sợi dây sâu xa của con người mà từ đó bắt nguồn lòng tự tin. Nó giữ nguyên mọi dấu tích, ảnh chụp, thư từ, quần áo, mái tóc, thông qua chúng có một cái gì đó thuộc về danh tiếng của những ngày tốt đẹp đã qua không ngừng được sống lại: đó là một hình ảnh phai mờ, nhợt nhạt, nhưng nó vẫn gọi lại những ngày tháng đó một cách khiêm tốn và êm ái, và nó không buộc người ta phải ghê tởm từ bỏ chúng. Trong khi đó sự phản bội chẳng để lại một cái gì nguyên lành, thậm chí cả cái quá khứ mà nó đã làm đảo lộn và đầu độc hoàn toàn ý nghĩa: ví như cái quán ăn mà ở đó ta đã ngồi ăn cùng nhau lần đầu tiên, nơi mà ta đã kinh ngạc phát hiện ra nhau, với một thái độ hoài nghi và không dám nhìn nhau nhiều, cái quán ăn mà ta không bao giờ đi qua trước mặt nó mà không nắm tay để ghi nhận sự tòng phạm của các kỉ niệm, nơi mà thỉnh thoảng ta vẫn quay trở lại như là một nghi lễ thăm kín, và khi ấy ta lại nhớ những câu nói vụng về mà ta đã nói với người kia, nhớ lại thái độ bối rối làm cho ta run run – thế là ta phải trốn tránh cái quán ăn đó như trốn tránh một nơi tồi tệ, phải tránh đi qua đường phố có cái quán ăn ấy, vì rằng ngay cả cái tên gọi của nó cũng làm cho ta rơi nước mắt. Những lời nói êm ái

nhất dùng để chỉ những sự việc đơn giản nhất, cái sân thượng mà ở đó ta vẫn thích ngồi chơi vào mùa hè, cái kỉ niệm về một ánh bình minh xuất hiện sau cánh cửa sổ, những luồng ánh sáng gọn sóng phản chiếu trên tường phòng, trong khi tiếng gõ va đập báo hiệu những con thuyền đang nhỏ neo rời bến, mái tóc nàng xoa trên gối, vị muối đọng lại trên da thịt nàng sau buổi sáng phơi nắng, những chai nước mà nàng dùng để rửa sạch cơ thể, có biết bao nhiêu vết đau như thế.

Một con tàu đang vào ga, khi ta nhớ lại mình đứng núp sau một cây cột ở sân ga đợi nàng để thoát tiên gây ra nỗi thất vọng làm cho cảnh ôm nhau đầu tiên trở nên say mê hơn, những chiếc bánh xe của nó nghiêng trên đường ray mà từ nay trở đi chúng sẽ làm tan nát trái tim anh. Như vậy đây sẽ là điều duy nhất còn lại về nàng, đó là tất cả kho báu về những hình ảnh, về những thói quen êm ái được ghi lại trên cơ thể mà ta phải cố mà rũ sạch chúng đi mãi mãi nếu ta còn muốn sống: trong khi đó vẫn còn lại một khoảng không gian tưởng tượng để ta tiếp tục gặp gỡ những người đã khuất. Chính là chúng ta luôn luôn phải tự đảm đương việc này, phải rắc muối lên chỗ được coi là khu vực của một thành phố mà chúng ta đã lập nên và cùng sống với nhau; phải không ngừng bắt đầu lại công việc đổ nát này, sự đổ nát của cái mà chúng ta đã muốn tồn tại trong lòng nó. Đó chính là cơ thể của người đàn bà yêu dấu, cái mà vì nó ta đã phải chết, cái mà ta đã phải kiên trì cố tìm cách để quên đi, là cái mà ta phải để cho kỉ niệm về nó, kỉ niệm có liên quan đến mắt, đến tay, đến miệng, đến da, đến bộ phận sinh dục, đến mỗi bộ phận của thân thể, ta phải để cho kỉ niệm ấy tan rữa đi như sự tan rữa của xác chết.

Ngoài ra, cái chết còn cố định mãi mãi nét mặt, lời nói và thái độ của con người: trong khi đối với người đã bỏ ta ra đi, thì ta sợ hãi đoán rằng mỗi giây mỗi phút trôi qua sẽ làm biến đổi hình ảnh của người đó một cách không thể nhận ra, làm cho hình ảnh của người đó xa cách dần so với hình ảnh mà ta đã yêu quý, rằng người đó sẽ nói ra những lời lẽ mà ta không quen biết, và những ý nghĩ trong đầu người đó sẽ mãi mãi trở nên xa lạ với ta. Ta biết rằng sự xa cách không thể cưỡng lại được này là kết quả không đổi của ý chí của người đã bỏ ta, chứ không phải là của một tai họa hay của một số phận oan trái. Ta không còn biết nàng sống ở đâu, ta cũng không muốn biết điều đó nữa, và chuyện ấy như thể thành phố đã trở nên hoàn toàn không thể hiểu nổi, đã trở thành một địa điểm cuộc phục kích, bất ngờ

trải rộng và thường trực, bởi vì ở mỗi góc phố cũng có thể xảy ra nỗi kinh hoàng phải gặp lại người con gái đã muốn trở nên xa lạ và vô hình đối với anh, muốn không còn biết và hiểu gì về anh nữa. Ta sợ rằng có thể kiểu đầu của nàng đã thay đổi, và chắc chắn nàng đã mua cho mình những bộ quần áo mà ta sẽ không bao giờ được thấy nàng mặc và cởi ra, những bộ quần áo mà nàng mua với ý định là để cho những người khác nhìn thấy nàng mặc và cởi ra. Ta mong rằng nàng sẽ không bị xúc phạm, không bị cưỡng hiếp.

Mỗi một khoảnh khắc trôi qua, do một điều duy nhất là ta thiếu ý thức về nó, rằng thậm chí ta cũng chẳng nghĩ về nó, càng làm tăng thêm sự phản bội và nỗi đau lòng khi phải chia ly mà ta phải chịu đựng. Và điều nghịch lý thực sự mệt mỏi của nỗi đau này, đó là anh phải chịu nỗi đau đó do chính cái điều gần gũi nhất với anh gây ra cho anh, cái điều mà anh vẫn hướng về để tìm kiếm sự động viên khi mà ở khắp nơi anh không tìm thấy được sự động viên này, cái mà vẫn ở bên anh khi mọi sự đã từ bỏ anh: và đó chính là thói quen của tâm hồn làm cho nó giống như một con vật say đòn, cứ tiếp tục trông đợi một cách máy móc vào sự an ủi của cái người mà, cho dù trước đây có là kẻ đỡ đàn và là niềm vui của nó, thì bây giờ cũng đã trở thành tên đao phủ của nó.

Tôi nhớ lại những đêm tồi tệ tôi ngo ngác uống rượu trong một quán rượu bất kì, uống để khỏi phải trở về căn nhà giờ đây chỉ còn là một sự trống trải. Tôi nhớ lại làn khói thuốc lá màu xanh cuộn vòng thất nút xung quanh miệng tôi rồi bay thẳng lên trần nhà, dựng dưới những ngọn đèn, trông giống như một dây thòng lọng. Tôi nhớ lại đôi bàn tay tôi run rẩy, nhớ lại cái đầu kêu vo vo như thể có một đàn ong đang làm tổ trong đó. Tôi nhớ lại tiếng nước chảy róc rách trong những rãnh nước đen lóng lánh khi cuối cùng tôi cũng ra khỏi nhà, lấy xe lái đi trong đêm như một kẻ mất trí, khi mà đèn điện thường là đã tắt, tôi lái xe qua những dãy phố, sau đó ra xa lộ ướt át mà trên đó những chiếc xe romoóc lao vun vút làm thành những vệt đỏ và trắng trông như đuôi sao chổi: khi ấy tôi nhớ lại đầu nàng đặt lên gối tôi, rằng tôi vừa lái xe vừa âu yếm vuốt ve khắp người nàng, và nàng hôn lên tay tôi, khi chúng tôi đang trên đường đi nghỉ. Tôi nhớ lại niềm hi vọng dù sao cũng là điên cuồng, khi có một ngọn đèn quên không tắt hay đang le lói trong buổi sáng trời xanh làm cho tôi trong chốc lát tin rằng có thể nàng đã quay trở về. Tôi nhớ lại những ngày tôi ngồi đốt thuốc lá bên cạnh máy điện thoại, trái tim giật thót lên khi có tiếng chuông điện thoại réo, hoặc khi

có tiếng xe tắcxi chạy thông thả trên đường phố ban đêm, nhớ lại khoảng thời gian cần thiết phải đợi cho đến khi những ảo tưởng này mất đi, nhớ lại nỗi cô đơn còn sâu nặng hơn dành cho anh sau khi những ảo tưởng ấy không còn nữa.

Và ngay cả khi ta cố sức không ngừng rũ sạch tinh thần khỏi những cái không ngừng quay trở lại và tìm cách xâm nhập nó, và đây là một nỗ lực nặng nề, và ta tin là ta sẽ đi đến chỗ gạt bỏ được một chút kỉ niệm, thì, ngay cả khi ấy ta cũng không thể kết thúc được như thế: bởi lẽ sự thật là ngay giữa đêm tối nàng vẫn đang ở trong vòng tay ta đây, hai cơ thể gặp gỡ nhau và hôn hờ như ngày nào, rằng ta nhận ra lưỡi và răng nàng, nhận ra tóc nàng dính chặt vào cổ, nhận ra cái eo lưng hõm sâu của nàng và đôi chân nàng quấn lấy chân ta và cả tiếng càu nhàu của nàng khi ta thử liêu làm những chuyện mà nàng chỉ thích có một nửa; hoặc là ta cùng đi nghỉ với nhau tại một mũi biển, ta nhìn thấy một con thuyền lớn trú ngụ mà những cột buồm của nó trông như những cái bóng, như một con thuyền ma, nàng bảo ta là nàng muốn đi xem mặt trời mọc, ta bỗng có một nỗi sợ khủng khiếp là đến sớm mai ta sẽ phải chia tay với nàng, rằng nàng muốn ta ra đi để cho nàng ở lại một mình tại đó trước ánh bình minh đang mọc lên như những cánh hoa hồng; nhưng nàng cũng muốn ta ở lại thêm chút nữa, và ta và nàng lại bắt đầu vừa khóc vừa quì gối làm tình với nhau. Hoặc là... Ôi, lạy chúa, sao mà những giây phút trước khi ta hiểu rằng đó chỉ là một giấc mơ lại kéo dài lâu đến thế, cái giấc mơ đã làm cho ta toát mồ hôi và cương cứng cả dương vật, và cái giờ phút trải qua sau đó mới thật khủng khiếp, trước khi cơn mệt mỏi khoan dung cuối cùng cũng làm cho ta ngã gục.

Tôi biết thế nào là chết, người ta không tin rằng khi tôi còn sống thì cũng đã có hôm một lần tôi gặp phải cái chết, nhưng tôi khẳng định rằng nó không để cho tôi kiệt quệ sâu sắc giống như sự chia li. Nó cũng có cái sự êm dịu ghê sợ của những sự việc không thể thay đổi được: ta không thể chống lại được nó, không thể yêu cầu nó thay đổi các quyết định của mình. Trong khi đó cái quyết định từ bỏ ta, ta biết rằng có một người đã có quyết định như thế, và người đó chính là người không hề muốn làm điều xấu cho ta, lại càng là người chỉ muốn điều tốt cho ta, muốn mọi điều tốt có thể có được, người mà nói cho cùng là người yêu quý ta, ta nghĩ như vậy. Và đây là một đột biến ngược quá lạ thường giữa cái tốt và cái xấu, một sự lật ngược quá khó hiểu của các vai trò mà một tinh thần hốt hoảng không thể quan

niệm được, lại càng không thể chấp nhận được, và cái tinh thần đó trở nên kiệt quệ trong niềm tin vô vọng rằng cái đã chiếm được thì sẽ bị chiếm lại, cái bị cướp ra thì sẽ bị trói buộc lại: bởi vì chỉ một từ cũng đủ để nói về người đàn bà không có lời lẽ êm ái, chỉ một ý nghĩ âu yếm cũng đủ để nói về người đàn bà đã quan tâm đến ta như quan tâm đến cái điều quý giá nhất của nàng. Liệu có phải là giờ đây một quyết định về nàng cũng sẽ làm cho ta gần như thành người chết, và rằng nàng sẽ vẫn tiếp tục con đường của mình mà không có xúc cảm trước những tiếng kêu khóc của ta? Liệu nàng có bị đè nặng bởi vết thương khủng khiếp mà nàng đã gây ra cho ta không? Trong khi mà nàng là người đã từng lo lắng đến những nỗi đau nhỏ nhất có thể xảy ra đối với ta, là người mà ta đã từng an ủi bằng những nụ hôn đối với một vết xước nhỏ nhất, đối với những cơn chuột rút thường xảy ra vào buổi sáng làm cho nàng cứng cả người?

Và, về một số mặt nào đó thì ta có lí khi tự hỏi như vậy, vì ta mặc nhiên công nhận có một mối gắn bó chặt chẽ giữa quá khứ và hiện tại. Chỉ có điều ta không còn có thể dựa vào cái đã qua để phán xét điều không thể xảy ra của cái hiện tồn, mà, cho dù điều này có vẻ nghịch lí và đau lòng, thì ta vẫn phải suy nghĩ ngược lại: tức là cái hiện tồn sẽ hủy bỏ cái dường như đã tồn tại. Cái đang xảy ra sẽ là chân lí của cái luôn luôn xảy ra, luôn luôn bị che giấu. Điều này ít nhất là đúng trong những trường hợp quyết định, đó là trường hợp chiến tranh và tình yêu, và chẳng đối với chúng người ta đã không mất công vô ích khi sử dụng cùng một cái từ chính xác không thể chê trách được, đó là từ “phản bội”: kẻ bỏ bạn trong chiến đấu, kẻ giao bạn mình cho kẻ thù cũng là kẻ đã phản bội bạn mình từ lâu, đã luôn luôn là một kẻ hèn nhát và dao động. Còn những người yêu nhau, thì kẻ đột ngột bỏ bạn trong cảnh tuyệt vọng, như là một chiến binh chết trận trong truyện Iliade, thì kẻ đó đang và đã luôn luôn là một thứ con đẻ của gái đĩ hoặc là một gái đĩ thực sự. Đúng như thế.

Dù sao đó cũng là kiến thức về giáo dục tình cảm của tôi. Tôi đã nói rằng khi ấy tôi còn trẻ. Nhưng tôi chỉ quen biết loại gái tạm bợ. Điều đó không nhất thiết có nghĩa phải là gái điếm, và thậm chí những chuyện như vậy cũng rất hiếm: chỉ có điều họ không nghĩ là người ta sẽ kể chuyện về họ. Một khả năng nào đó của tôi trong việc tin người và làm cho người ta tin đã biến mất một cách không thể cứu chữa được. Vì thế tôi đã có những mối tình trầm mặc diễn ra từng thời kì trên quãng đường trải dài giữa thành

phố Port-Said^[8] và Lourenco Marques^[9]. Một trong những cô gái đó nghiện thuốc tẩu, một cô khác có một con trăn đã được thuần hóa, còn cô thứ ba thì có lần đã đọc cho tôi nghe một bản dịch tiếng Anh của cuốn sách “*Những mối liên hệ nguy hiểm*”. Đó là những kỉ niệm. Rồi còn vị hôn thê ở bãi xác tàu đắm nữa. Tôi ít đòi hỏi về một cuộc đời hạnh phúc. Tóm lại, tôi đã già đi trước tuổi, trong khi đó thì A. vẫn là một cậu thiếu niên già cho đến phút cuối cùng, và đó là cái làm cho anh khánh kiệt.

Tôi đã thuê một phòng trong một khách sạn nửa sang trọng thuộc khu phố Latin^[10]. Không có một đường phố nào ở xung quanh, không có một thước đất vỉa hè nào là không gọi cho tôi nhớ lại những năm tháng xa xưa, nhưng đồng thời chúng cũng thật là xa vời đến thế, và chúng trở nên gần như xa cách chẳng khác gì những ngày tháng của Công xã Paris hoặc của tháng Sáu năm 1848. Mạng lưới đường phố vẫn như cũ, được đánh dấu từng quãng vẫn bằng những mốc chính như xưa, đó là đài nước Saint-Michel, là Trường đại học Sorbone, là nhà hát Odéon, là vườn Luxembourg, là đền Panthéon và thư viện cái khối hình học này, dường như tất cả đã được tháo rời ra một cách tỉ mỉ và từng bộ phận được thay thế bằng đồ mới và đồ vô giá trị. Ở cái chỗ mà tôi nhớ là có một hiệu sách thì lại là quán hàng bán quần áo may sẵn, một hiệu cà phê cũ đã nhường chỗ cho một quán điểm tâm, những cánh cửa của nó trước đây trông ra sân vườn mát mẻ thì từ nay trở đi đã được khóa kín bằng điện. Song đối với những con đường dạo chơi thì cái đó chẳng sao cả: người ta đến đây để trốn tránh cảnh sát, người ta trốn ở đây để ban cho nhau những cử chỉ vuốt ve vô ý tứ sau những nụ hôn đầu, hoặc chỉ đơn giản là người ta đến đây để đi dạo. Ngay đến cả những quán ăn tồi tàn ở vùng phụ cận Saint-Séverin, cho dù chúng vẫn nhỏ bé và tồi tàn, cũng không thoát khỏi trở thành những quán căng tin phục vụ cho khách du lịch.

Thành phố Paris vào thời chúng tôi sinh ra và lớn lên vẫn còn giống với thành phố Paris hồi đầu thế kỉ, người ta thấy ở đây có những viên cảnh sát mặc áo choàng gân cổ thối còi, và những chiếc xe ô tô buýt bắt đầu khởi hành khi người bán vé kéo một sợi dây nhỏ trông chẳng khác gì một chiếc dây giặt nước ở nhà xí. Xe điện ngầm có các toa xe màu xanh-đỏ và những chiếc ghế dài đóng bằng những thanh gỗ ghép trông gần giống như ghế ngồi tắm nắng; người lái xe, ngồi giữa chùm đèn sáng chói, hạ những cái tay gạt có quả nắm bằng sứ, trong những quãng đường hầm có ghi dòng chữ *Dubon Dubonnel*, ở đây có những người bấm vé ngồi dưới những vòm bằng sành trắng; và những nhân viên đưa thư đi bằng xe đạp, và những chiếc tàu

kéo chạy trên sông Seine trông giống như trong một bức tranh của Marquet^[11]. Những viên đá lát đường làm cho đường phố có hình vảy cá trông như những con cá sặcđin; các nhà máy, hàng ngày nuốt vào rồi lại nhả ra những dòng người công nhân vô sản áo xanh, đang gồng những cái lưng rỗng của chúng lên ngay giữa thành phố, làm cho nó vừa mang tính công nghiệp lại vừa mang tính nông thôn, bởi lẽ tôi tin chắc là ở đây vẫn còn nhiều cây xanh, và những đài phun nước Wallace làm cho người ta nghe thấy tiếng nước chảy rì rào trên những quảng trường nhỏ. Con sông Seine vẫn còn chưa nằm giữa những con đường xa lộ cao tốc, các vùng ngoại vi vẫn còn chưa bao gồm hai mươi quận trong một vành đai bê tông.

Có thể là cuộc sống cô đơn của tôi, cái dốc trượt của đời tôi từ nay trở đi, một cách vô vị đã dẫn tôi đi đến chỗ nhớ lại với một thái độ thỏa mãn thái quá những gì mà thời gian đã xóa sạch. Tuy nhiên, tôi cho rằng không phải sự luyến tiếc vô ích là cái đã làm cho tôi nhớ lại những sự việc này. Chúng không thể tránh khỏi đập vào mắt tôi khi tôi gặp lại chúng sau một phần tư thế kỉ vắng mặt, nhưng sở dĩ hôm nay tôi cầm bút viết ra để kể về chúng, mà chắc chắn là khi trở về với cái nắng thiêu đốt của châu Phi hàng ngày dội xuống đầu tôi thì tôi sẽ lại từ bỏ cây bút mãi mãi, đó là vì tôi cảm thấy rằng theo một cách nào đó đáng ra chúng đã phải có mặt trong cái bức thư của bạn tôi mà tôi đang cố tái lập một cách hết sức chu đáo ấy. Bởi vì chính cái phong cảnh về một thành phố Paris trong cảnh đen trắng này – cái phong cảnh mà đứng nhìn từ xa sẽ làm cho nó nhạt nhòa đi trong đám sương mù – là cái mà anh đã quen biết, anh đã được hình thành và tạo dựng bởi nó, còn nàng thì không. Và trong trường hợp này không phải bản thân phong cảnh là cái quan trọng, mà chính là câu chuyện diễn ra rung động ở bên trong những tuyến đường và bề mặt của nó, là tiếng vọng âm vang trong các hình khối của nó – là cái mà bộ mặt vật chất của một thành phố nắm giữ và diễn đạt bộ mặt tinh thần của một thời đại. Trong cái thành phố Paris của thời trẻ chúng tôi, quan niệm cho rằng có tồn tại một dân tộc là một quan niệm vẫn còn có thể đứng vững được. Những tên tuổi như tên tuổi của Pesguy hoặc của Marc Bloch, của Jacques Decour hoặc của Jean Cavailles vẫn chưa hoàn toàn bị coi là khó nghe. Và không thể nói rằng khi đó chúng tôi đã ở mức ngang tầm với những tên tuổi ấy, mà chỉ là chúng có một ý nghĩ nào đó đối với chúng tôi, rằng chúng làm thành một bộ phận xuất sắc của nền văn hóa của chúng ta. Trong khi vừa đi dạo lang thang trên các đường phố vừa lơ đãng quan sát mọi người xung quanh, và nhất là vào

buổi tối, trong những lúc vô công rồi nghề, tôi vừa đi vừa ngắm nhìn như một cái máy những cái đã trở thành phong cảnh lớn vừa mang ý nghĩa phổ biến lại vừa mang ý nghĩa riêng tư, trở thành một tấm vải lớn óng ánh in hình các hình ảnh trải rộng khắp nơi và gấp lại ở mỗi xó xỉnh, làm cân bằng và che giấu đi mọi thứ, trong những lúc ấy, tôi dần dần hiểu ra một cách không thể nghi ngờ được rằng tất cả những cái đó đã kết thúc, rằng đây không còn là vấn đề lịch sử, cũng không phải là vấn đề đạo đức, hoặc nói thực ra thậm chí nghiêm túc hơn cũng không phải là vấn đề chính trị: rằng những thứ đồ cũ kĩ này đánh dấu ngày tháng cho chúng ta một cách chắc chắn hơn là mái tóc hoa râm của chúng ta.

Cũng như Pe'guy, chúng ta không nên nói rằng chúng ta là những người anh hùng. Điều đó không đúng, bởi vì nỗi đam mê của chúng ta đã bị làm lạc, rằng ý chí cao thượng của chúng ta muốn dẫn chúng ta gia nhập vào làn sóng của lịch sử đã bị hủy hoại vì những người anh hùng ngu xuẩn. Sự hi sinh quên mình và lòng can đảm theo một truyền thống đã bị đánh mất bởi sự ngu ngốc mà ta vẫn phải tôn trọng, vẫn phải nhắc đi nhắc lại một truyền thống. Sự khắc khổ cùng chia sẻ và tính nghiêm trọng ngày thơ không tha thứ được cho tất cả. Tự do nói, tự do đọc, tự do viết, tự do phán xét, tự do yêu, tự do đi lại, tự do lựa chọn, chẳng có cái gì mà một quá trình sử dụng hơi lâu dài và chín chắn của thế giới đã dạy cho chúng ta biết kính trọng lại tránh được những cơn cuồng nhiệt lạ lùng của chúng ta. Tôi không quên rằng chúng ta đã bắt đầu cuộc đời người lớn của chúng ta bằng cách lựa chọn quyền được sai lầm thay cho tất cả những quyền lợi khác. Tất nhiên chúng ta không phải là những người đầu tiên, nhưng những thần tượng đáng sợ mà những người đi trước chúng ta đã ngưỡng mộ thì, đến lượt chúng ta – khi chúng ta hiến dâng những hi sinh cho các thần tượng đó (và trước hết là sự hiến sinh trí thông minh của chúng ta) – những thần tượng ấy chỉ còn là những vị thần thoái hóa, thảm hại và bất lương mà Borges đã gọi tả trong câu chuyện nhan đề “*Ragnarok*”. Cái nghịch lí mở đầu của cuộc đời chúng ta, cái nghịch lí đã đánh dấu cuộc đời bằng một con dấu không thể xóa nhòa được và có thể bằng một lời nguyên không thể thoát khỏi được, chính là việc chúng ta đã đem quá nhiều đức hạnh để phục vụ cho những quan niệm quá cũ kĩ như vậy. Không bao giờ chúng ta được nói mình là những người anh hùng, chúng ta phải chế diễu những ai nói ra điều đó và làm cho họ hổ thẹn về thói ba hoa của họ, và phải chứng minh cho họ rằng thói ba hoa ấy là bằng chứng cho tính giả dối của những điều mà họ đề xuất; nhưng chúng

ta cũng không nên quên rằng trong chúng ta cũng có một khát vọng mù quáng hướng tới chủ nghĩa anh hùng, hoặc là hướng tới sự thánh thiện, như người ta muốn gọi như thế: cũng không nên để người ta nói là chuyện đó không phải như vậy. Và ngược lại, cái mà chúng ta có thể khẳng định cùng với tác giả cuốn sách “*Tuổi trẻ của chúng ta*” – bởi vì những người xuất sắc nhất trong số chúng ta vẫn còn cảm thấy điều đó, và càng ngày lại càng cảm thấy rõ hơn (còn những kẻ xấu xa nhất, những anh hề, thì chúng ta không quan tâm) – chính là việc trong những năm đó chúng ta đã bước vào vương quốc của sự bất an không thể chữa trị được. Rằng chúng ta đã mãi mãi từ bỏ sự yên bình, đặc biệt là sự yên bình mua được ở siêu thị trong giai đoạn cuối thế kỉ này.

Tôi đã nói rằng tôi đang cố gắng tái lập lại một cách hết sức trung thành bức thư bỏ dở của bạn tôi. Thật khó mà xác định chính xác được cái thái độ chu đáo này là gì, bởi vì có lẽ một bức thư chỉ bao gồm vền vền có ba từ mở đầu như vậy thì người ta có thể diễn giải nó như thế nào cũng được. Nhưng thực tế không phải như vậy. Rằng anh đã nghĩ đến chuyện viết thư cho tôi vào hôm trước ngày chết của anh, mà tôi lại là người anh chưa hề gặp lại sau gần hai mươi năm, rằng cuối cùng anh lại từ bỏ ý định ấy, thì mỗi sự kiện đó đều có một ý nghĩa có khả năng thu hẹp các giả thiết tái lập bức thư ấy. Rõ ràng là anh đã muốn giải thích cho tôi biết những lí do hành động của anh, những lí do mà, đằng sau sự từ bỏ có thể được coi là nguyên nhân cơ bản và cuối cùng, chắc là chúng cũng phải có một mối quan hệ nào đó với tình trạng chưa được thoải mái, với tình trạng bất an, những cái đã gắn bó chúng tôi với nhau qua bao năm tháng. Và chắc là những lí do này là cực kì phức tạp khó có thể làm sáng tỏ, cho nên ngòi bút của anh mới dừng lại sau ba chữ rất tầm thường là “*Bạn thân mến*”, và rằng cuối cùng anh đã quyết định giữ im lặng.

Điều bí mật mà tôi phải giải quyết thuộc về một thể cờ hơi đặc biệt mà trong đó, mặc dù không biết được vị trí của một số quân cờ cơ bản, tôi vẫn phải tái lập lại bước đi chính xác của những nước cờ dẫn đến chiếu hết. Một mình ngồi suy nghĩ trong căn phòng nhỏ của khách sạn ở khu phố Latin, tôi đã dựng nên được một giải pháp như sau: người đàn bà rất trẻ này – người mà hầu như tôi chẳng biết gì chắc chắn ngoài những điều là nàng có một sắc đẹp ngọc ngà, nàng thích mặc đồ đen trắng, và rằng mặc dù rõ ràng là hai người đã có những năm tháng yêu nhau mãnh liệt, nhưng nàng luôn

luôn tạo cho người ta có một ấn tượng rằng nàng chỉ ở tạm với A., người đàn bà mà cuối cùng tôi đã gọi là người mất tích – người đàn bà đó đã yêu bạn tôi xuất phát từ cùng những lí do mà sau đó đã khiến nàng bỏ anh ra đi, bất chấp nguy cơ để cho anh phải chết. Hoặc là: cái mà nàng đã phản bội và giết hại ở con người anh cũng chính là cái mà thoát tiên nàng đã say mê. Nàng đã yêu anh như yêu một kẻ đến từ một thế giới khác, hay đúng hơn là một kẻ đến từ thời đại khác, ở đó có một điều, một sức mạnh lớn lao mà về nó nàng chỉ có một khái niệm rất mơ hồ mà nó có tên gọi là lịch sử, và còn có cả những vết thương mà bước đi bất ngờ của nó luôn luôn để lại trong tâm hồn con người: dưới mắt chúng ta cái lịch sử mà chúng ta trải qua đã trở nên khô hai một cách quá bí hiểm; nhưng nàng không thể hiểu được điều đó, đồng thời nàng cũng không hiểu được cái tiếp tục gắn bó sự trung thành của chúng tôi đối với thái độ châm chọc, mỉa mai.

Nàng đã yêu cái tính khí lạ lùng hơi kịch tính này, cái tính khí đã đưa nàng tránh xa khỏi cái thế giới tầm thường, nhất thời, quá tự mê mình mà ở trong đó nàng đã quen sống: bởi vì nàng, nàng là người thuộc về thời đại mà ở đó thời gian không còn nữa, chỉ còn một thời hiện tại hào nhoáng, không có căn cứ và cơ sở triết học hoặc đạo đức, cũng không có thảm kịch có khả năng tỏ ra kinh khủng hơn cái chết của một con mèo Ba Tư. Nàng đứng về phía mà thành phố Paris xa lạ đối với tôi có thể làm cho nó hiện ra rõ ràng, đó là phía buôn bán, hào nhoáng, hiện đại và thời thượng, trong đó tôi chỉ là một khách qua đường xa lạ: ở đó mỗi một địa điểm có vẻ như là hình ảnh thể hiện của chính bản thân thành phố trong tủ kính bày hàng của một hãng du lịch, mỗi một người đều cố trùng hợp mình với hình ảnh được đề xuất bởi cái kỹ thuật của loài phù du, cái kỹ thuật đã trở thành tư tưởng chủ đạo của thời đại.

Và không phải anh chỉ xuất thân từ khía cạnh lịch sử, mà anh còn xuất thân từ khía cạnh văn chương: đó là một thể lực bí ẩn khác, một phép phù thủy khác mà uy tín của nó càng tăng thêm uy tín của khía cạnh lịch sử, và là cái mà thời đại đã đuổi ra khỏi bàn thờ, chẳng khác gì như nó đã làm đối với lịch sử. Trong cái thành phố Paris đã bị mất của thời trẻ chúng tôi, người ta cũng có thể bắt gặp bóng ma có cái đầu lưu manh của Apollinaire^[12] đi lang thang không muốn chết, với chiếc mũ lồi u và chiếc nơ cài ngang, hoặc bắt gặp bóng ma của Breton^[13] đi ngang qua dưới bầu

trời lốm đốm mây, một bộ mặt mà bạn tôi rất sợ sẽ không bao giờ được gặp lại. Và trong số tất cả các chàng trai mơ mộng thời bấy giờ, A. là một trong những người tin vào hiện tượng ma hiện hình ấy, tức là tin vào văn chương, đến mức sau đó anh đã hiến dâng những cái nhỏ nhặt mà mỗi người đều sở hữu và những cái đó chính là cuộc đời của anh. Nàng, cô gái mất tích, đã yêu cái nguồn gốc phi thường ấy, những cái đã đưa nàng đi quá xa khỏi cái thế giới tầm thường mà nàng đã quen thuộc, quá xa khỏi những cái mà chung qui lại chúng chính là bản thân nàng, bởi lẽ, với cái vẻ ngoài trắng muốt như thiên thần hoặc như một con nữ yêu, nàng không hề xa lạ với cuộc sống hiện tại tẻ nhạt và nặng nề ấy. Còn về phần mình, A. đã bị quyến rũ, bị mê hoặc không những chỉ bởi sắc đẹp của nàng, mà còn bởi cái vẻ trẻ trung của nàng, bởi cái vẻ trắng trong làm nàng dâng tặng anh. Thật tội nghiệp cho anh là anh đã tưởng rằng mình có thể thỏa mãn với nàng như thỏa mãn vầy vùng trong dòng nước mát. Anh đã nuôi một ảo tưởng do nàng đem đến cho anh giống như một cái lễ rửa tội mới của đời anh. Anh dự định sẽ tắm nước rửa tội một lần nữa với nàng, sẽ tái sinh, và sau đó cũng như nhiều người theo chủ nghĩa lý tưởng khác, anh hình dung là mình có thể dần dần kéo nàng về với mình có thể giáo dục nàng theo một kiểu nào đó, dạy cho nàng cái điều mà thực ra nàng chẳng biết gì về nó, đó là sự sinh tồn: nhưng là một sự sinh tồn nằm dưới sự ảnh hưởng của hai thế lực mạnh mẽ là lịch sử và văn chương – bởi lẽ anh không có quan niệm khác về sự sinh tồn.

Khi dòng chảy của hai cuộc đời, cho đến khi ấy vẫn còn thống nhất, nay bị chia rẽ, thì không bao giờ anh có được một quyết định không có lỗi. Nàng, người được coi là trong trắng ngây thơ, có thể vô tình là người xảo quyệt, còn anh, người mà người ta nghĩ là giàu kinh nghiệm, lại ngây thơ một cách đáng ngạc nhiên. Bởi vì trong khi thoát tiên nàng sẵn sàng đón nhận những điều bí ẩn làm cho nàng bị mê hoặc, và trong khi say xưa với cõi sâu thẳm mộng mà có một lúc nào đó những điều bí ẩn ấy đã tạo ra cho nàng, thì nàng cũng rất sớm, và chắc là ngay từ đầu, nhận ra được rằng nàng đã mất nghị lực – mà nàng thì chỉ thích bị chế ngự một cách nhất thời – và nhận ra những bùa bả đe dọa sự thoải mái của nàng, là cái mà nàng đã biết cách nhận ra điều chí thiện trong đó. Còn anh, người đã tưởng là mình nếu không thoát được khỏi sức hút của thế gian thì ít nhất cũng làm dịu được nó, và thậm chí hiểu được nó và chịu đựng được nó với một thái độ khôn ngoan hơn trong một cuộc sống chung trong trắng và êm ái làm cho gánh

nặng cuộc đời anh nhẹ bớt đi, thì lại thấy mình rơi vào cảnh cô đơn sầu não hơn tất cả mọi thứ mà anh đã biết cho tới bây giờ. Có thể là với lòng tự phụ và một chút hèn nhát mà anh muốn quên đi mọi sự thất bại trước đây anh đang có một tình yêu tự tin của một thể xác và một tâm hồn mới mẻ đang đè nặng lên anh, chúng được gia tăng và định hình mãi mãi bởi cái khuôn mặt trong sáng có khả năng hủy diệt ấy. Và, về phần nàng, có thể là nàng vẫn còn yêu anh, nhưng giống như người ta yêu một đồ vật mà, mặc dù không phải là một vật trơ ì, nhưng nó vẫn sống một cuộc sống khác và thu nhỏ: đó là kỉ niệm về một người chết, một bức tranh, một quyển sách, một bản nhạc. Có thể là nàng đã yêu đôi mắt của anh, nhưng không phải như là yêu một ngọn lửa sinh động, mà đúng hơn giống như những cánh bướm bị dính vào gỗ cây phao, đẹp và dễ biến đổi, chỉ cần một bàn tay vô ý chạm vào là làm cho chúng biến thành bụi phấn. Cả hai, mỗi người với lứa tuổi của mình, đều giống như hai mép của một vết thương mà, thay vì chuyển thành sẹo để làm liền da thịt, thì chúng lại mở tách mãi ra.

Tôi không biết tôi có làm cho mọi người hiểu được những chuyển vận của trái tim đã diễn ra như thế, những biến động của số phận mà khi ấy tôi đã tưởng tượng ra một cách rõ ràng. Giờ đây đối với bản thân tôi, khi mà tôi đã hạ thấp vĩ tuyến để trở về với bờ biển Châu Phi cháy bỏng, nơi mà tôi sẽ kết thúc những ngày tháng cuối cùng của đời mình, cách xa mọi cảnh Paris thật hoặc giả, thì những sự việc này lại có vẻ như ít chắc chắn hơn: một lần nữa bức thư tuyệt mệnh của A. lại trở về với tôi mù, những tính cách được lặp lại lẫn lộn với nhau cho đến khi gần như biến mất. Phải chăng tôi đã nằm mơ thấy tất cả cái đó? Có những bữa tối, trong lúc ngồi trước ngọn đèn dầu, khi vọng lên những tiếng rên rỉ của những kẻ bị hành hạ ở khu nhà bên cạnh, tôi đã uống quá nhiều rượu pha tạp, tôi có ý nghĩ mình chính là A., rằng chúng tôi không phải là hai con người khác biệt mà là hai trạng thái, hai giai đoạn phát triển của cùng một con người, rằng cảnh Xuđăng chỉ là một phiên bản, một biến cách quái quỷ của Paris. Dần dần, tôi đi đến chỗ xây dựng cho mình về một người đàn bà mất tích của A., một hình ảnh không ít chính xác hơn và cũng không ít phạm tục hơn so với những gì mà sự lãng quên đã giữ lại về một người đàn bà được quen biết một cách thực sự. Tôi có thể tin rằng tôi đã bắt gặp từ lâu cái nhìn của người phụ nữ vô tình như nàng, rằng chúng tôi đã ăn tối cùng nhau trong một quán ăn Latin, rằng nàng đã theo tôi về nhà, rằng để cho nàng khỏi hoảng sợ, thoát tiên tôi đã trải qua nhiều đêm chỉ hôn nàng rất nhẹ nhàng, rất âu yếm, rất lâu lên cổ nàng, ở chỗ giữa tai và xương đòn, nơi có làn da thật mịn màng và thơm ngát. Tôi có thể tin rằng tôi đã dắt tay nàng đi dạo chơi dọc theo các bãi cát sỏi dưới ánh chiều tà, trong đám sương mù màu hồng, rằng chúng tôi đã làm tình với nhau ở nhiều chỗ, trong đó có căn phòng với những bức tường phản chiếu ánh nắng nhảy múa của những làn sóng gợn lăn tăn. Tôi có thể tin rằng nàng đã không ngần ngại đâm mũi kiếm vào vai tôi. Tất cả những việc này giờ đây đã trở thành niềm hạnh phúc của tôi, hay đúng hơn là nỗi bất hạnh của tôi, là những điều tôi đã trải qua hoặc đã tái diễn được lòng trung thành đối với một người bạn.

Chuyện này thôi không nói nữa.

Khi kể cho tôi nghe về những buổi sáng giá lạnh mà A. đem thức ăn cho chim ăn, Ouria đã gọi lên hình ảnh về một ông già cô đơn mà A. đã nhân tiện kể cho cô nghe, đó là một trong những người mê chim mà người ta có thể bắt gặp tại những vườn hoa công cộng, nơi có những bãi cút chim vương rải rác và những đám lông chim vãi xung quanh, người đó đang ngồi chìa những ngón tay đỏ máu cho chim ăn nhúm hạt ngũ cốc hoặc những mẩu bánh vụn. Vào một ngày gió bắc giá lạnh thổi về, quét sạch những đám mây trên bầu trời xanh màu coban, tôi tình cờ đi dạo trong vườn Luxembourg. Những cành cây trụi lá in hình ngoằn ngoèo lên bức tường cao màu xanh lam trông như những sợi dây thần kinh tro trắng bị đốt cháy đen. Tuy nhiên, ở đầu múp những cành cây dễ đã thấy nhú lên những nụ nhỏ màu son và những chồi non óng ánh: và, nếu mở chúng ra, ta sẽ thấy những chiếc mầm lá tí xíu khép chặt, dính dáp, nó chứng thực cho một tương lai mỏng manh nhưng tất yếu, một tương lai không phải của con người. Những cái bóng đồ dài và nhợt nhạt, mặt trời, xuống thấp làm cho đám cỏ cắt ngắn ánh lên muôn vàn tia sáng, những tia nắng phản chiếu lóe lên từ các ô cửa kính ở xung quanh công viên. Ở giữa bể nước đóng băng, vòi nước phun làm thành hình một con cò bạch bằng pha lê.

Hôm ấy hình như không có ai ở đó để đương đầu với cơn gió bắc, các lối đi dạo trong công viên đều vắng ngắt, từ xa tôi nhận ra ông bạn của loài chim đang đứng tựa lưng vào thành lan can trước bức tượng Laure de Noves. Ông ta đội mũ đen, quàng khăn màu hạt dẻ, mặc áo khoác lót da cừu, quần nhung và đi giày đế gỗ; ông ta có bộ mặt hốc hác, có đôi mắt lóng lánh, có cả cút chim vương vào râu. Ông ta đang chuẩn bị bày biện thức ăn cho chim, đó là những đầu mẩu bánh mì và tóp mỡ, thì tôi đến. Tôi nhanh chóng hiểu ra rằng con người chỉ đánh giá những người mà ông buộc phải gọi là đồng loại của mình không phải chỉ tùy theo sự tương hợp mà họ dành cho loài có cánh, mà còn tùy theo sự giống nhau của họ với loài chim, dưới con mắt của ông (về phần mình, ông có cái vẻ của một con chim cắt già bị vặt lông phần nào). Chắc là ông ta đã liên tưởng tôi với một loài có cánh nào đó, bởi vì ông ta không hề có khó khăn gì khi nói ra với tôi điều đó, trong khi xung quanh chúng tôi có vô vàn những con chim nhỏ phàm ăn đang đập cánh. Tôi cho là cái việc tôi không phạt ý bởi những bãi phân

chim ỉa chảy màu trắng nhợt mà một số con đã thưởng cho tôi, đã đưa tôi đi đến chỗ đáng được coi như vậy.

Ông bạn của loài chim chỉ quan tâm đến những biến cố của con người khi chúng xảy ra trong những cuộc vận động rộng lớn hơn nhưng đồng thời lại tỉ mỉ hơn của thiên nhiên. Ngày nào ông ta cũng có mặt ở vị trí canh gác của mình, trừ những ngày mưa quá to; những cái mà ông thấy chúng cử động, thay đổi, và thay đổi với một sự chính xác phi thường, chính là những chiếc lá, là ánh sáng, là mây, là hậu quả mà rút cục tất cả là những sự biến đổi ấy đã gây ra đối với cái vẻ bề ngoài và tính khí của những con vật được ông bảo trợ. Mọi người chỉ tình cờ đi qua trước mặt ông, thường bổ xung cho môi trường của ông những hành vi khuấy động dư thừa, những cái mà trong khoa học người ta gọi là tiếng ồn. Ông chỉ ghi nhận những tiếng ồn ấy vào tập san của mình tùy theo ý nghĩa điều học của chúng. Người này thì làm cho chim sẻ hoảng sợ, cô gái kia thì có hai con mắt như chim tổ lò, v.v... Về phần các loài chim thì vả chăng ta cần phải biết rằng ông ta đã phân biệt rất rõ ràng giữa những loài chim đi – là những loài ông ghét cay ghét đắng, với những loài chim nhảy – là những loài là ông yêu quý. Loài chim đi là loài đi lại trên mặt đất theo cách của con người, chúng lặng lẽ từng bước từng chân một: đó là chim bồ câu, là quạ, và chủ yếu là chim ác là. Những loài chim này chỉ là những loài khủng long nhỏ sống lạc thời, là những loài vụng về cục mịch, là những loài trì độn. Không thể phủ nhận được rằng chúng cũng biết bay, nhưng nói theo cách nào đó thì đây là một sự lầm lẫn hoặc là một sự giễu cợt của tạo hóa. Chúng bày tỏ ý định muốn được tham dự bữa ăn tập đoàn, nhưng ông ta vẫn thẳng tay xua đuổi chúng, tuy nhiên trong cái giống loài xấu xa này ông ta cũng giành ngoại lệ cho loài chim sống dưới nước, như loài vịt và chim mòng biển chào mào, tất nhiên là những loài này cũng có dáng đi núng nính nực cười như những loài kia khi chúng đi trên bãi cỏ, nhưng một khi được ở dưới nước thì chúng lại lấy lại vẻ duyên dáng của chúng, và thậm chí chúng còn tạo được một bản sao tinh vi và được phản ánh dưới nước. Tuy nhiên, những loài chim chân chính là những loài luôn luôn cử động, như thể chúng bị điện giật ở chân, và chúng nhảy cả hai chân cùng một lúc: đó là loài chim sẻ, chim cổ đỏ, gà Nhật, chim sẻ ngô, chim sẻ lục, đó là chưa kể đến loài chim chích mi vàng nhanh nhẹn và loài chim đất hòng đen mà về loại này ông rất phần nộ khi thấy các công trình nghiên cứu mầu mực chỉ ghi nhận sự có mặt của chúng

ở rừng Vincennes, trong khi vào lúc mùa xuân tới, ông đã gặp và nhiều lần cho chúng ăn ở ngay cạnh tượng Laure de Noves này.

Sở dĩ ông ta nhớ được A. và người đàn bà mất tích là bởi vì người đàn bà này, một người thật yếu ớt và duyên dáng, có vẻ quá nhút nhát, ăn mặc thật đen trắng rõ ràng, gọi cho ông ta liên tưởng tới một con chim sẻ ngô màu đen – là loài mà ta không nên lầm lẫn với loài chim sẻ đầu đen thông thường và trâng tráo hơn. Về phần bạn tôi đã từ lâu anh chỉ là một kẻ đi theo một con chim sẻ ngô, nhưng sự biến mất của con chim sẻ ngô này đã nhanh chóng biến anh thành một thứ giống như chim cao căng ốm yếu – ta có thể nói là một con diệc phải uống dầu mazut. Câu chuyện của ông ta pha lẫn một cách rối rắm những mẫu giai thoại về cuộc sống con người, với những hoàn cảnh của sự tồn tại rộng lớn hơn và có phần nào điềm tĩnh hơn của phong cảnh công viên, với những từ tượng thanh, những tiếng huýt sáo, tiếng kêu chiêm chiếp, tiếng láy rền, những câu nói ba hoa liên thoảng, tiếng lách cách, tất cả vì những người đối thoại ưu đãi của ông ta, làm cho câu chuyện của ông hơi khó theo dõi. Ông nhớ lại một cuộc hẹn hò mà ông là người chứng kiến, đó là một ngày mùa xuân – những tia nắng mặt trời đội lên cao những đám mây nặng nề và u ám chẳng khác gì những phiến đá lát mộ, làm cho chúng trông giống như những chiếc đèn bầy phát sáng. Trước đó một lát đã nổ ra một cơn mưa rào dữ dội, làm cho mùi đất và cỏ ướt bốc lên cho những tấm mái kẽm tỏa sáng lóng lánh, cho một mẫu cầu vồng hiện ra trên những ngọn tháp của nhà thờ Saint-Sulpice. Anh đứng nấp sau một cái nhà kiểu như chòi gác bằng gỗ có mái nhọn để đợi nàng, chiếc chòi này được trang trí bằng một rìa mái hình răng cưa như rìa mái một căn nhà gỗ của nông dân Nga, và nó nằm ở cuối lối đi được dùng làm đường chạy cho xe ô tô đạp chân: anh nhìn thấy nàng đến từ xa, thích thú khi thấy nàng ngược nhìn xung quanh, khi thấy nàng thất vọng khẽ cau hai hàng lông mày hình vòng cung làm cho khuôn mặt trắng mịn như ngà sa sầm xuống vì không nhìn thấy anh: anh thích thú và vui sướng bởi thái độ khó chịu sẽ làm tăng thêm niềm vui khi họ tìm thấy nhau. Chắc là đã lâu họ không gặp nhau. Nàng mặc một chiếc áo trượt tuyết cài khuy kín, một chiếc quần bò, đi ủng bôttin, mang găng tay đen: tất cả đều là đồ đen, trừ ánh mắt nàng, hàm răng nàng, đôi môi nhợt nhạt cùng nàng và một chuỗi hạt lấp ló ở cổ. Đến phút cuối cùng anh mới lộ mặt, anh nhảy xổ ra trước mặt nàng, làm cho nàng dậm chân hoảng sợ, rồi họ ôm nhau rất lâu, rất chặt và say sưa như một cặp tình nhân và chỉ có cái chết mới có thể chia lìa được họ.

Tôi đã nói là tôi viết ra những điều này là theo lời kể của người bạn loài chim. Và tôi tin chắc rằng trong trường hợp này lời kể của ông ấy phù hợp với những gì A. nghĩ, và thậm chí có thể phù hợp với cả những gì mà nàng cho là mình nghĩ ra. Thật lạ lùng khi phát hiện ra rằng có biết bao nhiêu người ít vô lý nhất, đã có ảo tưởng về sự nghiêm túc của cuộc đời họ. Vào thời điểm mà họ đứng ôm nhau dưới những cây cột đèn màu trắng và màu hồng cạnh những cây dẻ đang ra hoa, thì nàng đã phản bội anh trong lòng từ lâu rồi, chính vì đến một ngày nào đó nàng sẽ phản bội anh, rằng không phải lưỡi hái tử thần là cái sẽ làm cho họ xa cách nhau, mà chính là cái không khí tẻ nhạt của cuộc sống tư sản. Ngay từ lúc họ yêu nhau, với tất cả sức mạnh và sự thái quá của tình yêu, làm cho tình yêu mất phẩm giá vì bị phủ nhận một cách bí mật, thì đã có mầm mống của sự phản bội tầm thường ấy, bởi vì cuối cùng thì điều đó cũng đã xảy ra: và rằng những người nào không hiểu lời tôi nói, tôi biết là sẽ không thiếu những người như thế, thì họ sẽ bỏ qua cho tôi, nhưng có lẽ tôi đã có một quan niệm quá cực đoan về sự đam mê.

Hôm ấy dưới những gốc cây mùa xuân mà cuối cùng nước mưa đã làm cho ướt át nhỏ giọt, dưới những chồi non mà sức mạnh của nhựa sống đã làm cho chúng xuất hiện gần như có màu đen, nơi mà cơn giông đã gieo rắc những hạt ngọc trai lóng lánh, hôm ấy và tất cả những ngày còn lại, có một điều mà anh điên rồ cho rằng mình ôm ghi được trong tay qua cơ thể nhẹ nhõm của người đàn bà yêu dấu, chính là sự hứa hẹn về một cuộc đời, nó tái xuất hiện khá chắc chắn và mới mẻ để chặn đứng sự ngóc đầu dậy cái chết trong anh: đó là khi nàng là hiện thân của cái chết, và chuyện ấy xảy ra trước ngày cái chết thực sự bắt anh đem đi: nó thông thả mang anh đi, một cách không thể lay chuyển nổi, vào một đợt dưỡng bệnh, giống như sự khô héo và sau đó là sự thối rữa chiếm lĩnh những chiếc lá cây theo những đường gân mà thông qua chúng, lá cây trước tiên sẽ bị rữa ra.

Ông bạn của các loài chim đã chứng kiến sự trượt ngã của A. xuống địa ngục, nhưng mà là chứng kiến từ xa, với một thiện cảm lơ đãng. Đối với ông đó là một sự kiện có một vị trí nhỏ trong cái tấn kịch lớn rất có ý nghĩa của cảnh chiều tà. Ông cho rằng cái ông khách dạo chơi kia, ngày nay sang ngày khác, có vẻ như đang bị một giàn thiêu âm ỉ bên trong đốt cháy thành tro tàn, rằng anh ta chỉ là một nhân vật ngoài lề của sự biến đổi thời tiết rộng lớn ở đây: anh ta cũng giống như mọi thứ khác, và giống như một câu thơ của nhà thơ đáng quý của chúng ta là Guillaume đã nói, anh “*chịu phục tùng dấu hiệu chủ chốt của mùa thu*”. Cho đến một hôm ông không còn nhìn thấy người đàn bà chim sẻ ở bên cạnh anh nữa. Chuyện đó xảy ra vào mùa hạt dẻ rụng; những hạt dẻ màu gụ sáng tách ra khỏi vỏ quả dày cùi lót bên trong bằng một lớp da trắng mịn và lăn xuống đất: Một viên mảnh màu lửa đã bắt đầu găm nhăm lá dẻ, nhưng ở giữa phiến lá vẫn còn có một màu xanh thẫm viên một màu cadimi. Những chiếc lá vàng nhạt phản chiếu lấp lánh trên những cành cây đoạn uốn cong. Bụi bặm của mùa hè vẫn còn vương vãi trên những lối đi dạo trong công viên, nơi có đám trẻ con đang nhảy nô đùa, còn những con chim sẻ thì vỗ cánh xù lông để rũ bụi. Vào lúc hoàng hôn người ta thấy có những đám mây đẹp mang vàng hào quang màu đồng đỏ dòn dỗng phía chân trời.

Về sau, cái màu sắc rực rỡ của tử thần sẽ xâm nhập vào phiến lá, lá cây sẽ rời khỏi cành và rụng xuống đất, vừa rơi vừa vẽ nên trong không trung sương mù những đường lượn và lộn nhào giống như chiếc tàu bay giấy của bọn học trò. Những cơn gió tây kèm theo mưa sẽ làm cho những cành cây cao kêu vi vút như những chiếc cột buồm. Những con chim mòng biển sẽ dang cánh bay lượn, gần như bất động, dưới dòng điệu hành của những đám mây thấp có màu xám và mềm mại. Toàn bộ khu công viên bị quét phá bởi cơn giông tố sẽ mang bộ mặt của đại dương nổi sóng. Người ta sẽ nhìn thấy anh đi bộ một mình, hai tay chấp sau lưng hoặc đút vào trong túi, lưng hơi cúi, mắt nhìn xuống đất, đi lang thang trong công viên ẩm ướt. Tôi hình dung trong anh giống như một người thủy thủ lên bộ, đang tỏ ra buồn rầu vì

nhớ con sóng lòng đã từng đưa đưa anh ra khơi rồi từ bỏ anh và rồi lại chiếm đoạt thân thể anh: anh như bị oằn xuống rồi lại bị giăng người ra và đập người như một trái tim đập theo nhịp thở của nước. Từ nay anh trở nên tro i. Ôi tử thần, một thủ lĩnh già.

Trong những ngày tiếp theo, những đám lá cây quay cuồng bắt ngờ tung lên dưới những thân cây đen đúa hơn, trụi lá hơn: lá cây dẻ có màu thuốc lá, lá cây đoan có màu chanh và màu ngọc, lá cây tiêu huyền có màu đa sắc hơn, đi từ màu xanh pha màu nước nho đến màu máu bò. Và cả những tiếng động lộn xộn do chúng gây ra trên mặt đất cũng giống như nhau: ông bạn của các loài chim giải thích cho tôi rằng chúng tôi có nhiều tiếng động khác nhau: lá cây tiêu huyền có hình răng cưa chúng cứng hơn và có gân nổi rõ hơn, chúng gây ra một tiếng sào sạo thô cứng, trong khi những chiếc lá cây đoan mềm mại có nhiều lông tơ lại tạo ra những âm thanh gọi dụng cảm của vải lụa bị vò nhàu. Và cả mùi vị của chúng nữa cũng chẳng có gì giống nhau: mùi chè mốc, mùi giấy cháy, mùi hạt tiêu bị hủ, chắc chắn là ở đây một con chim sẽ không nhầm lẫn. Bộ mặt của anh, những đường gân trên mặt anh, tất cả dần dần bị trút bỏ đi cùng với quá trình rụng trụi lá cây.

Trên trời dựng lên những hình vòm màu chì và băng tuyết để rồi chúng lại bị xé rách ra để lại trên bầu trời những cái giêng sâu thẳm màu xanh lam. Mặt trời rơi chiếu qua đây trông như một ngôi sao chổi. Giờ đây bọn trẻ mặc áo trượt tuyết nhiều màu, quàng khăn và đeo bao tay, chúng thích thú lấy chân đá vào đồng lá khô, làm tung lên những ánh màu vàng. Có lúc vị khách cô đơn đi dạo của chúng ta dừng lại một lát để ngắm nhìn chúng, chắc là anh bị mê hoặc bởi cái quang cảnh cuộc sống náo nhiệt kia sinh ra từ cuộc đời của anh và kể tục cuộc đời anh đã mãi mãi bị khước từ đối với anh. Và chắc chắn anh cũng dự cảm thấy rằng ở đây có một cái gì đó như một sự kết án mà anh đã không thể nào chống lại được nữa và thậm chí anh còn phải công nhận rằng trong anh chắc là có một cái gì đó, một lỗi lầm bị giấu kín, bị bỏ quên, có thể biện minh được cho sự kết án kia một cách bí ẩn.

Về sau nữa lá cây khô sẽ bắt đầu tan rữa trong đất, chúng sẽ chuyển sang màu nâu đen, chúng sẽ bị nứt nẻ, sẽ sần rách, sẽ bị thủng lỗ chỗ, chúng sẽ mất đi độ dày và chẳng bao lâu sẽ mất hết mọi hình dạng, để trước hết trở thành những tấm lưới rồi sau đó sẽ biến thành một mớ sợi giẻ. Người ta

sẽ nhìn thấy chúng đọng đầy trong những vũng nước, làm thành một bãi thối rữa màu xanh đen mà trên bề mặt bóng như gương của nó phản chiếu những hình ảnh của bầu trời, cho đến khi có một cơn gió làm xao động mặt nước và xóa tan những hình ảnh ấy đi. Những chiếc lá khác, hiếm hơn, sẽ vẫn còn vương lại một thời gian trên những chạc cây màu đen, chúng in lên đó những hình ảnh phập phồng mà đôi khi, theo lời ông bạn của các loài chim, người ta có thể nhận ra một cái gì đó gần giống như hình bóng của một người đang bị thiêu cháy. Vào một số buổi sáng mặt đất bị xói lộn bởi những bông hoa sẽ phản chiếu lóng lánh những vảy xương giá. Trong những bồn nước, dọc theo thành lan can, sẽ chỉ còn lại những bông hoa cúc màu vàng và màu hoa cà. Cả công viên trông giống như một khu nghĩa địa rộng lớn. Mặt trời trắng, xuống thấp, chỉ đôi khi mới chọc thủng được tấm nệm mây. Anh sẽ vẫn có mặt ở đây để đi dạo, khăn đen quấn quanh cổ, miệng đốt thuốc lá. Theo lời ông bạn của các loài chim thì đối với một người đã quen đi dạo cùng với bạn tình, tay nắm tay hoặc vòng tay ôm eo hoặc quàng vai với vẻ che chở, thì người ta luôn luôn có thể cảm nhận ra người đó nếu người ta biết quan sát: dù là đi dạo một mình và không có dáng đi như thể hai người cùng đi bên nhau, nhưng anh ta cũng sẽ không đi như một người quen đi dạo một mình. Người ta cảm thấy bên anh vẫn có một cơ thể vô hình đi kèm, như thể anh vẫn dựa dẫm vào một bóng ma đi bên anh. Đối với những ai biết quan sát những sự việc tinh vi thì có thể thấy rằng trong khi anh giữ thẳng người thì vẫn có một nửa người của anh bị tách ra, làm cho anh mãi mãi bị mất thăng bằng. Ông ta, người bạn của chim, còn nói thêm rằng “tôi biết điều mình nói, tôi lúc nào cũng chỉ thích chim”.

Đến một hôm, lá cây sẽ được quét dọn đốt cháy, những lớp băng đầu tiên sẽ xuất hiện, người ta sẽ không còn nhìn thấy anh nữa: ngay cả trong những ngày tiếp theo.

Cuốn sổ ghi chép của tôi giờ đây gần như sắp kết thúc. Tôi sẽ không đi quá trang cuối cùng, giấy không phải thứ dễ kiếm nhất ở đây, vả lại tôi có cảm tưởng là mình đã nói hết những điều mình có thể nói. Tôi đã cố gắng làm tròn cái mà tôi cho là bổn phận đối với A.: ban cho mỗi tình đã chết của anh, nhưng không được liệm, một sự mai táng bằng ngôn từ. Tôi đã muốn làm điều đó như tôi cảm thấy là đáng ra chính anh ấy đã có thể làm như vậy. Tôi đã trải qua cái thử thách khó khăn này, thậm chí vượt qua khả năng, về lòng trung thành tưởng tượng. Có thể là tôi đã nhầm. Nhưng tôi không tin, ít nhất là không tin nhiều. Nếu như bản thân anh có thời gian hoặc sức lực để viết thì có thể anh đã có những lời lẽ ít cứng rắn hơn tôi, bởi là anh đã yêu nàng đến cùng, bất chấp nỗi đau khổ mà nàng đã gây ra cho anh, điều đó là hoàn toàn chắc chắn. Tôi tin chắc rằng anh đã cố hết sức đấu tranh để tự kiềm chế không khinh ghét nàng. Nhưng kết quả của cuộc đấu tranh nội tâm này ra sao thì tôi không biết. Thậm chí có thể anh vẫn cứ tiếp tục yêu nàng lại vẫn vừa khinh ghét nàng.

Những người có tâm hồn nhẹ nhõm, tức là những người chưa bao giờ trải qua những tình cảm mãnh liệt cùng cực, có thể sẽ đánh giá một cách nghiêm khắc hoặc mỉa mai sự yếu đuối rõ ràng của anh. Đó là vì họ không hiểu được sự hi sinh quên mình trong tình yêu, và họ cũng không được cái gì là cao thượng trọng sự hi sinh này. Luôn luôn có một thói hèn hạ muốn chấp nhận sự chế ngự của người nào muốn biến điều bó buộc thành công cụ uy lực của mình. Trong việc công nhận sự phụ thuộc ái tình sẽ không có điều bó buộc, bởi vì nguyên tắc của sự phụ thuộc này không phải là nỗi sợ hãi, mà, theo lời dạy của Platon, là ước vọng cao thượng muốn trở thành bất tử, muốn được sinh ra trong cái đẹp theo thể xác và tâm hồn: và ước vọng này cho dù bị nhạo báng, bị chế ngự, thì những gì bị thất bại không có nghĩa là chúng ta ít tham gia hơn vào thế giới của thần linh. Bất hạnh thay cho những kẻ không hiểu điều đó, hoặc tồi tệ hơn nữa là nàng có biết mà vẫn muốn quên đi: bởi vì nàng sẽ không bao giờ đạt được điều ấy, và nó sẽ ám ảnh nàng, hoặc là khi ấy đó là vì tâm hồn nàng đã chết.

Đối với những người thân của chúng tôi, sợ dĩ tôi đã không gặp ai là bởi vì tôi không còn biết họ ở đâu. Biết bao thời gian đã trôi qua. Và khi tôi nói không gặp ai thì cũng không hoàn toàn chính xác. Dù sao thì ngay trước khi lại lên đường ra đi, tôi đã gặp một người thân, người đó làm nghề cổ xưa là người bán hàng ngũ kim. Với mái tóc gần như bạc trắng, ông ta có vẻ như một người thuộc thế hệ cũ xưa. Có thể tôi cũng gây ra cho ông một ấn tượng như vậy. Chúng tôi trở thành cha của riêng mình, vì chúng tôi sẽ không có con cháu nối dõi. Ông ta bán định: có lúc chúng tôi thích thú nhớ lại trước đây chúng tôi đã sử dụng những cái đinh ấy như thế nào: vút chúng ra đường trước những mũi xe của cảnh sát. Ông ta cho tôi biết về cái chết của một số người họ hàng của chúng tôi, ông ta báo cho tôi biết A. đang nằm ở đâu, nhưng tôi không muốn tới đó. Về chuyện kết thúc mạng sống của anh ông cũng chẳng biết gì hơn tôi, hoặc có thể vì giữ ý mà ông không nói gì, còn về phần tôi, có thể là tôi cũng chẳng muốn nghe nữa. Tôi cũng có cảm tưởng rằng chúng tôi đã bày tỏ với nhau thứ tình cảm được nảy sinh từ cuộc công nhận một tình cảm anh em cũ xưa. Sau đó chúng tôi đã phải chia tay nhau. Chúng tôi biết rằng có thể chúng tôi sẽ không còn gặp lại nhau nữa. Tương lai không phải là sở trường của chúng ta.

Tôi lại theo con đường của cái mà Niza, một cái tên vẫn còn nói lên được điều gì đó cho thời trẻ của chúng tôi, gọi khá đúng là “cái kênh sâu xa của địa ngục”. Tôi chẳng có gì phải làm ở Paris nữa, ở đó chẳng có chỗ nào dành cho tôi. Thế là tôi quay về cảng Xuđăng. Tôi sẽ chết ở đây. Đó là một việc đã được quyết định rồi: tôi sẽ chết ở giữa đám nhà kho bị đốt nóng như những chiếc lò cao bốc mùi vải bông và mùi gôm A Rập, giữa những căn nhà tồi tàn làm bằng gạch papanh và bằng gỗ, giữa những đồng rác rưởi nằm dưới vòng lượn của đám điều hâu, trên một đường phố bụi bặm đầy rẫy dưới ánh nắng mặt trời. Ở cửa nam của thành phố có một lò mổ nằm bên bờ biển, hàng ngày người ta đưa đến đây từng đàn cừu và dê bị đói ăn, vì thức ăn của chúng chỉ là giấy lộn và giẻ rách. Từ xa người ta đã ngửi thấy mùi nước tiểu và mùi lông cừu, nghe thấy những tiếng rên rỉ thảm thương, tiếng dao thót lách cách. Phân súc vật chảy ra biển qua hai đường ống to. Một tấm thảm máu giăng ra như một dòng nước bùn từ một cửa sông, nó nhuộm đỏ nước biển ra cả khu vực xung quanh bãi đá ngầm. Ở đây trôi nổi đầy những di hài của lò mổ như dầu, lông, da. Những con cá mập mắt vàng và bất động như mắt rắn lượn lơ giữa đồng hàng thịt này với những chiếc

mồm há to như những chiếc cổ họng bị cắt ngang. Trong một ngày gần đây, có thể tôi sẽ bơi ra đó để nhảy múa theo điệu vũ của những hàm răng ấy.

Người con gái đankali đã biến mất. Tôi cho rằng người của gã Nimour đã đem cô đi. Tôi không biết giờ đây cô ra sao, mặc dù tôi có thể tưởng tượng được. Tôi chẳng thể làm được gì cho cô. Tôi cũng chẳng làm được gì cho tôi. Tôi sẽ không ra chơi ngoài bãi xác tàu nữa. Ở cuối con đường hẻm đầy cát, nơi có căn nhà của tôi, dưới tán cây phượng có một khu nhà cũ của hải quan nước Anh, chúng có màu đỏ son và mái lợp tôn. Một trong những căn nhà kín này có hàng rào thép gai vây quanh, trong đó người ta bắt người tra tấn một cách không tính toán, không có chứng cứ thực sự, chủ yếu là do thói quen, nhưng người ta vẫn sẵn sàng làm. Để bị nghi ngờ là có thông đồng với những kẻ phản nghịch ở miền Nam, chỉ cần anh là người da đen là đủ. Thế là bọn đao phủ tha hồ mà lựa chọn: tất nhiên sự dễ dãi này tước bỏ đi nhiều niềm thích thú cho công việc của chúng. Chúng không hề ngại ngùng lôi xác nạn nhân đem đi giữa ban ngày, chúng buộc dây xung quanh chân họ và kéo họ ra những chiếc xe tải cũ kĩ của Liên Xô mang nhãn hiệu “GAZ” rồi đem họ đi đâu không ai biết. Người ta cho rằng chúng đem họ đi cho cá mập ăn. Trong một ô nhỏ kín khác có Nimour sống giữa đám đàn bà con gái của y. Một ô nhỏ khác nữa là nhà của bọn vệ sĩ của y. Vào lúc mặt trời mọc, trước khi trong loa phóng thanh vang lên lời báo cầu kinh, thì bọn kia đã đánh thức tôi dậy bằng những tràng súng máy bắn lên bầu trời trong xanh. Có lẽ đó là cái cách chào thượng đế của chúng. Hàng xóm của tôi như thế đấy.

Hai mươi năm sống ở Châu Phi đã dạy cho tôi thói quen không coi ma thuật là một chuyện phi thường. Có thể ở đây có cả sự trợ giúp của rượu. Trong cái đêm mà tôi nghe thấy tiếng rên rỉ của những kẻ bị tra tấn ở căn nhà bên cạnh, với hai mắt bị thôi miên bởi ngôi sao đang sôi ầm ầm của ngọn đèn dầu, tôi thả mình vào luồng suy nghĩ cho rằng sở dĩ tôi gán cho bạn tôi những lời lẽ mà thoát tiên anh ấy muốn gửi cho tôi, thì đó là vì có thể là tôi đã nuốt phải tâm hồn của anh, như ở đây người ta thường nói, và rằng anh đã sống lại trong tôi bên bờ biển này, nơi mà cái sống và cái chết trao đổi cho nhau như những đồng tiền, và là nơi rất giống cái xứ sở địa ngục. Hoặc rất có thể không phải là anh đã chết thật, cũng như không phải thực sự là tôi đang sống ở cảng Xudăng, cái thành phố có vẻ như là một vở kịch khô hài sâu thẳm, mặc dù bản Chỉ dẫn hàng hải đã đưa ra tọa độ địa lý

cụ thể của nó: 19°36' vĩ Bắc/ 37°14' kinh Đông: liệu có phải chúng tôi là hai anh em sống ngoài rìa thế giới? Nói cho cùng, tôi chỉ gặp và nghe những người không quan trọng, không ai là người đã nhìn thấy bộ mặt vàng như nghệ của anh, nhìn thấy cái quái hàm cuốn băng của anh, nhìn thấy anh nằm trong nệm quan tài. Thế cho nên những điều mà bàn tay run rẩy của tôi sắp viết xong trong quyển sổ này có thể sẽ là bức thư cuối cùng gửi cho người đàn bà mất tích, cái bức thư mà sau một thời gian dài im lặng như thế nó không còn đợi lời phúc đáp nữa, thậm chí nó cũng không mong là được người ấy đọc: vả lại đôi mắt nàng, cho dù chúng phản ánh cái cảnh tượng gì đi chăng nữa, thì chúng cũng không còn là đôi mắt mà chúng tôi tưởng là quen biết và yêu quý đến thế, kể cả tinh thần và trái tim nàng, cho dù chúng có gắn bó với một đối tượng nào, chúng là những cái mà chúng tôi đã mong là sẽ tìm được sự thanh thản trong đó. Những giọt mồ hôi trên trán tôi nhỏ xuống, rắc lên tờ giấy xấu những vết trong suốt làm cho mực loang ra trông giống như một sợi dây thần kinh đang dần dần bị nhỏ rữa, chẳng khác gì như người ra cẩn thận nhổ rễ một gốc cây mảnh mai, làm cho từng mảnh đất rơi xuống từ mỗi sợi rễ nhợt nhạt. Từ niềm hy vọng của chúng tôi muốn được hướng tới thế giới của thần linh bằng cách sản sinh ra cái đẹp, sẽ chỉ còn lại bằng chứng nghèo nàn này. Ít nhất thì chúng tôi cũng sẽ đưa ra bằng chứng ấy.

Tôi nhớ lại những ngày hạnh phúc: chúng đã trở nên xa vời giống như cái thành phố Paris giá lạnh và mù sương, như lịch sử, như cái thời mà khi ấy chúng tôi còn cảm thấy mình khỏe mạnh, bất chấp mọi thứ, như niềm hi vọng và tình yêu, và niềm ảo vọng cho rằng mọi thứ có thể xảy ra. Tôi nhớ lại A.: Anh ấy là một bản ngã khác của tôi. Đó là một người bạn có đôi tay thật êm ái mà mỗi buổi sáng vị thần Vĩnh biệt lại chia cắt chúng tôi, với tiếng gà gáy ầm ĩ gọi chúng tôi lên đường. Tôi nhớ lại là chúng tôi đã thức canh khá lâu trên boong của con tàu trở về nhà đến nỗi chúng tôi không còn nhận ra được đâu là bờ, đâu là nước, đâu là trời, không còn nhận ra cái gì vào cái gì, cũng không còn biết được dòng sông đang chảy đi đâu, cũng không biết liệu chúng tôi còn sống hay đã chết, những kẻ trực đêm già nua không thuộc nơi nào, những kẻ mơ mộng bất tri. Chúng tôi đã không bao giờ biết rõ được là chúng tôi đang sống ở thế giới nào, và đây có vẻ như là lỗi của chúng tôi. Tôi nhớ là đã mong đợi giống như anh với cả trái tim và tâm hồn của mình. Tôi nhớ lại những sự việc nhỏ nhất (chúng ta sẽ không nói đến những sự việc khác), nhớ những buổi đi dạo trên bãi biển lúc hoàng

hôn, nhớ tiếng vỗ sò kêu răng rắc dưới chân chúng tôi, nhớ hình một trái tim lớn mà có một ngày nàng đã vẽ lên trên cát, nhớ ánh phản chiếu của những làn sóng gợn lăn tăn trên tường một căn phòng, nhớ một vết trầy da của nàng do nàng va phải một tảng đá, nhớ những con tàu chạy âm ỉ vào những buổi tối màu hoa cà khi chúng tôi đang đợi nàng, nhớ khuôn mặt nàng nằm dưới bàn tay tôi trong khi tôi đang lái xe, tôi nhớ rằng nàng thích tắm nước rất nóng, tắm rất lâu, trong bóng tối, nàng ngồi bất động trong bồn, lặng lẽ, rằng tôi bất ngờ hé mở cửa làm cho nàng giật mình hoảng sợ, tôi nhớ đến bầu trời nổi những cơn gió lốc màu xanh trên cánh đồng lúa mì mịn như len, nhớ những bông hồng bạch ở trong vườn đã bị những cơn mưa giông làm cho mắc bệnh gỉ, trong khi một thanh tra cảnh sát xướng to những vật kiểm kê căn nhà trong đó có một người bạn của tôi bị chết, nhớ một con sông trong một đất nước có chiến tranh mà ở bên kia bờ sông, trên một quả đồi, có một bệnh viện, và trong cái nhà xác lợp ngói xi măng của nó, nơi mà các xe cấp cứu và xe taxi chở đến những người mặc quần áo lao động người đầy máu me, có cái xác lạnh lẽo của một người bạn khác, đó là cái thời tàn nhẫn đang qua đi, và tôi nhớ lại sự nghỉ ngơi thanh thản mà chúng tôi đã tìm kiếm nó sau biết bao tang tóc, và chúng tôi tưởng rằng đã tìm thấy nó ở nàng, thấy nó trong vòng tay mảnh mai của nàng, trong đôi mắt nghiêm trang trong sáng của nàng, đôi mắt chưa bao giờ nhìn thấy xác chết. Tôi sẽ không bao giờ nhìn thấy cái bóng tối u ám trong đôi mắt nàng do sự nhận thức cuối cùng về nỗi đau thực sự gây ra, hoặc trái lại là ánh mắt bồn chồn mà sự nhận thức đó sẽ nhóm lên. Thậm chí tôi cũng không biết liệu nàng sẽ biết được tin về cái chết của bạn tôi không, liệu cái đó có làm cho nàng đau khổ không.

Tôi nhớ lại cái thời khi mà nàng chỉ cho tôi thấy những đốm mắt hổ.

Burning bright in the forests of the night ^[14]. Tôi nhớ lại một buổi pique-nique mà chúng tôi đã tổ chức bên bờ một con kênh, gần một chiếc cống, và hôm ấy cả hai chúng tôi đều vui vẻ, nhớ lại một bữa ăn tối yên bình bên bờ một chiếc hồ mà ánh hoàng hôn vô tận của tháng bảy đã làm cho nó tỏa sáng như được tráng bạc. Tôi nhớ lại nỗi đau mà chúng tôi đã phải trải qua khi nhìn thấy nàng tỏ ra buồn rầu một cách thật khó hiểu và thật tuyệt vọng bất chấp tình yêu của chúng tôi. Tôi nhớ lại nỗi sợ hãi của nàng đối với tất cả mọi thứ, thậm chí đối với cả chúng tôi. Tôi nhớ lại cái cơ thể yếu ớt của nàng, nhớ những cái còn lại giữa cái của nàng và cái của chúng tôi, nếu nàng không bán hết chúng như nàng đã bán tôi, và rất có thể đó là những bí

mật nghèo nàn của chúng tôi, nhớ chiếc váy carô đen trắng xòe ra vào buổi chiều. Tôi biết rằng tôi đã yêu nàng không giống như bất cứ ai, với một tấm lòng hay tin hơn, ngây thơ hơn bao giờ hết, trong khi tôi vẫn cho mình là người hay nghi ngờ, và cùng với mọi sự yếu đuối của tôi, đáng ra tôi không được có những điều nghi ngờ, những sự yếu đuối đó làm cho người ta là một con người chứ không phải là một hoàng tử trong chuyện thần tiên, và tôi tin rằng không ai sẽ yêu nàng như chúng tôi. Tôi biết rằng nàng không hề có một khái niệm về những gì “chúng tôi” muốn nói ra, về việc người ta có thể là “tôi” và “chúng tôi” như thế nào, và có khả năng hơn là cái tôi bởi vì người ta có thể còn là chúng tôi, và rằng nhiều cái trong câu chuyện của chúng tôi, và có lẽ cả sự kết thúc của nó, đều xuất phát từ đây: từ cái sự không biết này. Tôi biết rằng nàng sẽ không hiểu được những điều tôi nói, và thậm chí nàng sẽ không hiểu được liệu cái chết của tôi có dồn sức nặng da thịt tôi cho lời nói của tôi không: tôi không tin là nàng có thể hiểu là, rằng nàng sẽ là Đức bà đau khổ dịu hiền dành cho tôi. Nàng là người quá hiện đại, trái với những gì tôi đã tưởng.

Tôi nhớ lại A., tôi đọc đi đọc lại những gì Conrad đã viết về huân tước Jim, một trong những cuốn sách mà tôi không rời ở đây, nó đã theo tôi nhiều năm, bị quăn góc, ố vàng, được ghi chú những điều nhận xét của tôi mà, tôi phải công nhận đã hơn một lần trạng thái say rượu đã gợi cảm hứng cho tôi, bìa sách đã bị rách, các trang sách thì bị dây bần xác muối, cứt gián, vết rượu đỏ, vết mồ hôi, và tôi cho là cả vết nước mắt nữa, nhưng cuốn sách này làm thành một trong những sợi dây liên hệ cuối cùng của tôi với thế giới bên ngoài, nơi vẫn còn tồn tại sách vở, nhưng chắc là chỉ trong một thời gian ngắn nữa thôi: nghĩa là ở đó nỗi đau được chuyển thành chữ nghĩa in trên giấy chứ không phải được khắc trực tiếp vào da thịt như ở đây: “Tất cả những gì mà bản thân Stein thấy rằng cần phải nói với tôi, đó là chuyện về một chàng mơ mộng. Còn tôi, tất cả những gì tôi biết, đó là chàng là một người trong số chúng ta. Với tư cách là người mơ mộng, chàng muốn dính vào chuyện gì? Sở dĩ tôi nói với các anh về ngần ấy chuyện tình cảm bản năng của tôi và những suy nghĩ mơ hồ của tôi, thì đó là vì tôi chẳng còn chuyện gì quan trọng để nói về anh ta... Anh ta vẫn còn tồn tại đối với tôi, và nói tóm lại chỉ có thông qua tôi thì anh ta mới tồn tại đối với các anh”. Cuốn sách cũ này, cùng với cuốn “*Bữa tiệc*” và một vài cuốn khác nữa, có thể sẽ là vật trang trí cho căn nhà của Nimour, khi mà cuối cùng hắn sẽ đi đến chỗ bắt giam tôi: hắn sẽ giam giữ tôi giữa đồng sọ đầu lâu, đồng dao

phay và bao đạn. Bọn súc sinh, cho dù ở nơi có khí hậu như thế này, chúng vẫn thích nhất là được tỏ ra có học. Chuyện đó chắc là sẽ thú vị.

Chỉ có thông qua tôi thì những ngày tháng cuối cùng của A. mới tồn tại đối với các vị: anh ấy là một người trong số chúng ta, một chàng trai mơ mộng. Có lẽ chúng ta không sinh ra để được yên tĩnh. Trái lại chúng ta được gán cho sự chằm biếm, mà chằm biếm là sự khôn ngoan ít ỏi của những số phận chưa được hoàn tất. Sở dĩ ở đây tôi không hi sinh một cái gì, thì đó là vì tôi không có can đảm: mong mọi người hãy tha thứ cho tôi. Thậm chí chúng ta cũng chẳng khai phá được một vương quốc nhỏ ở Bornéo ^[15]. Hay là viết một cuốn sách có phải giống như xây một đôn lũy trên một con sông hoang dại không? Nói cho cùng thì có thể là như vậy. Nhưng từ nay trở đi đôn lũy đó dùng để che chở ai, để bảo vệ ai? Thôi nào...

Tôi ra khỏi nhà đi dạo trong đêm. Những cơn sóng bạc vẽ nên một viền sáng huỳnh quang. Trong đêm tối cũng ánh lên hai hàm răng sứt môi lóe sáng của gã Mặt Hủi đang ngồi ỉa dưới một gốc cây trước cửa nhà tôi. Khẩu súng ổ quay của gã trể xuống bên chiếc mông trần. Trên bờ biển, người ta có thể lờ mờ nhận ra những hình người tụ tập quanh ngọn lửa đốt rác ánh lên màu đỏ nhạt. *Burning bright in the forests of the night* ^[16]. Cây đèn biển quét ánh sáng tỏa ra mặt biển bất động và tối đen như mực. Tôi không hiểu làm sao và bằng phép màu nào mà cái vật ấy vẫn còn quay được. Những con dơi bay lượn làm thành tiếng động xào xạc. Cơn gió biển ầm ập thổi vào đem theo cả tiếng vọng nghệt thở của những tiếng gào thét từ xa. Thật khó mà nói được chúng thuộc thang âm nào: đau đớn, vui mừng, giận dữ, hay hứng khởi? Khuôn mặt của chúng ta bị bóng tối gặm nhấm. Những ngôi sao nhiệt đới có vẻ như rất gần, những đám tinh vân đang uốn cong những bông hoa lớn về phía chúng ta, trên đó có hình những bông hoa huệ chuông, những chùm hoa đình hương, những bông hoa kim ngân tỏa hương thơm. Và có cả thân thể trắng ngần của những cặp tình nhân nữa. Tất cả những cái đó, như hàm răng của một kẻ giết người, như đồng lửa đốt rác, như vệt quét của đèn biển, như mặt biển làm nổi rõ bãi đã ngằm, như những đốm lửa trong đêm tối mênh mông, tất cả chỉ là một vấn đề về quy mô. Một cách phi lí, lời của những bài hát cũ từ thời ấu thơ đang quay cuồng trong đầu tôi, “*Chúng ta sẽ không vào rừng nữa, các cây nguyệt quế đã bị chặt*

mất rồi”. Tôi không còn nhớ được những câu hát trước đó là gì, và cả những câu tiếp theo nữa. Không bao giờ tôi còn nhớ được điều gì nữa.

[1] Tiếng Anh trong nguyên bản: “trường bến” (N.D)

[2] Một loại cây có chất kích thích dùng để nhai thay cho ma túy (N.D)

[3] Một người Pháp gốc Do Thái bị kết án oan là gián điệp nước ngoài (N.D)

[4] Một tộc người mục phu sống ở miền núi Ethiopie và Biển Đỏ (N.D)

[5] Vua xứ Numidie, một xứ ở Tây Bắc Phi thời cổ, sinh năm 160 và mất năm 104 trước Công Nguyên (N.D)

[6] Cha con Diafoirus là hai nhân vật trong vở kịch “*Người bệnh tưởng*” của Moliere, cả hai đều là những thầy thuốc dốt nát và tự phụ (N.D).

[7] Biệt danh do V. Hugo tự đặt cho mình trong một số bài thơ (*Nỗi buồn của chàng Olimpio*) (N.D).

[8] Một thành phố của Ai Cập bên bờ Địa Trung Hải, trước cửa kênh đào Suez (N.D)

[9] Thủ đô hải cảng của Môdămbich (N.D).

[10] Một khu phố ở Pari, nằm bên tả ngạn sông Seine, nơi có những trường đại học cơ bản (N.D).

[11] Một họa sĩ phong cảnh người Pháp (1875-1947) – (N.D).

[12] Nhà thơ hiện đại Pháp (N.D).

[13] Nhà văn hiện đại Pháp (N.D).

[14] Tiếng Anh trong nguyên bản: “Đám cháy sáng trong rừng vào ban đêm” (N.D)

[15] Hòn đảo lớn thứ ba trên thế giới, là lãnh thổ của Ind nêxia và Malaixia (N.D).

[16] Tiếng Anh trong nguyên bản (xem chú thích 14 – N.D).